

Kazumi Yumoto

mùa thu
của
cây
đương

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG dịch



nhà nam

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

MÙA THU CỦA CÂY DƯƠNG

Tác giả: **Kazumi Yumoto**

Dịch thuật: **Nguyễn Thanh Hà**

NXB Văn Học

Ebook: **Cuibap**

Lời Dẫn

Mùa hè năm lên sáu tuổi, gia đình mẹ con Chiaki lâm vào cảnh khốn cùng. Mẹ cô bé quá đỗi tiêu tụy không thể chăm lo nổi cho Chiaki nhạy cảm và đang khủng hoảng bởi sự ra đi bất ngờ của bố. Nhưng, từ sau khi dọn đến khu căn hộ cho thuê có tên Cây Dương, Chiaki dần tìm lại hạnh phúc tuổi thơ tưởng chừng đã mất, nhờ có bà cụ chủ nhà - khó tính, nấu ăn dở, ưa sạch sẽ, hay dọa trẻ con... nhưng âm thầm tốt bụng. Thời gian thấm thoát trôi, hai mươi năm sau Chiaki nhận được tin bà qua đời. Trên hành trình quay về dự đám tang bà, dòng ký ức ngọt ngào của những tháng ngày sống tại Cây Dương lặng lẽ ùa về. Nơi đây, cô đã tìm ra một sự thật, về chính bản thân cô, về mẹ cô, và nhất là về bà cụ, người dù đã mất đi nhưng sẽ mãi luôn còn ở đó. Và một mùa thu nữa lại trải lá vàng lên khu căn hộ Cây Dương.

Kazumi Yumoto sinh năm 1959 tại Tokyo. Cô theo học khoa sáng tác tại Đại học Âm nhạc Tokyo. Trong khoảng thời gian đó, cô từng viết lời cho các vở opera, kịch nói trên sóng phát thanh và truyền hình. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của cô - Khu vườn mùa hạ (Natsu no niwa) xuất bản lần đầu năm 1992 đã nhanh chóng giành được thành công ở trong và ngoài nước. Tác phẩm tiếp theo của cô - Mùa thu của cây dương (Popura no Aki) cũng nhận được rất nhiều chú ý từ dư luận, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

“Tôi tin là có tồn tại một mối quan hệ giữa trẻ em và người lớn dẫu cho hai bên không hề là ruột thịt, và rằng mối quan hệ đó có thể sâu sắc đến mức trùm bóng lên một phần đời đứa trẻ ngay cả khi đứa trẻ ấy đã trưởng thành.”

— *Kazumi Yumoto*

“...sự đáng sợ của cái chết, mối liên kết giữa các thế hệ, và những xáo động của những tâm hồn tưởng như đã ngủ quên trong lòng xã hội vì họ quá đỗi cô đơn.”

— *Hazel Rochman, Booklist*

“Một cái nhìn sắc sảo về nỗi đau mỗi người phải gánh chịu cũng như những điều tuyệt vời họ có thể đón nhận khi lớn lên.”

— *Publishers Weekly*



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Chương 01

1.

"Sao thế, giọng con nghe như không khỏe. Đã ăn tối chưa? À khoan, đợi đã, có chuyện này hệ trọng lắm. Khi nãy cô Sasaki gọi điện tới...Ừ, đúng rồi, là cô Sasaki đó. Ở trang viên Cây Dương ấy."

Nghe mẹ nói thế qua điện thoại, tôi vừa thoáng nghĩ bao năm rồi mình chẳng có lúc nào thông thả để nhớ đến những ngày sống cùng bà cụ, thì sức hiểu ra ngay: "Ôi, bà cụ mất rồi!"

Bà cụ là chủ khi căn hộ cho thuê nơi mẹ con sống trong ba năm. Bố mất năm tôi lên sáu, sau đó ít lâu, mẹ dọn khỏi ngôi nhà chúng tôi đang ở và tới khu căn hộ cho thuê của bà cụ, "Trang viên Cây Dương." Cô Sasaki, người vừa liên lạc với mẹ, cũng sống ở đó.

"Buổi sáng, cô Sasaki gọi bà dậy nhưng không thấy bà trả lời, có vẻ như bà đi trong lúc ngủ."

"Sáng hôm nào cơ?"

"Sáng nay."

Tôi hít một hơi thật khế. Nếu là sáng nay thì dù bà có xuất hiện trong mơ để chào từ biệt, tôi cũng chẳng thể biết được vì đang ngủ mê mết. Tôi bị lệ thuộc thuốc ngủ, phải uống thuốc mới ngủ ngon, thi thoảng, không rõ là cách bao lâu, tôi lại gặp ác mộng khủng khiếp. Trong giấc mơ đêm qua, tôi thấy mình là xác con cá to kinh dị bị ném xuống một nền bê tông mênh mông. Trong những cơn ác mộng tôi thường gặp, tình tiết đó rất hay xuất hiện.

"Bà bao nhiêu tuổi rồi mẹ nhỉ?"

"Chín tám, vậy là bà đã ra đi thanh thản."

Thế thì hỏi chúng tôi sống ở đó, bà cụ cũng phải tám mươi rồi. Thế mà bà vẫn nói với tôi, khi ấy mới bảy tuổi, rằng: "Bà sẽ cố gắng sống đến ngày cháu trưởng thành." Ở cái tuổi tám mươi, nói được như vậy đòi hỏi một quyết tâm thực sự, và bà cụ đã thực hiện lời hứa một cách thật xuất sắc.

"À còn nữa, bà có để lại một số thư, cô Sasaki gọi điện vì việc đó."

"Để lại gì kia?"

"Những - lá - thư," mẹ hơi hạ giọng, chậm rãi nhắc lại.

"Cô Sasaki nói vậy?"

“Ừ,” mẹ đáp nhưng không nói thêm gì về những lá thư nữa. “Có nên gửi hoa không nhỉ...”

Mẹ tái hôn và chúng tôi rời trang viên Cây Dương khi tôi lên mười. Từ đó trở đi, cả mẹ và tôi đều không gặp lại bà, nhưng dĩ nhiên, chúng tôi vẫn thư từ qua lại với nhau, đôi khi còn gửi cả ảnh. Có điều, “những lá thư” mà cô Sasaki nói đến chắc không phải mở thư đó. Mà là những lá thư tôi viết hồi bảy tuổi rồi gửi bà cất, chúng được cất trong ngăn tủ quần áo màu đen. Vậy ra bà để giữ chúng trong suốt ngàn ấy năm

“Hoa, mẹ gửi hoa đi.”

“Sao?”

“Con sẽ tới đó. Nếu đi máy bay thì nhanh thôi.”

“Thế còn bệnh viện, sẽ không sao chứ?”

Từ ngày tôi bỏ bệnh viện nơi mình làm y tá, thấm thoát đã gần tháng trời. Việc này tôi không hề cho mẹ biết.

“Mẹ không phải lo chuyện đó.”

“Mẹ có lo lắng gì đâu,” mẹ yên lặng trong giây lát. “Dù là chuyện gì thì con cũng tự quyết định hết mà.”

“Vâng.”

“Thế nhé, gửi lời hỏi thăm hộ mẹ tới cô Sasaki.”

“Vâng, con nhớ rồi.”

Tôi cúp máy rồi ngồi ngây ra một lúc. Thôi, thế là đã xa nhau mãi rồi. Cả bà cụ, cả trang viên Cây Dương, cả khu vườn có cây dương ấy và tất cả những điều tôi từng cho là “tốt đẹp” dù không thực sự hiểu. Ba năm ngắn ngủi sống ở trang viên Cây Dương, giờ đây tôi chỉ có thể nhớ đến như nhớ một câu chuyện trong giấc mơ mà thôi.

Tôi bỏ và túi du lịch quần áo lót để thay, đồ vệ sinh cá nhân và cả túi giấy đựng thuốc rồi kéo roẹt phéc mơ tuya. Đi có một, hai ngày mà mang cả đống thuốc ngủ theo thế này, đúng là ngớ ngẩn, tôi lẩm bẩm. Nhưng thực tâm có lẽ tôi không cho điều đó là ngớ ngẩn chút nào. Chẳng phải lúc nào mà cũng chăm chăm nghĩ tới những viên thuốc ấy hay sao, một giọng nói khác vang lên trong tôi. Tôi lắc đầu. Không biết tiếp theo sẽ xảy ra chuyện gì, nhưng tôi biết, ít ra thì đêm nay, tôi sẽ không mơ thấy mình thành xác cá nữa. Ngày mai, tôi sẽ lên máy bay đến tiễn biệt bà cụ. Cũng chỉ có ngàn ấy việc phải làm thôi.

Tôi trèo lên giường, lặng lẽ nhắm mắt. Tiếng lá cây dương xào xạc bên tai, như rủ rê tôi: “Cùng trò chuyện nào, cùng nói chuyện nào.” Âm thanh dễ chịu

và khô hanh của mùa thu, tôi nhận ra ngay đó không phải âm thanh từ ngoài kia vọng vào.

2.

Sau vài ngày cuộc sống đảo lộn vì bố ra đi đột ngột do tai nạn giao thông, mẹ lại trở về chăm lo việc nhà như trước. Nhưng ít lâu sau, một hôm mẹ bất ngờ chìm vào giấc ngủ. Mẹ ngủ suốt. Khoảng bao lâu nhỉ? Một tuần, à không đến, đó là do tôi cảm giác lâu vậy thôi chứ thực ra có lẽ chỉ khoảng ba, bốn ngày. Tôi vẫn nhớ khi kỳ nghỉ hè bắt đầu, mẹ còn đang ngủ, và tôi - mới lớp Một tiểu học - phải ăn cá hồi đóng hộp những khi thấy đói. Thật kỳ lạ là tủ bếp nhà tôi lại chỉ toàn cá hồi đóng hộp. Những con cá hồi vẽ trên nhãn hộp có ánh mắt lạnh lùng vô cảm, và hiển nhiên chúng không phải đối tượng để trò chuyện. Từ sau lần đó, tôi không bao giờ dám ăn cá hồi đóng hộp nữa. Cả bây giờ cũng vậy, mỗi lần nhìn thấy những hộp cá hồi chất cao trong cửa hàng thực phẩm, gan bàn chân tôi chột lạnh ngắt.

Khi tôi đã ăn hết chỗ cá hồi đóng hộp để bằng lượng người ta ăn trong cả đời, thì cũng bất ngờ như khi chìm vào giấc ngủ, mẹ đột nhiên tỉnh dậy. Lần này, mẹ dẫn tôi đi theo, hai chúng tôi lên tàu điện. Không định trước sẽ đi đâu. Chỉ là bước lên một chuyến tàu, chẳng cần biết nó sẽ đi đâu, rồi xuống ở một ga bất kỳ. Dưới nắng hè thiêu đốt, hai mẹ con tôi lang thang vẩn vơ khắp những đường phố xa lạ. Chúng tôi ăn mì lạnh ở một cửa hàng vừa tiền, rồi lại lên tàu điện.

Suốt quãng thời gian đó, tôi và mẹ hầu như im lặng, không nói gì với nhau. Tôi hiểu, sâu tận đáy lòng, mẹ không muốn nhắc đến bố. Phần tôi, khi nghe tin bố mất, tôi đã vô cùng đau khổ. Nhìn bố nằm trong quan tài, đầu quấn băng, tôi bật khóc lên thành tiếng. Nhưng giờ tôi cảm thấy tựa như có một lớp màng bao bọc lấy tim mình, tôi không nhớ được mấy những điều về bố khi ông còn khỏe mạnh. Có lẽ bởi nỗi thương tiếc dữ dội mà mẹ vẫn ôm trong lòng dần dần chuyển thành căm giận và thái độ cự tuyệt dành cho thế giới xung quanh đã truyền sang tôi.

Buổi tối, trở về nhà khi toàn thân đã mệt bã, hai mẹ con cùng nhào xuống đồng chăn nệm vẫn còn trải nguyên từ sáng và ngủ li bì. Không có ký ức vui nào trong chuỗi ngày lang thang ấy, nhưng chỉ cần được lặp đi lặp lại hành trình này mỗi ngày, ít nhất cũng có điều gì đó còn lại trong lòng mẹ. Một đứa bé sáu tuổi như tôi chỉ nghĩ được đến vậy. Hơn nữa, so với chuyện chỉ có mỗi món cá hồi đóng hộp để ăn, đi lang thang tất nhiên sướng hơn gấp cả trăm

Nhưng rồi như một điều bất ngờ thú vị, chúng tôi chợt phát hiện ra trang viên Cây Dương trong một chuyến lang thang bằng tàu điện.

Hôm ấy, hai mẹ con tôi lên một chuyến tàu vắng ngắt ra ngoại ô, đó là một hành trình thật dài. Chúng tôi chọn ga tới một cách ngẫu nhiên. Ở đó, khi xuống tàu, từ sân ga có thể nhìn thấy vùng bờ sông bên dưới. Nhìn nhó trong ánh nắng chói chang hắt lên từ những tấm bê tông, chúng tôi rảo bước về phía đầu sân ga. Cả dòng sông, bãi cỏ đến cây cầu và mặt đất đầy bụi bặm cùng phơi mình dưới cái nắng như đổ lửa. Sông cạn, dòng nước trôi lơ lửng, còn bầu trời thì bao la dị thường. Tôi hít vào một hơi thật đầy, bất chợt muốn thốt lên điều gì đó, kiểu như “Làm sao bây giờ?”

“Mẹ con mình ra cửa soát vé nhé?”

Tôi hồi bắt đầu lang thang trên những chuyến tàu điện thế này, chưa bao giờ mẹ hỏi ý tôi. “Lên đây nhé!” hay “Xuống đây nhé!” cũng không. Vì vậy tôi tỏ ra ngạc nhiên.

“Con không muốn à?” mẹ hỏi.

Tôi lắc đầu ngay, “Không phải đâu ạ.”

Tôi chợt nghĩ mình cần phải ngoan, không được phép trái lời, liền chăm chăm nhìn thẳng về phía trước và rảo bước bên cạnh mẹ đang hối hả đi.



Ra khỏi khu phố mua sắm trước nhà ga sẽ thấy một trạm cứu hỏa. Gần trạm cứu hỏa là một dòng sông bắn như mương thoát nước. Chúng tôi cứ thế men theo dòng nước, qua một khu dân cư không có gì đặc biệt, không biết sẽ đi tới đâu. Tôi nghĩ lúc đó tầm hai giờ. Lối đi dọc bờ sông không một bóng râm, mặt trời thiêu đốt hết tất cả bằng cái nóng khủng khiếp chặn đứng cả âm thanh, khiến cho không còn nghe nổi tiếng ve kêu, không thấy một bóng người cũng như bóng chim bay, còn bi đông nước của tôi thì khô rốc. Tôi chẳng hiểu mình đã bị tụt lại phía sau từ lúc nào, chỉ biết cố lê chân và chăm chăm nhìn theo lưng mẹ.

“Ta tới đó nhé!”

Đột nhiên, mẹ đứng lại và gọi, đúng vào lúc trí óc tôi gần như ngừng hoạt động, tuy hai chân còn chưa dừng hẳn, cái trán dò dỉnh bết những sợi tóc dẫm mồ hôi va nhẹ vào bên hông mềm mại của mẹ. Tôi từ từ ngẩng đầu lên, ngơ ngác nhìn theo hướng mẹ chỉ.

“Con nhìn kia, cái cây đó. To quá nhỉ!”

“Vâng ạ.”

Từ giữa các mái nhà của khu dân cư sừng sững vươn lên một cái cây cao, còn cao hơn cả cột điện. Không thấy có gió thổi, nhưng ở trên vòm lá vẫn lay động, chỉ nhìn thôi cũng đủ khiến người ráo mồ hôi.

“Mẹ con mình tới xem cái cây đó nhé!”

“Vâng,” tôi gật đầu.

“Chiaki, người con đằm đìa mồ hôi kìa. Bi đông nước của con đâu?”

“Con uống hết mất rồi. Nhưng không sao đâu.”

Ý nghĩ phải cố gắng khiến tôi ráng sức bước lên vượt trước mẹ. Cứ thế, hai mẹ con xuôi theo một quãng bờ sông, rồi rẽ ra xa dần cho đến khi dòng nước lùi hẳn lại phía sau lưng thì bước vào một con đường, đủ rộng cho ô tô chạy và thấy ngay khu vườn có cái cây lớn.

Khu vườn còn xa mới được gọi là cỏ rả sạch sẽ và đẹp để tưới tât, dẫu chẳng đến mức bị bỏ bẵng không ai chăm lo và cũng không phải kiểu được trang hoàng cầu kỳ, hiển nhiên nó không phải một nơi bỏ hoang. Dễ nhận ra, khu vườn phát triển được thế này là nhờ người chăm sóc, gieo hạt suốt một thời gian dài, nhưng có vẻ người chủ thấy thế là đủ rồi, không có ý định tưới tât thêm làm gì. Cây phong tươi tốt lá xanh, khóm trúc đào nở bung những đóa hoa đỏ, vươn cành chạm sang tận mái kho chứa đồ của nhà bên, cây nguyệt quế Nhật lá bóng láng, hoa tú cầu duyên dáng xù lên. Những bông hoa ly màu hồng cam lấp ló đây đó, không ra hàng lối nào, một chiếc lò than màu xanh có nhiều mẫn nguyệt đang ngồi phệt dưới nền đất. Còn chính giữa khu vườn là cái cây lớn đứng sừng sững, tán lá thi thoảng lại lay động nhẹ nhẹ theo cơn gió nhẹ trên cao. Ngược mắt nhìn lên, tôi chợt muốn được ngả vào đó mà ngủ một giấc ngon lành.

“Chiaki, Chiaki!”

Mẹ vẫy tay gọi tôi. “Mẹ biết đó là cây gì rồi.”

“Cây gì hả mẹ?”

“Cây dương”

“Con nhìn kìa,” mẹ chỉ. “Khu căn hộ cho thuê Cây Dương” - đó là tấm biển tên bằng gốm trắng gắn trên trụ cổng là những khối bê tông vuông chồng lên nhau. Cái tên ấy nghe thực kỳ cục đối với tôi. “Khu căn hộ cho thuê Cây Dương, khu căn hộ cho thuê Cây Dương.”

“Không phải nhà ở bình thường. Tầng hai là để cho thuê.”

Mẹ lẩm bẩm như đang nói một mình.

Hướng Bắc ngôi nhà trông ra con đường chạy dọc bờ sông và có một cầu thang ngoài. Trên lối đi tầng hai có ba cửa ra vào, hai trong số đó có máy giặt kê

đối diện cửa. Một khu căn hộ bằng gỗ và khó có thể gọi là kang trang.

“Chiaki này, mẹ con mình mà sống ở đây thì sao nhỉ?”

Đó là câu hỏi thứ hai trong ngày, đường đột đến nỗi dù mẹ rất mong đợi câu trả lời, lưỡi tôi cứ đơ ra, chẳng nói được gì. Nhìn về phía mẹ đang nhìn, tôi thấy trên cánh cổng sắt hé mở có một tấm biển bằng bìa các tông buông xuống.

“Còn phòng trống, vì thế...”

“Phòng trống ạ?”

“Ý nó là mẹ con ta có thể chuyển đến đây được đấy.”

Chuyển nhà tới đây, có vẻ là một ý khá hay. Tôi đã lơ mờ nhận ra rằng trước sau gì chúng tôi cũng sẽ phải rời khỏi ngôi nhà đang sống, và tôi cũng đã kịp thấy thích khu vườn này rồi.

“Vâng, nếu mẹ muốn thế.”

“Thế Chiaki thì sao?”

“Con nghĩ là được ạ.”

Mẹ nhìn tôi một lát, rồi không do dự nữa, mẹ bước thẳng vào trong.



Căn phòng được bố trí kiểu căn hộ cho thuê thông thường. Từ hướng Bắc, bước vào cửa sẽ gặp ngay khu phụ, rồi một phòng nhỏ rộng khoảng bốn chiều rưỡi ngăn bằng vách gỗ, kế đó trông về hướng Nam là một phòng trải sáu tấm chiếu bạc phếch vì nắng. Chỉ mang theo những hành lý phù hợp nhất, hai mẹ con tôi chuyển đến căn hộ đó. Mẹ vứt bỏ không thương tiếc những thứ không mấy cần thiết. Sau khi đã quyết định được chỗ ở mới, mẹ mau chóng dọn khỏi nhà cũ, tất cả mọi việc được tiến hành chóng vánh đến mức khó có thể hình dung nổi nếu đã quen với tính đằm đằm thường ngày của mẹ.

Chỉ có ba căn hộ cho thuê và đều nằm trên tầng hai. Từ hướng Tây, phía có cánh cổng, phòng đầu tiên của một phụ nữ độc thân tên là Sasaki, cô làm việc cho một công ty may mặc; chính giữa là phòng của bác tài xế taxi Nishioka, hẳn nhiên là bác sống một mình; còn chúng tôi trở thành chủ nhân của căn phòng nằm trong góc, sẽ thấy ngay khi leo lên hết cầu thang.

Bà cụ chủ nhà sống một mình dưới tầng một. Nghe nói sau khi người chồng, vốn là giảng viên văn học Trung Quốc tại trường đại học, qua đời, bà sửa sang lại ngôi nhà và biến nó thành khu căn hộ cho thuê từ đó. Còn chuyện này thì mãi về sau tôi mới biết, người ta bảo rằng cái tên dài dòng “Khu căn hộ cho thuê Cây Dương” là do nhân viên văn phòng bất động sản, nơi giúp tìm kiếm những người khách trọ đầu tiên, đặt cho; nghe nói ban đầu bà cụ muốn đặt tên khu nhà là “Trang viên Cây Dương” nhưng rồi bị thuyết phục bởi lý do “Khu

căn hộ cho thuê” - mà sau này được chọn - nghe hiện đại hơn nhiều. Khi chúng tôi chuyển tới, chủ nhà, hàng xóm, thậm chí là cả nhân viên bưu điện, tất cả mọi người đều gọi nơi này là trang viên Cây Dương như một lẽ dĩ nhiên vậy.

Bà cụ là một người khó tính, chẳng dễ gần chút nào. Thực lòng mà nói, dù sợ nhưng tôi vẫn có chút cảm giác thích thú đối với bà cụ, như kiểu ta tò mò muốn nhìn những thứ đáng sợ vậy, nhưng quả thực giữa “đáng sợ” và “muốn nhìn” có một sự mất cân bằng ghê gớm. Nói gì thì nói, bà cụ cũng thật đáng sợ.

Cái trán dô chi chít nếp nhăn hằn sâu của bà rộng và lồi hẳn ra. Răng hàm trên chẳng còn chiếc nào, răng hàm dưới chỉ còn ba cái, có lẽ vì thế mà cằm bà nhô ra, phần giữa khuôn mặt lại lõm vào thành hình vòng cung. Khuôn mặt gãy hõm cả vào kiểu ấy phải nói là giống hệt thủy thủ Popeye^[1]. Ở đáy lòng chảo giữa cằm và trán, hai con mắt đung đưa sắc lém tiết lộ lai lịch của bà: bà chính là Popeye một ngày nọ uống phải thứ thuốc đáng ngờ nào đó và biến thành người xấu.

Cả đồ vật trong nhà bà cụ cũng quá đáng sợ đối với một đứa trẻ. Có lẽ bà khó chịu với ánh nắng lọt vào phòng nên chỉ mở duy nhất một tấm cửa chớp. Hôm đầu tiên đi hai mẹ con tôi lần bước tới theo lời mời gọi của cây dương kia đến đây, từ hành lang tôi đã lén nhìn vào căn phòng âm u, thấy những bước tường bị chôn vùi hoàn toàn sau đồng sách và một con rồng đá trang trí tường trông nhìn mình. Một lá bùa màu đỏ sống động như trong mơ - nó viết gì nhỉ, là thần chú chẳng, cái dây chữ Hán rắc rối đó - dán hành lang chỗ sát trần nhà.

Tuy nhiên, lý do chính khiến tôi hãi bà cụ lại là ở một điều thực tế hơn nhiều. Ngay từ ban đầu, bà đã nói không muốn nhận cho trẻ con vào khu nhà này. Mẹ phải nài nỉ mãi, rốt cuộc tôi cũng được phép ở lại, nhưng vẫn cứ sợ nơm nớp lơ làm gì không vừa ý bà cụ thì sẽ bị đuổi phắt khỏi đây. Tuy chỉ là một căn hộ cho thuê, nhưng với tôi khi ấy đó là nơi chốn ổn định mà khó khăn lắm tôi mới có được sau chuỗi ngày dài chỉ biết đến cá hồi đóng hộp và tàu điện.

Ngày ngày, mẹ ra ngoài tìm việc. Tôi một mình ngắm cây dương qua cửa sổ và lặng lẽ đi qua những ngày cuối cùng của mùa hè năm đó. Cả thế giới của tôi chỉ loanh quanh với tán lá dương rung rinh không dứt, lũ chim bay tới đậu trên cây và những bóng lá chen lá biến đổi theo bước đi của ông mặt trời. Cả khi ăn hai nắm cơm mẹ chuẩn bị sẵn cho tôi để ăn trưa, tôi cũng hướng về cái cây ấy. Chiều xuống, bà cụ để hương trừ muỗi dưới chân, phủ khăn mặt lên đầu và bắt đầu nhổ cỏ, tôi cũng hơi ló người qua cửa sổ, không phải để nhìn bà mà là để thấy cái cây. Tôi cứ hướng đến cái cây vì muốn chuyện trò với nó, hay do chán

nản, buồn bã nhỉ? Tôi chẳng còn nhớ chút nào về những cảm xúc ấy nữa. Tính ra thì sau này, chưa có mùa hè nào của tôi tĩnh lặng như mùa hè năm đó. Ngay cả bây giờ, hình ảnh mùa hè trong tôi vẫn là những bóng râm thẫm dần bởi sự chói chang của ánh nắng và khoảng tĩnh lặng gói ghém bên trong bóng râm ấy.



Thế rồi những ngày yên ả đó cũng kết thúc khi tháng Chín về. Tôi bắt đầu đi học.

Tôi được chuyển từ trường tiểu học nữ sinh tư thục đang học sang một trường tiểu học công lập gần trang viên Cây Dương. Dĩ nhiên cũng là vì vấn đề khoảng cách, nhưng tôi nghĩ, với một người vừa được nhận vào làm ở nơi tổ chức lễ cưới sau những ngày dài chạy đôn chạy đáo tìm việc như mẹ thì học phí hàng tháng của trường tư thục hẳn là một gánh nặng. Lương thẩm phán của bố ngày trước cũng thuộc loại khá nhưng cũng không đủ để có cái gì đó gọi là tài sản để lại. Tôi vẫn là học sinh lớp Một, bố mất khi tôi còn đang dở dang học kỳ thứ nhất, sau đó thậm chí tôi còn không đến trường, vì vậy cũng chẳng có cảm giác lưu luyến gì với trường cũ cả nên tôi thấy hơi ngạc nhiên lúc nghe mẹ nói “xin lỗi” như thế mẹ đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng như vậy.

Thế nhưng đến khi đi học thực sự, trường học lại trở thành một vấn đề nhức nhối đối với tôi. Từ bọn bạn cùng lớp cứ hò hét xông vào nhau tới các giáo viên gào thét trong bộ quần áo thể thao, tất cả đều rất khác so với trường cũ chỉ toàn con gái, làm sao tôi có thể kết bạn được trong một ngôi trường nhộn nhạo như thế này, song đó không phải là điều duy nhất khiến tôi khổ sở.

Từ sau khi trở lại trường học, biết bao suy nghĩ lại ùa đến bủa vây tôi. Bố đã đi đâu nhỉ? Bỗng nhiên một ngày bố đi đâu mất? Thế là thế nào. Sao đột nhiên lại không còn bố nữa? Liệu có phải bố sẩy chân rơi xuống lỗ cống đang mở nắp rồi biến mất giống như nhân vật siêu hậu đậu trong truyện tranh hay không?...

Đương nhiên, tôi cũng có mặt trong lễ tang, cũng sợ hãi khi thấy trên khuôn mặt bố trong quan tài có gì đó rất khác so với khi còn sống. Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi hiểu cái chết của bố. Bố của tôi, phải chăng ông đã đi đâu mất rồi?

Trong suốt mùa hè, kể cả khi có cả hai mẹ con lẫn khi chỉ có một mình, tôi chẳng mấy may suy nghĩ về điều đó. Có lẽ vì tôi không chủ tâm suy nghĩ, và cũng chưa đến lúc có thể suy nghĩ về chuyện như thế. Nhưng khi ra ngoài, tôi luôn bị xâm chiếm bởi cảm giác thế giới này nhan nhản những lỗ cống há miệng ở khắp mọi nơi, một thế giới mà dẫu chỉ sơ ý một chút thôi cũng không thể

được. Cả mẹ, cả tôi, một lúc nào đó cũng sẽ rơi xuống cái hố đen ngòm ấy, không cách nào trở về, giống như bố. Bạn bè, thầy cô ở trường đều rất tươi vui, hào hứng và đầy sức sống, tôi không nghĩ có ai trong số họ biết về những hố đen đang ám ảnh tôi, và tôi thấy cô đơn vô cùng.

Tôi không tiết lộ với bất cứ ai về nỗi sợ của mình. Dĩ nhiên, kể cả mẹ. Ngay cả một đứa trẻ như tôi cũng nhận ra rằng mẹ vẫn không muốn nói chuyện về bố, vẫn nhất định không chấp nhận sự thật bố đã mất rồi. Chẳng bao lâu sau, tôi bắt đầu thấy khó chịu và tức giận cái thái độ cự tuyệt bướng bỉnh ấy, thậm chí tôi còn trách móc mẹ nữa. Nhưng hồi ấy, tôi cũng chỉ nghĩ được rằng không được nhắc đến bố, dù sao thì mẹ trước mắt tôi đã đủ khổ sở rồi, và lại chắc mẹ cũng gặp nhiều khó khăn ở chỗ làm mới. Rồi trường nữ thực, mẹ kết hôn ngay với bố, hơn mẹ những 12 tuổi, và suốt một thời gian dài cho tới khi sinh tôi, mẹ chỉ ở nhà nên gần như chẳng có chút kinh nghiệm làm việc nào. Mẹ, người luôn điềm tĩnh trước mọi chuyện, giờ luôn phải thức khuya ghi chép với đôi mắt mệt mỏi kiệt cùng, thế nên dù thế nào tôi cũng không thể làm mẹ lo lắng.

“Trường học vui không con? Con có bạn rồi chứ?”

“Vâng. Tuyệt mẹ à!”

Chương 02

Nếu mẹ hỏi, tôi sẽ trả lời như vậy. Rồi sáng sáng, tôi sẽ lại nghiêng rằng bước ra khỏi nhà, hướng về cái thế giới đầy rẫy những lỗ cống không đáy đang há hốc cái miệng đen ngòm mà có lẽ do các vị thần đã quên không đậy nắp. Tôi làm bài tập rất cẩn thận và chẳng bao giờ lơ quên cái gì. Vậy mà giờ nhớ lại, tôi chỉ thấy khoảng thời gian đó ngập tràn căng thẳng sợ hãi rằng mình sẽ sơ sẩy điều gì. Tôi đã nghĩ, luôn cẩn trọng và không phạm lỗi là cách duy nhất để không bị lôi tuột xuống những hố đen mà chẳng biết khi nào và ở đâu sẽ xuất hiện.



Ngày qua ngày, căng thẳng cứ lớn dần lên. Tôi kiểm tra đồ trong cặp sách tới ba lần trước khi đi ngủ, và sáng dậy, nếu không xem lại thêm lần nữa tôi sẽ chẳng thể yên tâm ra khỏi nhà. Trong lúc kiểm đồ, tôi chợt nảy ra ý nghĩ, không chừng thời khóa biểu thay đổi rồi cũng nên. Thế là tôi nhét tất cả sách vở vào cặp, những thứ thừa ra tôi bỏ vào túi xách bằng vải bạt rồi mang cả đi. Ngày ngày, tôi đi đi về về trên cùng một con đường, lưng còng xuống vì mang đồ quá nặng, trông tôi chẳng khác nào một bà già khư khư giữ cửa.

Người ta vẫn bảo rằng, nỗi lo lắng giống như một mầm cây, ngắt đi rồi sẽ mọc lại, bởi thế ngay khi nỗi sợ quên đồ dần tan biến, tôi lại bị tấn công bởi một nỗi lo sợ mới. Vì mẹ luôn là người ra khỏi nhà trước nên tôi thường phải tự khóa cửa rồi đến trường. Nhưng trên đường đi, nỗi sợ bất chợt lại ập đến, tôi không biết mình đã khóa cửa cẩn thận hay chưa...

Hạt mầm lo sợ mới này lớn nhanh như thổi, giống như cây đậu trong “Chuyện chàng Jack và cây đỗ tương”. Thế là dù đang vác theo một đống đồ nặng, tôi vẫn tất tưởi về nhà kiểm tra lại khóa cửa. Chưa đầy một tuần sau, hằng ngày tôi không thể đến trường mà chưa thực hiện trình tự ấy đủ ba lần, mỗi lần quay về nhà là từ ba điểm khác nhau trên đường đi. Dĩ nhiên, lần nào cửa nhà cũng luôn được khóa chắc chắn. Cả việc nhà đột nhiên bị cháy rụi cũng không hề xảy ra. Nhưng nếu không kiểm tra lại cho chắc chắn, tôi sẽ không ngừng bị nỗi lo “sắp có điều gì xấu xảy ra” hành hạ.

Khi chắc chắn cửa nẻo đã được khóa kỹ càng, nỗi lo tiếp theo là đi học muộn. Đường tới trường mất khoảng mười phút đi bộ, nhưng do mang đồ nặng, lại hết lần này đến lần khác quay về nên tôi thường phải ra khỏi nhà một

tiếng trước khi giờ học bắt đầu. Nghĩa là phải dậy thật sớm. Nghĩa là nếu ngủ quên thì sẽ rắc rối to...

Đến trường suôn sẻ, tôi lại lo về mẹ. Liệu mẹ có gặp tai nạn giao thông giống như bố không? Liệu mẹ có vất vả quá mà mắc bệnh không? Hay, liệu ngay lúc này đây mẹ có đang cần tôi giúp đỡ?...

Song nói gì thì nói, kinh khủng nhất vẫn là vào ban đêm. Cứ hễ tôi chui vào chăn và nhắm mắt là cái nắp cống trong đầu lại chuyển động, rồi cái hố đen ngòm bắt đầu cất tiếng: “Trong khi mi ngủ say sưa, những thứ quan trọng của mi sẽ thuộc về ta...”

Tôi luôn giả vờ ngủ và chờ mẹ nằm xuống. Cho đến khi nghe rõ tiếng mẹ thở khe khẽ, tôi mới dần thiếp đi. Vừa nhắm mắt vừa cầu mong sao mình đừng dậy muộn.



Điều lạ là tôi hoàn toàn không nhớ gì về lễ Bỉ nạn^[2] năm đó. Không thể có chuyện chúng tôi không làm gì trong tuần thu phân đầu tiên sau khi bố mất, liệu có phải tôi đã chìm đắm trong thế giới riêng đến độ rũ bỏ cả những điều như thế khỏi ký ức mình?

Vào một sáng đầu tháng Mười, tôi bị sốt cao.

“Nếu đến chiều mà nhiệt độ vẫn không hạ thì con đi viện nhé”

“Thế việc của mẹ thì sao?”

“An tâm, chỉ nghỉ có một ngày thôi mà...”

Lâu rồi tôi mới thấy thoải mái như vậy. Nhờ cơn sốt, cảm giác có lỗi vì đã khiến mẹ phải nghỉ làm cũng trở nên nhẹ nhàng hơn. Tôi thêm thiếp ngủ, việc phải làm chỉ là kẹp cặp nhiệt độ dưới nách mỗi khi mẹ bảo và ăn táo thái nhỏ từ cái thìa lạnh lạnh mà mẹ bón cho tôi. Tôi mơ màng ngủ, rồi khi chợt chờn mở mắt, tôi thấy mẹ vẫn ngồi đó, trước bàn, đọc tài liệu cần thiết cho công việc. Đó là một cuốn sách về các nghi thức cưới hỏi rườm rà của người Nhật. Thấy tôi mở mắt, mẹ liền thay khăn mặt đắp trên trán cho tôi. Rồi mẹ khoác lên vai tôi chiếc áo len không cổ khi tôi định đứng dậy đi vào nhà vệ sinh, và cho tới khi tôi trở ra, mẹ cứ nhìn mãi cánh nhà vệ sinh mà đợi.

Tôi những muốn cảm ơn trời vì bị sốt. Thậm chí tôi còn nghĩ, nếu được yên lòng, thoải mái và ấm cúng thế này thì có ốm nữa cũng chẳng sao.

“Mẹ ơ!”

“Gì thế con?”

“Không ạ. Con chỉ gọi thôi.”

Tôi nghĩ mình thiếp đi được một lúc. Thế rồi bất chợt, có tiếng gì đó lộn xộn chợt xen vào giấc ngủ yên lành ấy. Là tiếng một con vật nào đó rên rỉ chẳng...

Tôi tỉnh dậy và nhận ra ngay, đó là tiếng máy giặt nhà tôi, kê ở phía Bắc lối đi, bên cạnh cửa ra vào sảnh trước.

Mẹ đang ngủ, trán áp lên quyển sách mở trên bàn. Mẹ bật máy giặt từ khi nào nhỉ, mình chẳng hay biết gì, vừa nghĩ tôi vừa ngồi dậy. Tôi nhìn đồng hồ, đã gần 12 giờ trưa. Nhờ có giấc ngủ ngon lành khi nãy mà giờ tôi đã thấy người nhẹ nhàng hơn. Để không làm mẹ thức giấc, tôi rón rén đứng lên là nhón chân bước về phía cửa.

Tôi mở cửa ra và bất thành linh, đứng trước cái máy giặt là một gã lạ hoắc, còn khá trẻ. Cũng như tôi, anh ta giặt thót hốt hoảng, đoạn lao như bay xuống cầu thang. Tôi bước chân trần ra ngoài hành lang, tim đập thành thịch rồi hét lớn.

Mẹ từ trong nhà chạy bổ ra. Gần như cùng lúc, cách cửa phòng bên bật mở, bác Nishioka xuất hiện trong bộ quần áo thể thao. Mùi hơi thở khi ngủ và một giọng trầm trầm đang kể chuyện cười khe khẽ vẳng ra từ phòng bác.

Bác Nishioka vốn là người nhút nhát, chẳng thể nói lấy một câu bông đùa. Những hể bác ở trong phòng, lúc nào tôi cũng nghe thấy từ bên kia tường vẳng sang giọng một người đàn ông lên bổng xuống trầm kể những câu chuyện hài, có lẽ là bác ấy bật băng cát-xét. Không chừng bác ấy để băng chạy suốt cả khi ngủ cũng nên.

Hôm đó, chắc bác Nishioka vừa chạy taxi ca đêm về, mắt nhắm mắt mở trông thật khiếp. Mí mắt bác sưng mọng, mái tóc bình thường vốn đã rối bù giờ y như cái tổ quạ, những sợi tóc lúc trước được vén sang một bên nay rũ xuống trông chẳng khác gì mớ tảo biển, để lộ cái trán hói to tướng. Người bác Nishioka vốn đã ốm o, bộ dạng lúc này lại hết như một võ sĩ thất trận chạy thoát thân trong bộ quần áo thể thao, sợi vải thì xoắn ra hết cả. Kinh ngạc trước bộ dạng lại hét lên lần nữa.

“Chiaki, có chuyện gì vậy? Con không sao chứ?”

Mẹ lay người tôi, nhưng tôi chẳng làm được gì khác ngoài chỉ tay về phía cầu thang. Đúng lúc ấy, trên con đường dọc bờ sông tôi thấy một bóng người đang chạy, có lẽ là gã khi nãy. Dù không biết đầu đuôi cũng chẳng hiểu sự tình gì, bác Nishioka vẫn “Kia!” lên một tiếng rồi lao xuống cầu thang. Tôi và mẹ đứng người, nhìn chằm chằm một lúc vào chiếc quần lót nam và mấy thứ đồ lạ hoắc đang tiếp tục quay tròn trong máy giặt.

“Mẹ ơi!”

“Gì hả con?”

“Người đó, đang giặt đồ ạ?”

“Có lẽ thế.”

“Chú ấy không có máy giặt ạ?”

“Chắc vậy.”

“Mẹ con mình làm gì với đồng đồ này hả mẹ?”

“Hừm...”

Máy giặt ngừng rồi mà mẹ vẫn chưa nghĩ xong. Tôi run run nhăn nít xả nước. Một tiếng động lớn vang lên, nước giặt màu tro đục ngầu chảy ra theo đường ống xả, mẹ mang từ trong bếp ra một túi ni lông to, vừa nhăn mặt vừa nhặt lấy mấy thứ đồ còn dính đầy xà phòng từ trong máy ra bỏ vào túi. Đúng lúc ấy, bác Nishioka hớn hển trở về.

“Cái thằng đúng là đồ mặt dày. Chẳng lẽ nó tiếc mấy xu cho máy giặt tự động à?”

Mắt vẫn dán chặt vào cái túi ni lông căng phồng, đôi lông mày bác vốn bình thường đã hay ngộ nguậy giờ như óng lên giật giật.

“Thật đáng xấu hổ, thật đáng xấu hổ!” Bác Nishioka không ngừng cảm râm bằng cái giọng the thé chẳng đần ông chút nào, mỗi lần kêu ca bác lại kèm theo một tiếng thở dài. Khi tôi nép nửa người sau lưng mẹ và nói “Chào bác!” thì bác khẽ cúi đầu như chào một người lớn ngang hàng. “Bác xin lỗi Chiaki nhé. Bác để gã kia chạy mất rồi...”

Rồi bác lấy tay vuốt mớ tóc, vén lên che vàng trán, như thể lúc đó mới nhận ra tóc mình đang rũ xuống mặt

Mẹ bảo tôi vào trong phòng nằm nghỉ. Nhưng cửa vẫn mở nên tôi có thể nghe thấy tiếng mẹ và bác Nishioka trò chuyện.

“Có khi... có khi đây không phải là lần đầu nó làm thế đâu.”

Nghe bác Nishioka nói vậy, tim tôi đập thình thịch.

“Việc đó...” mẹ lên tiếng vẻ lo lắng.

“Có thể lắm, vì tầng dưới chỉ có mình bà cụ, nhà trọ thì ban ngày chẳng có ai...”

“Tôi thường làm ca đêm nên ngày nào cũng ở nhà nhưng ngủ say như chết, hôm nay tình cờ đúng lúc tôi vừa tỉnh dậy đi vệ sinh...” Bác Nishioka phàn nàn, khi thì tuôn một mạch, lúc thì lắp bắp.

Hai người định sáng hôm sau sẽ vứt mấy thứ đồ giặt đưng trong túi ni lông ra bãi rác, cho tới khi đó mẹ vẫn để túi quần áo ở cổng ngoài. Vì mẹ bảo, có

thể người kia sẽ quay lại lấy đồ, và mẹ không muốn bị anh ta thù ghét vô cớ.

Bác Nishioka và mẹ xách cái túi ni lông xuống cầu thang. Nằm trong chăn, khi nghe tiếng bước chân của hai người, tôi nghĩ đến những lý do rất trẻ con, rằng xảy ra việc thế này là do tôi không ngoan. Vì tôi nghỉ học khiến mẹ cũng phải nghỉ làm, đã thế tôi còn nghĩ là có ốm nữa thì càng hay, nên tôi phải bị trừng phạt. Nếu tôi đi học, mẹ cũng đi làm thì chắc chắn việc ai đó lén lút sử dụng máy giặt nhà tôi sẽ không bị phát giác. Nếu như chẳng phải mọi việc vẫn êm xuôi hay sao.

Tôi nhắm chặt mắt. Vừa lúc đó, cái nắp cống mở ra kéo theo một tiếng cạch, rồi một vọng âm khó chịu từ dưới sâu vẳng tới: “Sai một li, đi một dặm. Nhớ đấy, không được phép quên.”

Đúng rồi, từ ngày mai, tuyệt đối, không được nghỉ học nữa. Không được mất cảnh giác với những lỗ đen ấy dù chỉ là một khắc. Tôi tự nhủ như vậy rồi nhắm chặt mắt lại một lần nữa.

3.

Nhưng tôi càng cố gắng bao nhiêu, cơ thể tôi càng không nghe lời bấy nhiêu. Nhiệt độ chẳng cao hẳn, cứ lên l xuống, mẹ vì tôi mà phải nghỉ làm cả tuần liền. Trong khoảng thời gian ấy, tôi mơ thấy mình bị lỗ cống biết đi đuổi theo, cứ mỗi lần tỉnh giấc tôi lại chúi cái đầu ong ong nặng trĩu cơn buồn ngủ vào tủ quần áo để thay đồ đến trường. Tôi thay đồ, bất kể lúc đó là nửa đêm. Cặp sách và túi sách tay vẫn như mọi khi, chắc chắn có tất cả sách giáo khoa và vở tập. Bút chì đã gọt. Tẩy, có. Quần áo thể thao, có. Túi đựng bữa trưa, có. Kèn harmonica, có. Bút chì màu, có...

Cuối cùng, bác sĩ đưa ra một thông báo đáng sợ: “Chị nên cho cháu nhập viện một thời gian.” Nhập viện, vừa nghe hai tiếng ấy tôi đã lắc đầu nguây nguây. Hơn nữa, tôi chẳng thích bị đưa vào một nơi lạ hoắc chút nào.

“Chiaki, nhập viện rồi con sẽ khỏe lại và đi học được.”

Mẹ thuyết phục tôi, vẻ mặt vô cùng khổ tâm.

“Mẹ nói dối.”

“Mẹ không dối con đâu.”

“Không cần nhập viện cũng được mà. Từ mai con sẽ đến trường.”

Thà con đi học còn hơn nhập viện, tôi khẳng khẳng bướng bỉnh. Nếu không chịu đến bệnh viện thì ở nhà sẽ tốt hơn, nhưng nếu nghỉ thêm nữa mẹ sẽ mất công việc mà khó khăn lắm mới kiếm được. Đúng lúc ấy, bà cụ chủ nhà lên tiếng.

“Tôi là chủ nhà, sự thể ra nông nổi này tôi cũng phải có trách nhiệm. Tôi sẽ để mắt tới Chiaki khi cô đi làm.”

Bà cụ cho rằng tình trạng căng thẳng của tôi có liên quan đến vụ người lạ dùng lén máy giặt, bà cụ thấy mình phải chịu phần nào trách nhiệm. Cổng ngoài của trang viên Cây Dương lúc nào cũng mở, bà nói đáng ra không được để như vậy.

“Sáng nào mẹ đi vắng, Chiaki xuống chỗ bà nhé. Bà sẽ trải chăn sẵn cho Chiaki.”

Tôi không khỏi bàng hoàng trước những lời mẹ nói. Mẹ bảo tôi sẽ ngủ trong căn phòng chỉ mở mỗi một cánh cửa chớp, toàn sách cũ và dán đầy những lá bùa bí ẩn ấy ư? Với lại lúc đầu bà cụ chẳng bảo “cấm trẻ con” đấy thôi, vậy có nghĩa bà cụ không thích bọn con nít. Vậy có khác nào tôi bị tống vào hang ổ của ma nữ độc ác?

“Bà không lên nhà mình hả mẹ?”

“Dạo này đầu gối bà yếu rồi, lên xuống cầu thang khó lắm. Nếu có bà bên cạnh con mẹ cũng đỡ lo...”

Mẹ khẽ cười rồi chọc nhẹ ngón trỏ vào má tôi.

“Chỉ buổi trưa thôi.”

“Con ở nhà một mình được mà mẹ...”

“Mẹ xong việc rồi ta cùng về nhà. Thôi nào, đừng cứng đầu thế.”

Tôi buộc lòng phải nghe theo. Vả lại nếu không tới đó, thế nào bà cụ cũng tự ái cho mà xem...

Thế là từ hôm sau, tôi “đi làm” cùng mẹ.

Bà trải chăn cho tôi tại một phòng kiểu như phòng ở, thông theo hướng Bắc-Nam với phòng bếp bằng gỗ và nằm ở góc trong cùng từ sảnh vào. “Kiểu như phòng ở”, gọi như vậy nghe cũng hơi lạ. Nhưng, trong căn phòng đó, bà cụ thường xem tivi, uống trà, đọc báo hay ngồi bên bàn sưởi, thành ra nó cũng chẳng khác gì phòng ở cả. Song, như những gì tôi nhìn thấy khi lần đầu ngó vào từ ngoài hành lang thông với sảnh ngoài: nào là giá sách cố định trên tường chật cứng sách cũ cao ngất đến trần nhà, rồi con rồng trang trí làm từ đá màu lục, cả những bức phướn với các con chữ hình thù kỳ dị trông như mớ tóc rụng của những linh hồn... thì căn phòng này quá bất thường để có thể gọi là phòng ở. Ngay cạnh cửa quét rác^[3] là một cái tủ đen thui với các tay cầm màu vàng kim, chăn nệm được trải khít ngay cạnh cái tủ nặng nề ấy. Khi nằm xuống nệm và quay về phía đối diện cái tủ, tôi nhìn thấy ảnh một ông cụ đặt trên bàn thờ, bức

ảnh cũ kỹ đã bị thời gian làm hư hại nhiều. Với chòm râu bạc phơ mọc dài che kín tới tận ngực và trên đầu không một cọng tóc, khuôn mặt ông hơi có vẻ nhút nhát nhưng điều đó không khiến ông trở nên bất đáng sợ đối với tôi. Thật may là bà cụ đã mở hết các cánh cửa chớp ra, không biết là vì tôi hay chỉ đơn giản là do tiết trời thay đổi.

Mỗi sáng tôi dùng lược chải mái tóc hỉ nhi và mặc bộ đồ ngủ có họa tiết dâu tây đẹp mắt, bên ngoài choàng một áo khoác không cổ đan bằng len xanh sợt to rồi tới chỗ bà cụ. “Cháu chào bà,” nói rồi tôi chui vào tấm chăn bông nặng trĩch mà bà cụ đã trải cho từ trước. Hai, ba hôm đầu tôi ngủ không yên. Còn bà cụ, chẳng biết vì nghĩ tôi đang ngủ hay vì không quan tâm mà ngoài những câu như “Đến giờ uống thuốc rồi,” hay “Cặp nhiệt độ đi! không nói gì với tôi nữa. Thế nên tôi chỉ nằm chong mắt lắng nghe tiếng tích tắc tích tắc phát ra từ chiếc đồng hồ treo tường.

Nhưng ngủ mãi cũng không được.

Buổi trưa, tôi ăn hai nắm cơm mẹ làm cho. Còn thực đơn của bà cụ bao giờ cũng vậy: ruốc tảo ăn với cơm nguội, kèm theo đó là món tử - canh tương nấu củ cải. Bà cụ nấu cả phần tôi, nhưng vì ở nhà mẹ chưa nấu canh tương củ cải bao giờ, hơn nữa củ cải ninh đến nát bét cộng thêm nước canh mặn đắng làm tôi quả thật khó nuốt. Tôi nghĩ thầm, chỉ có bà cụ mới nấu được món như thế này.

Không chừa lại một giọt nước, bà cụ lúc nào cũng húp sạch canh tương, không hề để ý là tôi đang ngắc ngứ. Rồi bà cẩn thận dùng đũa gắp những lá cải còn sót lại trong bát canh đã uống và đưa lên miệng. Với cái miệng chỉ còn mỗi ba chiếc răng hàm dưới, bà cụ chén đủ mọi thứ, từ dưa muối cho đến bánh khô souka. Chẳng hiểu thế nào mà tôi lại cứ muốn nhìn bà cụ ăn, tới khi gần như bị hớp hồn bởi cái miệng bà cụ đang há to hết như cái hang, bà cụ sẽ trừng mắt lên nhìn tôi và nói:

“Này, cháu không ăn đi à?”

Tôi bèn vội vàng và lấy và để những gì còn trong bát. Nếu bà cụ nói với mẹ là tôi lười ăn thì còn lâu tôi mới thoát khỏi cảnh khổ này.

Kinh khủng hơn, bà cụ còn bắt tôi uống thuốc sắc. Đó là thứ thuốc mà bà cụ uống mỗi ngày nhằm giúp lưu thông khí huyết, vị thuốc rất kỳ dị, chẳng biết là ngọt, đắng hay chua nữa. Lần đầu uống thứ thuốc ấy, tôi hiểu ra ngay mùi kỳ lạ trong nhà bà là từ đâu mà có.

“Nếu cháu muốn khỏe mạnh thì phải chịu khó uống đi. Dần dần rồi sẽ quen.”

Mắt ngân ngấn nước, tôi cố kìm không khóc, mắt chăm chăm nhìn vào họa tiết hoa mơ vẽ trên chén trà đựng thuốc và nuốt từng ngụm. Lúc ấy tôi tự hỏi, không biết liệu khi về già như bà cụ, mình có quen được với cái vị kinh khủng này không?

Theo đúng nghĩa đen, tôi lặng lẽ tiêu hóa nhiều ngày thuốc sắc, canh tương củ cải và cả cái chần bông nặng trĩu. Tôi không biết nên nói gì, và lại nếu nói mà chẳng ra đâu vào đâu thì thà im lặng còn hơn, tôi đã nghĩ theo hướng tiêu cực như thế. Còn bà thì thế nào nhỉ? Chắc hẳn bà cụ nghĩ, bọn trẻ con đúng là vô tích sự.

Tôi vẫn nhớ như in cái ngày đầu tiên bà cụ thực sự trò chuyện với nhau.

“Bà tới bác sĩ khám mắt nhé. Sẽ về ngay thôi.”

Đó là lần đầu tiên bà cụ đi vắng kể từ khi tôi đều đặn xuống tầng một. Mặc dù những lúc chỉ có hai bà cháu tôi chẳng thấy thoải mái chút nào, nhưng nghĩ đến việc sẽ bị bỏ lại một mình, trong một khắc tôi bỗng muốn nói: “Bà như thế là không giữ lời hứa!” Song cái cách bà cụ điềm nhiên thông báo về việc đến bác sĩ khiến tôi chẳng thể làm gì khác hơn là im lặng gật đầu. Thế đấy, đến bà cụ cũng có việc để làm, có lẽ cả quả đất này chỉ mình tôi hết ngủ rồi lại dậy, cùng lắm là đọc sách cho qua ngày... Thấy buồn buồn trong lòng, tôi lặng lẽ nghe tiếng bà cụ đi về phòng, thay đồ và kiểm tra lại van đường ống gas.

Bà cụ đi vào trong cơn mưa phùn. Một lát sau, mưa đổ sầm sập và xung quanh dần trở nên tối sầm. Bà cụ bảo sẽ về ngay, nhưng “ngay” là bao giờ? Càng để ý thời gian, trong đầu tôi bắt đầu lớn vồn toàn tiếng tích tắc của đồng hồ treo tường. Khi mắt chòng chọc liếc sang cái đồng hồ, thì từ chỗ cái máng vỡ, tiếng nước mưa chảy tong tỏng xuống nền đất cứ đập vào tai khiến tôi thấy khó chịu vô cùng. Thấy như người nóng dần lên, tôi trở mình nhiều bận. Vừa trở mình tôi vừa lim dim phân vân, không biết nên nhắm chặt mắt lại để khỏi thấy những gáy sách ngả vàng vì nắng, tấm ảnh ông cụ trên bàn thờ, những bức phướn vàng vọt và cái nanh nhe ra của con rồng trang trí... hay nên căng mắt cẩn trọng dõi theo chúng.

Thế rồi, có lẽ tôi đã ngủ thiếp đi. Đến khi mở mắt ra, trong thoáng chốc, tôi choáng ngợp bởi ánh sáng, sáng đến mức tôi ngỡ như khắp nơi đang tỏa ra sách vàng. Đồng hồ đã chỉ quá trưa. Vậy là bà cụ đi vắng được chừng hai tiếng rồi. Thế mà bà cụ bảo sẽ về ngay cơ đấy. Mà mình đâu có đợi bà về, tôi nghĩ.

Thời tiết thay đổi đến bất ngờ, không thể tin nổi chỉ vừa mới đây thôi trời hãy còn sầm sì. Tôi chui ra khỏi đống chăn đệm, mở cửa kéo trông ra vườn.

Đó là lần đầu tiên trong đời tôi hiểu thế nào là tươi mới. Tôi hít căng lồng ngực làn khí thu se lạnh sau cơn mưa. Rồi tôi phát hiện ra nguyên do vì sao khắp xung quanh như thể sáng bừng và rực rỡ ánh kim, chính là vì cây dương giữa vườn.

Trong thoáng chốc, tôi quên cả lạnh, mắt dán vào cây dương to lớn đang vươn mình giữa bầu trời quang đãng. Cây dương khoác áo vàng, đón ánh sáng trong suốt từ trên cao đổ xuống. Chẳng biết cây thay màu lá như vậy từ bao giờ. Ngày nào trong hè tôi cũng say sưa nhìn ngắm cái cây, vậy mà... Rốt cuộc tôi đã làm gì vậy...

Đúng lúc ấy, từ ngôi nhà ở góc đường, ngôi nhà thứ ba tính từ trang viên Cây Dương, có tiếng chó sủa inh ỏi. Đó là một con chó lai chuyên sủa hóng, tôi đoán chắc phải có ai đó đi ngang qua. Quả nhiên, nhìn về phía hàng rào tôi thấy một chiếc ô màu xanh lá từ từ tiến lại. Ai đó đang gương ô và thong thả bước đi dù trời đã tạnh mưa. Đó là bà cụ chủ nhà.

Có lẽ là bởi cái lưng còng mà cả người bà cụ hết lắc sang trái rồi lại sang phải sau mỗi bước đi. Chiếc túi vải nhỏ bà cụ đeo vào tay cầm ô cũng đu đưa như quả lắc, thấp thoáng hiện ra phía bên kia hàng rào.

Chợt có tiếng kêu lãnh lót vang lên từ tán cây dương, rồi một chú chim nhỏ hơn bồ câu chút xíu vội vàng cất cánh, bà cụ liền đứng lại. Gác cán ô lên tấm lưng còng và khẽ thò cái cổ ra như một con rùa, bà cụ ngược mắt nhìn lên.

“Rõ là giống thủy thủ Popeye mà!” tôi nghĩ.

Chương 03

Nhưng không như mọi khi, vẻ mặt bà cụ khi ấy chẳng giống người xấu chút nào.

Thấy tôi đang đứng ngoài hiên, bà cụ tỏ ra hơi bất ngờ. Không khí bên ngoài giúp tôi thấy thoải mái, cộng thêm việc có thể khiến bà - một người luôn làm lì và chẳng nói được lời nào ngọt ngào với trẻ con - phải bất ngờ, tôi cảm thấy thực sự dễ chịu.

“Bà ơi, tạnh mưa rồi đấy.”

Tôi cố nói thật to dù đang bị khản tiếng. Bà cụ chỉ cười nhe hàm răng móm. Mỗi khi cười kiểu đó, miệng bà cụ biến thành một nếp nhăn lớn chôn sâu dưới mũi. Nhưng bà cụ vẫn không cụp ô lại. Tôi xỏ chân vào đôi guốc còn ẩm nước mưa của bà cụ rồi đi qua vườn, hướng về phía cổng. Từ sau vụ máy giặt, cánh cổng luôn kêu cọt kẹt mỗi khi đóng mở lúc nào cũng được đóng kín. Tôi mở cổng cho bà cụ rồi nói thêm lần nữa:

“Bà ơi, tạnh mưa rồi đấy.”

“Tạnh rồi.”

Tôi còn đang chưa biết nói gì, bỗng bà cụ nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

“Bà đang hong khô cái ô.”

“Ô đi mưa về phải hong khô chứ. Cháu không biết à?”

“Cháu biết,” tôi chẳng biết nói gì trước thái độ của bà cụ, dường như với bà, việc vừa đi đường vừa hong ô cho khô chẳng có gì lạ lùng.

“Vào nhà nhanh lên. Người ngợm thế này...”

Vừa nói, bà cụ vừa đi về phía mái hiên. Bà đặt cái ô vẫn còn hơi ướt lên chỗ hòn đá kê chân, “hây a” một tiếng rồi bước vào nhà qua cửa kéo. Bà cụ không quên cầm theo đôi guốc vừa đi và đem ra đặt ở cửa trước. Bị bỏ lại đằng sau, tôi hắt hơi một cái.

Đó là tất cả những gì tôi nhớ về lần trò chuyện thực sự đầu tiên giữa tôi với bà cụ. Ít lâu sau, có lần trời nắng tôi cũng thấy bà giương ô. Tôi bảo: “Cái ô vẫn khô mà bà.” Lần này, nghe xong bà thủng thẳng nói: “Thì dùng để che nắng.”

✱

“Bà ơi, bà thích canh củ cải nấu tương ạ?”

“Ồ, thích chứ.”

“Tại sao ạ?”

“Đừng bao giờ thắc mắc tại sao thích, tại sao ghét.”

Lúc nào cũng thế, bà hiếm khi bắt chuyện trước, chỉ khi tôi hỏi bà mới trả lời. Và bà trả lời theo kiểu khá cụt lủn.

“Bà bao nhiêu tuổi rồi ạ?”

“Ừm.”

Bà cụ tỏ thái độ như muốn lảng sang chuyện khác.

Nhưng cũng có đôi lần bà cụ nói nhiều hơn. Như hôm tôi nhìn thấy chỗ hói sau đầu bà. Da mặt bà cụ hơi sạm, các nếp nhăn hằn sâu, mái tóc thì bạc trắng như cước và xù bông lên, tóc bà cắt ngắn tầm ngang với tóc tôi và được chải ra phía sau gọn ghẽ. Những khi suy nghĩ, bà cụ thường đặt lòng bàn tay lên gần đỉnh đầu. Đám tóc bạc nơi bà hay đặt tay hơi tẽ ra và tôi thấy thấp thoáng một mảng da bóng láng, bóng tới mức không thể hình dung nổi đó lại là phần tiếp nối với mặt nhăn nheo của bà.

“Bà ơi, phụ nữ cũng có người bị hói ạ?”

Tốt nhất là nên hỏi bóng gió thôi, tôi nghĩ. Làm vậy có lẽ bà sẽ không nhận ra tôi đang nói về bà, song bà hiểu ra ngay: “À, cái này,” rồi bà đưa tay lên tóc. Tôi tưởng như cả người mình co rúm lại. Nhưng trông bà cụ không có vẻ khó chịu.

“Hồi trẻ, bà khắt khe lắm, bất kể việc gì, nếu chưa thật đâu vào đó thì bà còn thấy bứt rứt khó chịu. Như khi búi tóc ấy, bà thít tóc chặt quá đến căng da đầu. Nên bây giờ mới bị thế này.”

“Búi tóc là gì hả bà?”

“Búi tóc là búi tóc thôi. Một kiểu đầu của người ngày xưa.”

“Trông nó có giống kiểu tóc của samurai trên tivi không bà?”

“Kiểu đó hơi cổ một chút nhưng cũng tựa tựa vậy đấy.”

“Bà từng mặc kimono rồi chứ ạ?”

“Đương nhiên. Ngày xưa ai chả mặc.”

“...nếu buộc tóc chặt quá thì sẽ bị hói ạ?”

“Ừ. Cháu cũng cẩn thận đấy.”

“Vâng. Cháu sẽ cẩn thận.”

Khi ta mở lòng chuyện trò cùng thế giới bên ngoài, hẳn sẽ có biết bao điều từ thế giới ấy chảy vào ta, tôi nghĩ.

Tôi say sưa ngắm cây dương trút lá mỗi ngày. Lần nọ trông thấy một quả đỏ hiện ra giữa tàng cây mỏng, tôi hào hứng vô cùng.

“Đó là mướp qua lâu,” bà cụ bảo. “Dây mướp vươn ra quấn quanh thân cây rồi đấy. Chẳng bao lâu nữa chim sẽ bay đến mổ.”

Cũng vào khoảng thời gian này, mấy con mèo hoang thường lui tới khu vườn của bà cụ. Khi thì chúng chui vào những bụi cây thấp như rêu đại kích, cây đuôi điều... lúc lại trèo lên thành của cái lò than màu xanh đang nằm chổng chơ trên nền đất, chắc hẳn chúng thấy khu vườn này là một nơi cư trú tuyệt vời. Sáng sáng, tôi cầm hai nắm cơm trư mẹ làm cùng chút sữa đựng trong cốc rồi xuống chỗ bà. Nào là: chúng nó ỉa, bắn lăm; nào là: cứ thế này lũ chim không dám tới mất; dù cầu nhàu như vậy nhưng bà cụ vẫn đưa cho tôi một cái đĩa mẻ. Tôi đổ sữa vào đĩa rồi đặt ra chỗ phơi đồ cạnh mái hiên.

Một hôm, tôi lại sốt, lại được bà cụ trải chăn đệm cho. Đang ngủ, chợt tôi nghe tiếng bà từ bên ngoài vọng vào.

“Không được. Không được.”

Tôi đứng dậy, mở cửa kéo ra. Trời sáng trong, nắng rải khắp nơi nhưng không khí thì lạnh buốt. Chắc đã sang tháng Mười một rồi.

Bà cụ đứng trong khu vườn đã bắt đầu ngập lá rụng, neho mắt nhìn lên. Quanh bà là bốn, năm con mèo. Chúng nằm bẹp dí sát đất, mặt cúi gằm, miệng ngoác ra kêu liên hồi như phản đối. Bà cụ lại ngược nhìn lên và cố nói lớn, nhưng người già yếu sức, giọng nói vừa the thé thốt lên đã lại hụt hơi.

“Không được đâu cô Sasaki. Tôi đã nói với cô mãi rồi, cô cho lũ mèo ăn gì cũng được. Nhưng làm ơn thôi cái kiểu quẳng đồ ăn từ trên xuống như thế đi. Sao cô không xuống tận nơi và cho chúng ăn tại một nơi cố định hẳn hoi.”

Ở hàng hiên, tôi ngả người nhìn lên. Từ cửa sổ căn phòng phía Tây thò ra khuôn mặt trắng bệch còn ngái ngủ của cô Sasaki.

Cô Sasaki làm việc ở một công ty chuyên may trang phục cho nhà hát và các buổi trình diễn tại những tụ điểm vui chơi giải trí. Cô luôn mặc quần bò ống côn, còn vừa đi vừa hút thuốc. Tôi chưa thấy cô trang điểm bao giờ. Cô Sasaki chắc cũng ngang tầm tuổi mẹ nhưng chẳng hiểu sao tôi có cảm giác cô chẳng khác gì sinh viên.

Tôi đang cho lũ mèo uống sữa thì cô Sasaki bắt chuyện.

“Cháu là Hoshino à?”

Tôi im lặng gật đầu.

“Cháu mấy tuổi?”

Tôi bèn giơ sáu ngón tay lên. Liệu mình có bị mắng vì thái độ trẻ con thế này không nhỉ, tôi băn khoăn. Nhưng hình như cô Sasaki chẳng mấy bận tâm, cô ngồi xổm xuống trước mặt tôi rồi bắt ngờ hỏi.

“Cô hỏi nhỏ cháu cái này nhé. Tóc cháu, có phải là bắt chước cây?”

Cô Sasaki cũng để kiểu tóc giống như tôi. Trong đầu tôi chắc mẫm rằng cô ấy rất khó chịu khi thấy một đứa trẻ có kiểu tóc giống mình, người tôi cứng đờ lại như tảng đá, đến mức lắc đầu cũng không nổi.

“Cháu sao thế, cô chỉ muốn nói là hai ta có kiểu đầu giống nhau thôi mà. Cháu đúng là không biết đùa.”

Cô Sasaki nói, đoạn nhả khói thuốc, đứng dậy rồi thoăn thoắt leo lên cầu thang.

Bà cụ vẫn nhìn lên, bèn lớn tiếng quát. Chắc bà bực lắm.

“Cô Sasaki, được chứ, cô hiểu chưa? Khi cho mèo ăn, hãy nghiêm chỉnh...”

“Cháu xin lỗi.”

Cô Sasaki rút đầu vào rồi nhẹ nhàng đóng cửa.

Từ chỗ mái hiên, nếu chú ý sẽ để ý thấy những mẩu thịt cá rải rác trên nền đất. Con mèo to nhất có bộ lông vẫn như hổ rón rén lại gần và chén sạch. Những con còn lại ngược lên nhìn thèm thường, như thể chúng đang chờ đợi bữa tiệc khác từ trên trời rơi xuống.

“Ôi trời ơi, khỉ thật. Trông có thảm hại không.”

Bà cụ vừa tháo guốc vừa gầm lên.

“Trở lại chỗ ngay! Lại sốt rồi đấy!”

Thấy bà có vẻ bực bội, tôi vội vàng chui vào trong chăn ngay lập tức. Ở trong chăn ấm sực, tự nhiên tôi rùng mình.

“Cái cô Sasaki đó, cứ thấy chán đời là lại bày trò dở hơi.”

Bà cụ lẩm bẩm một mình khi đã yên vị trước bàn sưởi.

“Tức là khi nào thấy chán thì cô ấy lại ném thức ăn xuống cho lũ mèo?”

Tôi thò mỗi mắt ra khỏi chăn và hỏi.

“Chịu.”

“Thì bà vừa nói thế còn gì

“Ừ, có lẽ.”

Suy nghĩ một lát, tôi bèn nói, “Không đúng.”

Bà cụ nhìn tôi, “Không đúng thế nào?”

“Cháu nghĩ cô ấy làm thế vì thấy vui thôi.”

“Người lớn đàng hoàng có ai làm thế không? Chẳng ra thể thống gì cả.”

Cách bà cụ nói “chẳng ra thể thống gì cả” nghe thật ngộ làm tôi bật cười khúc khích. Bà cụ bèn lờm tôi, mắt sáng quắc.

“Cháu mà định bắt chước thì liệu hồn!”

Hiển nhiên là cô Sasaki vẫn tiếp tục trò ném thức ăn cho lũ mèo, mỗi lần như vậy mặt bà cụ lại trở nên cầu cạu. Có thể với bà, cô Sasaki khi đó thật kỳ

cục, nhưng tôi lại thấy như vậy rất thú vị.

4.

Vốn là người thích ăn ngọt, trên đường từ chỗ bác sĩ về, bà cụ thường mua đồ cho bữa ăn vặt buổi chiều. Luôn luôn là bốn cái bánh nếp đậu xanh Đại Phúc mua ở cửa hàng Nishigawa.

Bà cụ lấy ra hai trong số bốn cái bánh Đại Phúc đó rồi đặt vào mỗi đĩa một cái, một đĩa cho tôi, đĩa còn lại bà mang tới đặt trên bàn thờ. Đoạn bà đánh chiêng kêu “cheng” một tiếng, chấp tay làm lễ, sau đó hạ ngay cái đĩa vừa cúng xuống và bắt đầu ăn.

“Vẫn còn phần để cúng cơ mà bà...” Một hôm, tôi liếc mắt nhìn sang hai cái bánh Đại Phúc còn đứng trong hộp nhựa và nói.

“Vì thầy của bà không thích đồ ngọt nên cho thầy nhìn thôi là được rồi.”

Nói xong, bà cụ lại trệu trạo nhai. Bà gọi ông cụ râu dài bạc trắng trong bức ảnh trên bàn thờ là “thầy của bà”.

Nhưng khi đó, tôi đã gần như khỏe lại và cũng quan sát được khá nhiều về bà nên tôi biết, nói “không thích đồ ngọt” như thế thực ra chỉ là nói dối. Chẳng qua bà cụ thích sạch sẽ mà thôi. Bà cụ chán ngấy việc giặt giũ, dầu là chạy máy giặt hay phơi đồ bà đều coi là phiền toái, bà còn ghét cả nấu nướng nữa, thế nên mỗi khi đứng bếp, cái lưng của bà vốn đã còng lại càng co rúm lại đến cả trăm lần vì khó chịu. Duy chỉ có dọn dẹp là bà làm luôn tay. Dù biết rằng năm phút sau có thể sẽ cần tới nhưng bà cụ vẫn không ngừng dọn dẹp: dầu có là con dao, cái bấm móng tay, con dẫu hay đồ vừa phơi khô. Những lúc không dọn dẹp, trong ánh mắt bà có gì đó cứ bồn chồn, day dứt không yên.

Vì thế mà tôi biết, đối với bà cụ, việc để mặc cho bánh nếp trên bàn thờ khô dần và bám bụi là điều không thể chấp nhận được. Đến cả cơm cúng hàng sáng bà cũng đổ lại nồi cơm điện ngay sau khi đánh một tiếng chiêng.

Trên căn hộ của mẹ con tôi cũng có một cái bàn thờ gia đình mới toanh. Nhưng chẳng hiểu sao tôi cứ thấy lạ lẫm, từ chính cái bàn thờ cho đến bức ảnh của bố đặt trên đó. Mẹ cũng giống tôi. Thi thoảng cũng có khi mẹ ngồi lơ đãng trước bàn thờ, nhưng dường như mẹ chỉ để thân xác mình nơi đó mà thôi. Hoa quả dùng để cúng lễ mãi một thời gian dài mới bị bỏ đi.

“Bà ơi, tại sao lại phải cúng hả bà?”

Bà cụ nhón tay lấy từ trong hộp ra cái bánh Đại Phúc thứ hai đưa cho tôi.

“Cháu cũng ăn thêm một cái đi.”

“Cháu không ăn nữa,” tôi lắc đầu. “Bà, tại sao ạ?”

“À thì...”

“Đằng nào hoa quả cũng hỏng cơ mà. Có cúng đi nữa cũng vậy.”

Bà cụ khẽ cúi đầu.

“Mẹ cháu chẳng bao giờ nhắc đến bố cả. Nhưng mẹ vẫn đặt đồ cúng lên bàn thờ.”

Tôi dùng vốn từ ngữ ít ỏi, cố diễn đạt với bà về những điều mình đang suy nghĩ. Rằng, quả chuối nằm lăn lóc trên bàn và quả chuối được cúng trên bàn thờ, cả hai rồi cũng sẽ thâm sì như nhau, điều đó chỉ cả chứng tỏ là hai mẹ con tôi đã xa cách bố vĩnh viễn rồi. Nếu thực sự bố đang theo dõi tôi, đúng như những người lớn tới dự lễ tang đã nói, thì tại sao bố lại làm ngơ trước đồ cúng của chúng tôi?

“Hãng có điều kỳ diệu nào xảy ra cả bà ạ. Kiểu như hoa quả đột nhiên biến mất chẳng hạn, hoặc chẳng bao giờ bị thối...”

Bỗng nhiên, thấy như mình vừa chợt ngộ ra được điều gì đó, tôi liền im lặng. Thì ra kể từ ngày đó, từ cái ngày bố tôi mất đi, cả mẹ, cả tôi đều bị bỏ rơi, chẳng hề được đoái hoài gì đến, giống như đồng hoa quả thối dần thối mòn trong tuyệt vọng...

“Bố cháu luôn dõi theo cháu đấy.”

Nghe bà cụ nói vậy, tôi bướng bỉnh đáp lại.

“Bà nói dối. Bà có biết gì về bố cháu đâu.”

“Bà không biết, nhưng bà hiểu.”

“Cho dù là bà chưa từng chết ư?”

“Dù là bà chưa từng chết, nhưng bà gần đất xa trời hơn cháu nhiều đấy.”

“Thế sao... mãi mà bà chưa chết?”

Lời nói đó quả thực nặng nề nhưng bà vẫn tỏ ra thản nhiên.

“Tất cả đều là số mệnh rồi cháu ạ.”

“Bà không phải là siêu nhân, một lúc nào đó bà cũng sẽ chết.”

“Lúc nào là lúc nào?”

“Đấy, vấn đề nằm ở đó.”

Bà cụ chỉnh tư thế trên ghế tựa rồi nở nụ cười “nhăn răng” như thường lệ.

“Bà không sợ một ngày nào đó mình sẽ chết. Có điều, bà còn có nhiệm vụ phải làm.”

“Nhiệm vụ ạ?”

“Đúng vậy.”

Đột nhiên, cơn bức bối khi nãy của tôi liền tan biến.

“Nhiệm vụ gì thế ạ?”

“Cháu giữ được bí mật chứ?”

“Được ạ.”

“Vậy nói cho cháu nghe cũng được, nhưng...”

Bà cụ nhấm nhấm đầu ngón tay, ra là bà đang nhặt những vụn bánh Đại Phúc rơi trên váy.

“... phải rút quần áo và trước đã, muộn rồi.”

Bà nhấp ngụm uống trà, cái cổ gân guốc phát ra tiếng xằng giọng.



“Nhiệm vụ của bà là đưa thư.” Nghe bà cụ nói vậy, trong đầu tôi chợt lóe lên hình ảnh bà cụ ngồi trên chiếc xe máy màu đỏ mà người đưa thư chuyên dùng.

“Bà làm nghề đưa thư ạ?”

Bà cụ sụm lưng cười, phù phù phù.

“Ở thế giới bên kia cơ.”

“Dạ?”

“Bà nhận đưa thư sang thế giới bên kia. Khi nào sang đó, bà sẽ đem theo thư từ của thế giới này.”

“Dạo này trời chẳng mưa gì cả...” vừa nói bà vừa hỉ mũi vào tờ giấy thấm. Tôi kéo cái giỏ đựng giấy vụn lại để gần tay bà. Tôi ghét bị sai đi vứt những mẩu giấy thấm dính nước mũi đã khô óng lên.

“Khi cháu nghĩ rằng, mình còn có thể liên lạc với ai đó ở thế giới bên kia, mọi chuyện sẽ khác đi nhiều lắm. Chỉ cần những lá thư của cháu được chuyển đến đúng nơi.”

“Sẽ khác ạ?”

“Bởi vì những lá thư ấy thực sự sẽ tới nơi.”

Tôi vẫn chưa hiểu rõ những điều bà cụ nói. Trong đầu tôi lúc này hiện lên hình ảnh bà cụ với cái trán dô buộc mảnh vải trắng hình tam giác dành cho người chết, vừa há cái miệng móm mém ra cười ha hả vừa lái chiếc xe máy màu đỏ chạy lòng

“Khi bà của bà mất...”

Bà cụ vo tròn tờ giấy thấm, thả vào giỏ đựng giấy vụn rồi bắt đầu kể chuyện.

“... bà đã nhờ bà của bà đang nằm trong quan tài một việc. Bà nói: ‘Bà mang thư này đến cho anh họ Kousuke giúp cháu nhé!’”

“Bà để thư vào trong quan tài ạ?”

“Đúng vậy.”

“Bà của bà hẳn phải già lắm nhỉ?”

“Ôi, già chứ. Nhưng có lẽ là trẻ hơn bà bây giờ.”

“Hồi ấy bà là trẻ con ạ?”

“Trẻ con. Hồi ấy bà chín tuổi.”

Tôi cố gắng tưởng tượng ra hình ảnh bà đeo cặp sách đi học trên vai nhưng đầu óc lúc đó cứ ong ong.

“Kousuke hơn bà khá nhiều tuổi nhưng vẫn hay chơi cùng bà, anh ấy hiền lắm.”

“Người đó chết rồi ạ? Bị bệnh hả bà?”

Bà gật đầu.

“Năm đó là cái năm tang tóc. Đầu tiên là bác của bà ngã xuống sông, sau đó anh Kousuke cảm nặng rồi qua đời, cuối cùng tới lượt bà của bà...”

“Bà đã viết gì trong bức thư đó?”

“Bà viết: hãy về gặp em một lần.”

Tôi thấy khó thở. Tôi nhớ tới cuốn truyện tranh đáng sợ đã đọc ở phòng chờ của nha sĩ. Đó là cuốn truyện tranh dành cho thiếu nhi được chuyển thể từ một câu chuyện nổi tiếng. Câu chuyện kể về hai vợ chồng nhà nọ mất con trai trong chiến tranh bỗng nhận được một bàn tay khi có thể biến ba điều ước trở thành hiện thực. Một đêm mưa bão, đứa con trai đã chết đội mồ đứng dậy tiến về phía nhà cha mẹ mình. Hai mắt anh ta lúc này chỉ là hai cái lỗ trống hoác, còn ẩn hiện sau lớp quần áo rách bươm là da thịt đang thối rữa

“Thế anh họ của bà có đội mồ sống lại không?”

Tôi hỏi, giọng hơi lạc đi.

“Đừng có cầm đèn chạy trước ô tô như thế,” bà nói, mắt chăm chăm nhìn vào cái bánh Đại Phúc còn lại.

“Thật là cháu không ăn nữa chứ?”

“Bà ăn đi ạ.”

“Thế cháu rót cho bà một cốc trà nhé?”

Bà cụ uống cốc trà do tôi lóng ngóng rót và ăn hết veo cái bánh Đại Phúc thứ ba. Thế rồi bà ho một tiếng thật lớn, ho xong, bà hỉ mũi, đưa tay vuốt lại tóc rồi nói: “Rót cho bà thêm cốc trà nữa.” Tôi bắt đầu thấy hơi bực mình, như thể bà cố tình nấn ná một lúc rồi mới chịu qua trở lại câu chuyện: “Giờ mới đến đoạn gay cấn này.”

“Từ sau khi anh họ Kousuke mất, bà sinh ra thói quen đi lại vệt vờ trong đêm khi đang ngủ.”

“Vừa đi vừa ngủ ấy ạ?”

“Ừ.”

“Bà nói dối.”

“Bà nói dối cháu làm gì. Khi trời sáng, cả chân bà lẫn chân đệm đều lấm lem bùn đất. Chẳng hiểu sao lại thành ra như thế. Mẹ bà dùng dây lưng buộc chân của bà và chân của mẹ lại với nhau, nhưng vì thương bà nên mẹ bà không nỡ thít chặt quá, thế nên bà tháo ra được dễ dàng rồi lại đi vật vờ khắp nơi. Là một điều là dù vừa đi vừa ngủ như thế nhưng chưa lần nào bà bị ngã từ trên cao xuống hay kẹt dưới hố phân.”

Bà tự gật gù với chính mình. “Đó là chứng mộng du. Hồi đó nó còn chưa có cái tên mỹ miều ấy.”

“Thế là bà bị bệnh à?”

“Đúng thế.” Trong câu trả lời ấy, có gì đó như là tự hào.

“Anh họ bà chết, bà đau lòng quá nên bị bệnh ạ?”

“Đau lòng chứ. Mà thực ra, buồn thì buồn thật đấy nhưng bà thấy hơi sợ. Là bởi người lúc nào cũng chơi đùa, ăn cơm cùng mình giờ đột nhiên không còn nữa.”

Bà nhắm mắt lại. Tôi bất giác gật đầu trước những lời bà vừa nói, như thể nhìn thấy điều đó, bà hỏi:

“Cháu hiểu chứ?”

“Vâng.”

Nhưng ngay sau đó, bà chìm vào một thế giới hoàn toàn khác với tôi.

“Đó là mối tình đầu của bà đấy.”

Mắt bà hấp háy như mèo gặp nắng, từ lỗ mũi, những tiếng “phừ, phừ, phừ, phừ...” phát ra liên hồi, nghe chẳng rõ là bà đang khịt mũi hay cười không ra tiếng. Tôi không mấy quan tâm đến chuyện mối tình đầu của bà nên hỏi sang chuyện khác:

“Làm thế nào mà bà khỏi bệnh được ạ?”

Bà sực tỉnh, vỗ vỗ vào đầu gối: “Chuyện đó à? Là sau khi bà của bà mang lá thư của bà sang thế giới bên kia, căn bệnh đó tự nhiên hết hẳn.”

“Gì cơ ạ?”

“Chắc chắn anh Kousuke đọc thư xong bèn giúp bà khỏi bệnh. Vì trong thư bà có viết về căn bệnh đó mà.”

“Có đúng thế không?”

“Đúng thế mà. Hơn nữa, không chỉ vậy, bà còn được gặp anh ấy hẳn hoi.”

Nghe đến phần gay cấn nhất của câu chuyện, tôi ngoài hẳn người về phía trước. Chắc chắn bà cụ đã gặp hồn ma trước mộ, tôi nghĩ. Và vì trải nghiệm

kinh hoàng đó mà khuôn mặt bà mới trở thành như bây giờ...

Bà cụ chậm chậm chỉ tay, cánh tay bà khẽ rung lên nhẹ nhẹ. Tôi sợ hãi nhìn theo, rồi mắt tôi chạm phải tấm hình đen trắng của ông cụ. Với đôi mắt nhỏ có vẻ rụt rè, ông cụ râu bạc trông vẫn vậy.

“Lần đầu tiên gặp thầy của bà...”

“Vâng.” Tôi nín thở.

“... bà đã sống sờ. Người đầu mà giống đến thế. Kousuke đã run rủi để bà và thầy gặp nhau.”

“Họ giống nhau lắm hả bà?”

“Ừ.”

“Đến mức nào ạ?”

“Đến mức nào nhỉ, giống như bản sao vậy. Khuôn mặt này, vóc người này, cả hình dáng những móng tay nữa, tất cả đều giống hệt. Còn ở cổ thì...”

Bà cụ ngửa cằm lên rồi bất ngờ nắm lấy chỗ da cổ toàn những nếp nhăn. Từ hình dáng, màu sắc, độ lớn... phần da ấy trông giống hệt cái đầu tam giác của con mực khô.

“... chỗ này này, có cái bớt màu đen. Cả hai người đều có.”

“Dạ.”

Hóa ra không phải hồn ma ư? Điều này khiến tôi thất vọng đôi chút, nhưng tôi vẫn nhìn ảnh ông thêm lần nữa.

“Anh họ bà cũng bị hói ạ?”

“Cháu đang nói gì thế, con bé này. Khi thầy bà còn trẻ, tóc ông ấy tốt lắm.”

“A...”

“Thế rồi tóc ông ấy ngày càng rụng dần và chẳng bao lâu sau...”

Bà cụ “ừm” một tiếng rồi ngồi xuống trước bàn thờ, đánh chiêng kêu cheng một tiếng rồi chấp tay làm lễ. Trông cứ như bà cụ đang cầu nguyện cho những sợi tóc rụng của chồng mình vậy, tôi cũng chấp tay theo bà.

“Dù sao thì...” bà cụ quay về phía tôi.

“... thật tốt vì bà của bà đã mang thư đến cho Kousuke hộ bà.”

“Thế khi ông nhà mất, ông cũng mang thư của bà đến cho anh họ bà chứ?”

“Không.”

“Tại sao ạ?”

“Làm vậy thế nào thầy của bà cũng ghen. Hơn nữa

Bà cụ thận trọng đứng lên, quay trở lại thả mình xuống ghế tựa.

“... khi thầy mất, bà đã nghĩ rồi. Bà không cần là người gửi thư nữa. Từ giờ tới phiên bà đưa thư cho người khác. Nhiệm vụ mà khi nãy bà nói là như vậy đấy.”

Chương 04

Ra là thế, tôi ấn tượng quá. Không phải tôi đã hiểu được tất cả, nhưng những lời bà nói rất có sức thuyết phục.

“Ở cái tuổi của bà, một ngày nào đó mà có được sang thế giới bên kia thì cũng chẳng có gì là lạ cả. Còn giờ là lúc hưởng lệ phí.”

“Lệ phí? Bà thu tiền ư?”

Hai cánh mũi bà cụ nở ra như muốn nói: ô kìa, cháu phàn nàn cái gì nào? “Thế chẳng lẽ gửi thư không phải dán tem à? Làm gì có tem miễn phí chứ.”

“Cháu biết thế nhưng mà...”

Thấy tôi ngỡ ngác không hiểu gì, bà cụ liền chỉ vào cái tủ màu đen có tay cầm màu vàng.

“Ở ngăn kéo trên cùng ấy. Trong đó, có rất nhiều.”

“Rất nhiều?”

“Đầy ắp,” bà cụ gạt đầu dứt khoát.

Tôi tập trung vào cái ngăn kéo trên cùng. Tủ tiết kiệm của lão bà bà! Đầy ắp tiền cơ đấy! Quả là choáng váng. Cái ngăn kéo to đùng ấy phải nhét được hẳn mười cái áo len ấy chứ.

“Mẹ cháu cũng gửi tiền mừng tuổi của cháu vào ngân hàng đấy bà ạ.”

“Con bé ngọc. Thứ bà để vào ngăn kéo đó là những lá thư người ta gửi. Bà bắt đầu nhận chúng từ sau khi thầy bà mất. Suốt hai mươi năm trời, bà có nhiều khách hàng lắm.”

“Cháu mở ra xem thử được không ạ?”

“Cũng được thôi, nhưng nếu xem thư, cháu sẽ phải mang chúng tới thế giới bên kia đấy.”

Tôi dựng tóc gáy, sợ hãi rời mắt khỏi cái t

“Bà mang thư hộ những ai thế ạ?”

Bà cụ bắt ngờ vươn cổ về phía trước, đôi mắt đen đã hơi mờ đục nhưng rất linh hoạt nhìn thẳng vào tôi với vẻ trấn an.

“Nghe kỹ bà nói này. Cái ngăn kéo đó, bà sẽ chưa chết chừng nào nó còn chưa chặt cứng và không thể nhét thêm bất cứ lá thư nào nữa. Nghĩa là khi nào nó đầy chặt, bà sẽ chết. Vì vậy, bà không thể tùy tiện giữ thư của bất cứ ai. Ví dụ như...” bà hạ giọng, “... nhân viên bưu điện vừa tới khi này.”

“Cháu không trông thấy bác ấy.”

“Thực ra thì bác ấy không đến để đưa thư. Bác ấy đến gửi thư cho bà giữ hộ. Vì vợ bác ấy chết chìm trong bồn tắm.”

“Và?”

“Bà không thể nói thêm được. Tên của người nhờ gửi thư phải được giữ bí mật.”

Không chỉ miệng mà cả mắt bà cũng khép chặt, thậm chí lưng cũng gập lại tròn hơn mọi khi, trông bà cứ như một thứ đồ trang trí cổ lỗ trên chiếc ghế tựa. Đột nhiên, tôi hỏi bà.

“Gửi thư, hết bao nhiêu tiền hả bà?”

Tôi vờ như không thấy cánh mũi bà phập phồng. Song bà vẫn tỏ ra lạnh tanh.

“Chưa biết được. Còn tùy trường hợp chứ. Nếu là những người đã chết lâu rồi thì đắt đấy.”

“Tại sao ạ?”

“Để tìm được người đó ở thế giới bên kia, chẳng phải là rất mất thời gian hay sao?”

Sao bà lại biết những việc như vậy dù chưa chết lần nào nhỉ?

“Nhưng mà, nếu không là người mới chết gần đây thì bà sẽ lấy rẻ thôi. Bởi vì ngày trước, bà của bà cũng chuyển thư miễn phí cho bà.”

“Thế bà chuyển thư miễn phí cho cháu đi. Cháu sẽ viết.”

“Bà không hiểu, tã phải chuyển thư miễn phí cho cháu nhỉ?”

“Bởi vì nếu bà không chuyển miễn phí, cháu sẽ nói hết, với tất cả mọi người.”

Bà cụ nhìn vào mặt tôi như muốn “hừm” lên một tiếng.

Thực lòng, tôi thấy hoang mang trước điều chính mình vừa nói. Tôi quyết định người nhận thư sẽ là bố, nhưng cho tới tận khi đó tôi vẫn chưa một lần nghĩ rằng mình sẽ viết thư cho bố và cũng không biết nên viết gì. Thực ra, tôi chỉ muốn đòi bà chuyển miễn phí đi cho tôi. Như thể đột nhiên tính háo thắng của tôi bùng phát hơn là thực lòng muốn nhờ vả.

“Thế cháu cho mọi người biết nhé?”

“Tùy cháu thôi.”

“Cháu sẽ nói.”

“Những điều cháu nói, liệu sẽ có ai tin nhỉ?”

Bà cụ khịt khịt mũi. Rồi sau đó thản nhiên nhấp một ngụm trà. Giữa hai mắt bà cụ gần như không thấy sống mũi đâu, đã thế chòm mũi lại hếch lên và

bạnh sang hai bên. Nhìn chằm chằm vào cái mũi của bà cụ, tự nhiên tôi thấy tức điên lên được.

“Bà là đồ nói dối.” Tôi tuyên bố.

“Ồ hay. Bà đang nói dối cháu sao?”

“Đúng thế. Những kẻ nói dối xuống địa ngục sẽ bị cắt lưỡi.”

“Hmm...” Bà liếc xéo tôi một cái.

“Thôi được rồi, bà có nói dối hay không, chỉ cần xem bên trong ngăn kéo kia là biết ngay thôi, phải không nào?”

Tôi chợt lặng thinh không nói gì.

“Sao?”

“Bởi vì... chẳng phải bà bảo đấy là bí mật còn gì.”

“Thì đúng vậy.”

“Nếu là bí mật thì không được mở ra chứ?”

Bà cụ không nói gì, chỉ đứng dậy, vươn cánh tay khẽ đẩy làm tay cầm của cái tủ lêu lách cách: “Xem nào, cái này nặng thật đấy.” Lưng bà cong, đấy là còn chưa kể bà thấp nhỏ hơn hẳn so với người thường, vì thế để mở được ngăn kéo trên cùng của cái tủ to đùng kia là một việc khá vất vả.

Lúc đó, tôi nhận ra một điều. Chắc chắn rồi bí mật của bà cụ vẫn sẽ được giữ kín. Bởi vì nếu nhìn vào bên trong ngăn kéo, tôi sẽ phải chuyển những lá thư ấy đi. Không chừng đã có vài người bị lừa nhìn vào trong ngăn kéo đó và phải chết thay cho bà cụ. Phải chăng vì thế mà bà cụ sống lâu?

“Không.”

Hết chịu nổi, tôi gục đầu xuống, hai tay ôm lấy mặt.

Tôi chúi mặt vào tấm đệm ngồi, xoạch - tiếng mở ngăn kéo tủ đập vào tai. Tiếng lục lọi, khua đồ lộc cộc, tiếng thở hơi gấp của bà cụ, rồi một mùi hương dễ chịu xông lên, hơi giống mùi lúc mẹ mặc áo kimono, tôi thấy như bà cụ đang tiến lại gần, bên tai tôi nghe thấy tiếng giấy sột soạt, sột soạt.

“Cháu xem không? Thư bà vừa mới nhận đấy, mới toanh nhé!”

Từ đôi mắt nhắm chặt, nước mắt tôi chảy ra. Bà cụ cười khùng khục.

“Nhìn này, mở mắt ra xem một chút đi chứ!”

Tôi vùi mặt thật sâu xuống tấm đệm ngồi đến mức ho sặc sụa. Một lát sau đã nghe tiếng bà bước ra xa, rồi có tiếng ngăn kéo tủ đóng lại.

“Ồi nhìn kìa, ló cái đầu rỗng của cháu ra đi. Có gan gọi người khác là đồ nói dối cơ mà, ít ra cũng phải dưng cảm hơn chứ.”

Tôi ủ dột ngồi im lặng, mi mắt đỏ lên. Đúng lúc ấy, bà cụ bất ngờ nói.

“Bà chuyển miễn phí cho, thư của cháu ấy. Mang đến đây!”

“Không cần đâu.” Tôi lắc đầu, hằm hằm tức giận. “Cháu không viết những thứ như thế.”

“Bà hiểu mà

“Bà hiểu mà. Nên bà mới nói vậy.”

Bà cụ cười khoái trá. Nụ cười điển hình của kiểu cười mà miệng chỉ là một nếp nhăn.

5.

Tôi bắt đầu đi học lại từ thứ Hai tuần kế tiếp. Lần này, không phải là nỗi lo về việc quên đồ, trộm cắp, cháy nhà nữa, trong tôi xuất hiện một nỗi lo mới: cái cảm giác bất an kia - những lo lắng không yên về việc quên đồ, trộm cắp, cháy nhà... - liệu có quay trở lại? Điều này khiến tôi chẳng mấy hào hứng với việc tới trường, thế nhưng hình như tôi bắt đầu thấy nhớ, dù chỉ là một chút, những va chạm với thế giới bên ngoài.

“Hồi trước ấy, tớ còn tưởng Hoshino không thể nói chuyện cơ.”

Một hôm, tôi ngỡ ngàng khi nghe bạn gái ngồi kế bên nói vậy. Chẳng lẽ ngày trước mình hâm đến thế sao, tôi ngỡ ngàng, nhưng cũng phần nào thấy thanh thản vì cô bạn ấy đã nói thẳng với tôi như vậy. Và như thế, trường học dần thay đổi, từ một vùng hỗn độn đầy những lỗ cống dần trở thành một thế giới trong đó ngôn từ thực sự được chia sẻ.

Hằng ngày, sau khi tan học, tôi chạy như bay về trang viên Cây Dương, mang theo lá thư đã viết từ đêm hôm trước tới chỗ bà cụ. Khi tôi đưa cho bà phong thư có ghi “Từ: Chiaki - Tới Bố”, bà cụ bèn đứng lên, hừm một tiếng ra chiều khó nhọc rồi nói là chấp nhận, đoạn bỏ thư vào ngăn kéo tủ. Cho rằng chỉ nhắm mắt thôi thì chưa đủ, tôi còn dùng cả hai tay bịt thật chặt mí mắt. Nếu không làm vậy, tôi sẽ chẳng thể nào ngăn bản thân khỏi nhìn vào ngăn kéo. Vì hai con người dưới lớp da mỏng trên mí mắt bị tay tôi ấn quá mạnh, nên giữa bóng tối tôi thấy hiện ra những quầng sáng hư ảo màu đỏ và xanh. Cho tới khi đã mở mắt được một lúc, tôi vẫn còn thấy như cả vũ trụ đang trôi nổi bồng bềnh và lượn vòng xung quanh.

Tôi tự hỏi mình đã viết thư trong tâm trạng như thế nào? Ban đầu, tôi viết không phải vì bị thôi thúc bởi một ước muốn rõ ràng là “mong được nói chuyện với bố”. Có một điều chắc chắn, là tôi cảm thấy từ tận sâu trong tim, có điều gì đó mách bảo mình nên viết thư, nên làm như thế. Với tôi, việc bố đã mất và việc tôi viết những bức thư gửi bố chẳng có gì liên quan đến nhau. Điều khiến tôi

khoái chí hơn cả, đó là ngõ ngàng thốt lên: “Ô, cháu mà cũng viết được chữ cơ à?” hay “Cháu đang cố làm cho bà chết sớm đây.”

Lá thư đầu tiên của tôi như thế này.

Bố có khỏe không ạ? Con khỏe. Tạm biệt bố.

Ba lá thư đầu, tôi lặp đi lặp lại cùng một nội dung. Đến lá thứ tư, tôi đã viết khác đi, không phải vì nghĩ rằng “viết thế này thì tẻ quá” mà bởi vì, tôi thực sự có điều để nói.

Bố có khỏe không ạ? Hôm nay con lên bảy rồi. Mẹ mua cho con một cái bánh ngọt. Hai mẹ con cắt bánh và mang xuống mời bà cụ chủ nhà. Bà gọi bánh ngọt là “kẹo Tây” bố ạ. Mang cả sang cho bác Nishioka và cô Sasaki ở phòng bên cạnh nữa. Bánh rất ngon. Mẹ tặng con quyển “Những cuộc phiêu lưu của cô gà mái Emma”. Tạm biệt bố.

Viết tới đó thì mẹ bảo tôi đi ngủ, thế là tôi dán nguyên lá thư ấy lại và từ hôm sau trở đi, tôi chuyển sang viết về những gì đang xảy ra xung quanh mình theo đúng kiểu của một đứa trẻ bảy tuổi. Chúng giống nhật ký hơn là những trang thư. Ngày qua ngày, tôi lại càng viết hăng say. Có thể kể với ai đó về một ngày của mình mà không hề phải bận tâm xem “liệu có làm người đó lo lắng không” hay “liệu có bị mắng không” - cảm giác ấy tuyệt vời đến bất ngờ.

Vào một buổi chiều tháng Mười một, cây dương trút lá trong chớp mắt, còn giàn mướp qua lâu đã có tới năm quả chín đỏ. Ngày ngày, tôi vẫn đến chỗ bà cụ sau khi tan học và cùng bà quét lá rụng. Cái chổi tre cao hơn hẳn thân người tôi, thành thử trông tôi cứ như đang bị nó lắc lư loạn xạ. Nhưng tôi là đứa khá siêng làm. Vì bà bảo: “Lá rụng nhiều thế này, phiền hàng xóm lắm!” Thế là tôi không chỉ quét trong vườn mà còn ra ngoài đường, tới cái nhà có con chó hay sủa hóng, tôi quét sạch cả con đường trong tiếng chó sủa inh tai. Tôi biết, chỉ cần sang ngày mai thôi, tất cả sẽ lại đậu vào đấy, nhưng tôi thực sự say sưa với sự lặp lại này. Tôi cầm chổi rất chặt, khiến da ở chỗ ngón trỏ và ngón cái bị loét ra. Lần nào như vậy, bà cụ đều bôi thật đậm thuốc vào tay tôi và nói:

“Cháu đúng là oặt oẹo quá đi.

Những lúc ấy, bà cụ hết nhìn chỗ đau lại nhìn cái mặt nhăn nhó của tôi, vừa nhìn vừa cười hô hô ra chiều sung sướng lắm.

Rất lâu về trước, khi người chồng quá cố của bà cụ - ông già râu bạc trên bàn thờ - trồng cây dương non trong khu vườn, khắp vùng này ruộng rẫy còn thừa thớt, đồng cỏ mọc rậm rì. Nghe nói ngoài ngôi nhà giống như một túp lều tạm thì gần như chẳng có rào giậu gì che chắn xung quanh nhà hai vợ chồng bà, trong vùng chỉ có thêm vài hộ nông gia nữa. Khung cảnh ấy cũng tựa tựa như

vùng đất nơi ông bà đã sinh ra và lớn lên. Thời gian đầu, bà cụ thất vọng lắm: “Khó khăn lắm mới dứt áo ra đi được, vậy mà lại sống ở một nơi như thế này sao?”

“Nhưng thầy của bà rất thích nơi này. Ông ấy hơi buồn khi xung quanh các ngôi nhà bắt đầu mọc lên chen chúc. Mà có khi cứ như ngày xưa lại hay. Ở một nơi toàn đồng cỏ rậm rạp thì chẳng cần phải quét lá rụng làm gì, nhỉ?” Bà cụ nói, cánh mũi nở phập phồng.

Lá rụng được quét vun lại thành đồng rồi đốt, cháy rất nổ. Nếu chỉ lá cây không thôi thì rất khó bắt lửa, bà cụ bèn lấy can dầu trong nhà kho ra và rót vào một cái cốc uống cà phê sứt quai. Sau đó, bà cụ nhúng đầu mấy tờ báo được cuộn tròn vào cốc dầu rồi dùng diêm châm lửa. Bà cụ nâng ống giấy báo đang cháy lên như nâng một bó đuốc, lưng bà cụ còng hơn hẳn mọi khi, khiến trông bà hơi đáng sợ. Chỗ dầu còn lại trong cốc bà cụ rải đều lên khắp đồng lá rồi dùng ống giấy báo châm lửa, trong thoáng chốc, cả thân người bà cụ bất động.

Ban đầu, ngọn lửa cháy chậm chạp. Như một con vật hèn nhát chỉ dám ló mắt khỏi hang mà dò xét xung quanh. Nhưng chỉ thoáng sau, trạng thái lập lờ ấy vụt tan biến, ngọn lửa đã trở nên ổn định liền cháy bùng lên, như thể nó đang hô hấp mạnh mẽ. Trước sự bùng cháy bất chợt ấy, tôi không khỏi bàng hoàng, còn bà cụ bắt đầu đi lòng vòng quanh đám lửa, dường như câu thần chú làm bà bất động khi nãy đã được hóa giải.

Tôi ngồi xổm xuống, nín thở nhìn cảnh lá khô và giấy vụn dần biến dạng giữa ngọn lửa như trong cơn hấp hối. Chúng gọi tôi nhớ tới hài cốt của bố mà tôi đã thấy ở khu hỏa táng, nhưng chẳng hiểu sao ngọn lửa của đồng lá không khiến tôi thấy bất an. Bởi vậy mà cứ mỗi lần đốt lá khô, từ trong tôi, những ký ức về hài cốt của bố lại bị khơi dậy. Điều đó lặp đi lặp lại hết lần này đến lần khác, cho đến khi hình ảnh tro xương của bố đã dần tách rời hẳn khỏi các ký ức thông thường và trở nên thân thuộc với trái tim tôi như một ý nghĩ thuần

Nếu là vào ngày nghỉ và cô Sasaki có ở nhà, thế nào cô cũng gửi thấy mùi đốt lá.

“Cháu đi mua khoai nhé!”

Nói xong, cô liền leo ngay lên xe đạp và phóng đi.



Chúng tôi nướng khoai theo cách của bà cụ: đầu tiên, bọc khoai bằng một lớp giấy báo ướt, sau đó gói tiếp một lượt giấy bạc rồi từ từ nướng lên, khoai sẽ rất ngon. Buổi chiều đông nhá nhem, ngồi bên đồng lửa đốt từ lá khô, mặt mũi

thì nóng bừng nhưng cơ thể lại lạnh đờ và tê cứng, giữa lúc ấy mà được ăn khoai nướng nóng hổi thì chẳng có bữa tiệc nào trên đời này sánh bằng.

Ngoài đường, cứ hễ có ai đó tình cờ đi ngang qua, cô Sasaki cũng đều gọi với theo dẫu có là người không quen biết.

“Mời tới đây ăn khoai ạ.”

Đám lửa càng lúc càng cháy lớn và chẳng thể ngờ được, đôi khi người được gọi cũng đáp lại lời mời bất ngờ của cô Sasaki. Từ ông cụ dẫn chó đi dạo đến cô gái bán bảo hiểm hay cậu bé đang dắt chiếc xe đạp hỏng với khuôn mặt lem luốc đất lẫn nước mắt. Mọi người không nói gì nhiều với nhau. Thực ra, cũng có thể là vì miệng ai cũng đầy khoai nóng nên không nói được. Nhưng ký ức đó - về những người không quen biết nhau, chưa một lần gặp mặt lại ngồi quây quần quanh đồng lửa trong vườn nhà bà cụ và cùng ăn khoai nướng - để lại trong tôi một dư vị khó phai, một bức tranh rất đổi yên bình.



Chuyện xảy ra vào một ngày nọ. Hôm đó, tôi đang chờ bà cụ trong vườn. Liệu có phải bà đi gặp bác sĩ để khám mắt không nhỉ? Tôi đi học về đã được một lúc lâu rồi. Sau đợt gió Bắc đêm qua, cây dương gần như trơ trụi. Vừa quét vun lá rụng tôi vừa nghĩ: “Nếu chẳng còn cái lá nào thì làm sao mà đốt lửa được nữa.” Tôi cứ tưởng, giống như khi nhật sỏi bên bờ sông, hàng ngày ta có quét lá rụng bao nhiêu đi nữa cũng chẳng bao giờ hết, vậy mà việc ấy tới một lúc nào đó cũng sẽ ngừng lại, lần đầu tiên tôi nhận ra điều đó. Nắm chặt cây chổi tre, chẳng hiểu sao tôi thấy lo lắng quá

Tôi vun lá cây lại thành một đồng lớn. Dĩ nhiên tôi hiểu trẻ con không được nhóm lửa một mình nên chỉ ngồi xỏm ở đó, yên lặng đợi bà cụ về. Gió đã lặng nhưng hôm nay là một ngày lạnh giá và xám xịt. Đôi chân đang gập lại từ từ mất cảm giác, tôi thấy người lạnh dần và lả đi.

“Này, này...”

Có tiếng gì như tiếng gọi tôi từ phía xa, tôi mở mắt. Không biết tôi cứ ngồi xỏm như thế mà ngủ quên mất từ lúc nào. Trên đầu gối để tràn có vết răng cửa hằn xuống, chân tôi tê dại, rần rần như kiến bò. Trời đã sẩm tối.

“Cháu ngủ đấy à?”

Giật mình ngẩng đầu lên, trước mắt tôi hiện ra một cái đầu thỏ khổng lồ. Con thỏ mặc quần bò, giơ tay vẫy vẫy tôi khi ấy đang ngỡ ngàng trong tư thế ngồi xỏm.

“Cô Sasaki ạ?”

“Ôi, cháu nhận ra ngay được à.”

Cái đầu thỏ được nhắc lên, và rồi cô Sasaki xuất hiện. Tóc cô bông xù lên trong giây lát khi cái đầu thỏ được nhắc ra, tôi đã nghĩ: “Cô Sasaki thật đẹp!”

“Cái này là của công ty cô làm đấy. Người ta nói không cần nữa cho nên...”

Cô Sasaki dúm cái đầu thỏ khổng lồ về phía tôi.

“... cô định cho cháu.”

Hai chân tê dại, tôi loạng choạng đứng lên và đội thử cái đầu thỏ vào.

“Chẳng nhìn thấy gì cả cô ạ. Mùi khó chịu quá!”

Quanh tôi mọi thứ hoàn toàn tối đen.

“Chắc không được rồi. Vị trí hai mắt được làm để phù hợp với đầu của người lớn mà.”

Cô Sasaki nhắc cái đầu thỏ ra giúp tôi rồi bảo: “Lần sau cô mang về cho cháu cái khác dành cho trẻ con nhé.” Dù không có mong muốn hóa thân thành một chú thỏ nhưng tôi vẫn nói cảm ơn

“Bà già đâu rồi?” Thỉnh thoảng, cô Sasaki vẫn gọi bà cụ như thế.

“Bà không có nhà ạ.”

“Đi đâu thế không biết?”

“Cháu đoán chắc bà đi gặp bác sĩ mắt.”

“Ừm, mắt bà kém à?”

“Chắc là đến để bác sĩ lấy lông quặm cho ạ.”

Vì bà già rồi nên lông mi mọc quặp vào trong mắt, nếu không định kỳ nhổ đi, chúng sẽ làm xước nhãn cầu. Tôi giải thích cho cô Sasaki theo những gì tôi nghe được từ bà cụ.

“Đấy là vì lớp da ở mi mắt bị chùng đấy, chắc chắn là thế.” Cô Sasaki đặt ngón tay vào thái dương rồi xé hai mắt lên trông như con cáo, cả hai chúng tôi cùng không nói gì thêm.

Bóng tối đen thẫm, đặc trưng của những ngày ngắn nhất trong năm, bắt đầu buông xuống như mực chảy tràn.

“Muộn thế này rồi...”

Cô Sasaki lẩm bẩm một mình. “Đã mua khoai rồi, thế mà lại...”

Tự nhiên tôi cảm thấy không yên tâm. Từ trước tới giờ, bà cụ chưa lần nào về quá muộn sau khi đi khám bác sĩ, cũng chưa lần nào đi vắng đến tận giờ này. Nhớ mà... muộn thế này rồi mà bà vẫn chưa về, không chừng...

“Cô Sasaki, cô có kể là lũ mèo, trước khi chết chúng sẽ bỏ đi đâu đó phải không ạ?”

“Ừ.”

“Nếu không đi tìm bà thì...”

“Cháu nói gì cơ?”

“Bà bảo bà sẽ chết, khi nào cái ngấn kéo ấy đầy.”

“Ngấn kéo? Chuyện gì thế?”

Sao tôi lại vô tâm thế nhỉ? Ngày ngày, tôi vẫn mang thư đến đưa cho không hề nghĩ rằng cái ngày ngấn kéo đầy ắp sẽ đến nhanh như vậy.

“Cháu làm sao đấy, nói rõ ra xem nào.”

Hình như người ở trên tầng cũng nghe thấy tiếng cô Sasaki, cửa sổ chính giữa ba căn hộ lạch cạch mở. Có tiếng cười vọng ra, có lẽ là từ chương trình hài đang chiếu trên truyền hình, lúc này tôi đã thấy tỉnh táo hơn đôi chút.

“Có chuyện gì thế?”

Bác Nishioka với cái áo khoác ngấn xộc xệch do mặc vội nhô người ra khỏi cửa sổ.

“Con bé này, nó đang lo là bà già không về.”

“Vì việc của bà già mà tôi cũng đang nóng ruột như lửa đốt đấy,” cô Sasaki nói càng khiến tôi sốt ruột.

“Chắc là bà chết rồi.”

Ánh sáng từ căn phòng chỉ hắt ra được đến lưng nên tôi không nhìn thấy mặt bác Nishioka, nhưng dường như khi nghe tôi nói vậy, bác tỏ ra khá bàng hoàng. Có tiếng bước chân đi xuống cầu thang, lát sau bác Nishioka xuất hiện, tay vén lớp tóc dài phía bên trái sang để che bên tóc thưa hơn, bác đi ra vườn.

“Chiaki, sao cháu lại nghĩ là bà cụ chết rồi?”

Bác hỏi tôi, vẫn với lối nói nhanh lú cả lại như mọi khi. Dẫu không muốn kể về những lá thư, trong lòng tôi không khỏi cảm thấy mặc cảm tội lỗi vì đã nhờ bà cụ giữ hộ nhiều thư như vậy. Tôi chỉ nói được rằng: “Vì mãi bà vẫn chưa về.” Chính trong khoảnh khắc ấy, ý nghĩ “Mình thành kẻ nói dối rồi!” chợt xuất hiện và bất ngờ, nước mắt tôi rơi lã chã.

Hiệu quả của nước mắt thật đáng kể, bác Nishioka bối rối dỗ tôi khi ấy đang nước mắt ngấn nước mắt dài, rồi bác giậm chân loạn cả lên. Cô Sasaki thở dài, chụp lên đầu tôi cái đầu con thỏ.

“Dù sao thì, dù sao thì ta cũng phải đi tìm bà cụ chứ. Những... những... những việc như thế này, người ta vẫn bảo là bọn trẻ con thường đoán đúng.”

Chương 05

Bên trong cái đầu thỏ vừa tối vừa bốc mùi khó chịu, tôi rùng mình sợ hãi khi nghe câu nói run run của bác Nishioka. Thật ư? Trẻ con thường đo đúng ư?

“Không thì, nhớ đầu bà cụ quên mất đường về nhà, việc đó cũng...”

“Bác đùa à?” cô Sasaki hình như định nói tiếp gì đó, “Bà già ấy... thì...”

“Sao mà biết được. Chẳng ai nói trước được gì. Cũng có thể tự nhiên bà cụ đâm ra lẫn thẩn.”

“Hừm.”

“Dù sao thì, cũng nên đi tìm...”

“Tìm, nhưng tìm ở đâu cơ chứ?”

Sau một hồi vật lộn cố gỡ cái đầu thỏ, tôi ngồi phệt ra đất.

“Ta đến chỗ bác sĩ mắt đi.”

Tôi nói với cô Sasaki, người cuối cùng đã giải thoát cho tôi khỏi thứ của nợ ấy.

“VẬY, tôi sẽ đi về phía nhà ga...”

Vẫn mặc áo khoác ngắn, bác Nishioka dậm bước đi.

Đã hết giờ khám bệnh của bác sĩ, chúng tôi nhấn chuông thế nào cũng không thấy ai ra. Vừa đi trên con đường tối thẫm, tôi vừa để ý nhìn xung quanh, hay là bà cụ bị ngã ở đâu rồi nhỉ.

“Không sao đâu. Chắc là bà cụ đã về nhà rồi.”

Cô Sasaki miệng hút thuốc, lững thững bước. Chợt tôi hít hà hít hà.

“Mùi gì thơm thế cô nhỉ?”

Cô Sasaki cũng dừng lại một lát ngửi ngửi: “Chắc quanh đây có ai đang nấu cà ri.”

Phải rồi, bầu không khí trong lành của một đêm đầu đông, món cà ri từ nhà ai đó và làn khói thuốc lá. Mình biết sự kết hợp này, tôi nghĩ. Mình từng trải nghiệm cảm giác này rồi. Lần đó hai bố con tôi đi dạo trên con đường đêm, cũng có mùi cà ri, và bố cũng đang hút thuốc. Chợt nhớ tới vầng trăng đã thấy dạo đó, một vầng trăng vàng vạc tròn đầy, tôi nhìn lên bầu trời:

“Trăng!” tôi reo lên.

“Ừ, trăng rằm đấy!” cô Sasaki trả lời, chậm rãi nhả ra một làn khói trắng.

“Cô nghĩ là bà sẽ về thật chứ?”

Khi tôi hỏi lại lần nữa, cô Sasaki không nói gì, chỉ cầm lấy tay tôi và nắm thật chặt.

Lúc chúng tôi về đến trang viên Cây Dương, mẹ đang sốt ruột đứng đợi ở cổng. Thấy tôi và cô Sasaki đi cùng nhau, mẹ có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Mẹ ơi, bà đâu? Bà vẫn chưa về à?”

“Chưa. Có chuyện gì à?”

Tôi đang ủ rũ nên cô Sasaki bèn thay tôi kể đầu đuôi câu chuyện cho mẹ nghe.

“Tôi cũng chẳng ra sao cả. Ai lại đi bảo về con bé rằng, lũ mèo trước khi chết sẽ bỏ đi tìm nơi chết, vì vậy mà con bé mới lo lắng...”

Mẹ âu lo nhìn tôi, nhưng rồi ngay sau đó mẹ nói.

“Không đâu, cũng hơn bảy giờ rồi, con bé lo cũng đúng thôi.”

Mẹ vỗ nhẹ vào lưng tôi khi ấy đang ủ rũ.

“Những lần trước, như cái lần đi du lịch suối nước nóng cùng hội người cao tuổi ấy, bà cụ còn báo với tôi một tiếng rồi mới đi cơ mà.”

Cô Sasaki cũng bắt đầu thấy sốt ruột, có lẽ vì nghe mẹ nói là cũng đã hơn bảy giờ rồi. Cô liếc sang nhìn ra phía con đường chạy dọc bờ sông.

“Họ hàng của bà thì sao?” mẹ hỏi.

Cô Sasaki nghiêng đầu như muốn nói, tôi không biết. “Hình như hai vợ chồng họ không có con cái gì thì phải. Có lần tôi nghe thấy bảo bà cụ là vợ hai.”

Ba người chúng tôi thở ra toàn khói trắng, cứ thế đứng ngây ra ở cổng, đang lo lắng không biết đã có chuyện gì xảy ra, đúng lúc ấy, bác Nishioka trở về.

“Không được, không được rồi.”

Bác Nishioka khoát tay rất rộng, như thể vừa đảm nhận một nhiệm vụ trọng đại vô cùng.

“Tôi đứng đợi ở cửa soát vé một lúc, nhưng nghĩ làm vậy chẳng ích gì nên mới hỏi nhân viên nhà ga xem có thấy bà cụ, xong tôi đi lòng vòng quanh khu mua sắm rồi ghé vào đồn cảnh sát...”

Đến lúc này, bác Nishioka mới nhận ra mẹ tôi: “A, chào cô!” bác nói bằng giọng trầm nhất có thể rồi cúi đầu.

“Ở đồn cảnh sát, đã có chuyện gì xảy ra sao?”

Bị cô Sasaki hỏi dồn, hàng mi của bác Nishioka cứ giật giật liên hồi. Bác càng nói nhanh hơn mọi khi.

“Không, không, tôi chỉ tới hỏi thôi.”

“Rồi sau đó?”

“Sau đó hả, chắc chắn là chưa thể yêu cầu mở cuộc điều tra tìm người được rồi... Nhưng tôi không nghe thấy cảnh sát nói gì về việc một bà cụ như thế...”

Đúng lúc ấy, từ con đường chạy dọc bờ sông, một bóng đen chầm chầm tiến lại.

“Bà ạ?”

Dưới ánh trăng mờ tỏ, bóng bà thấp thoáng hiện ra.

“Ô kìa, mọi người tập trung cả ở đây à...”

Tiếng bà vang đến chỗ chúng tôi. Hơi bối rối, tôi đứng như trời trồng.

Bà cụ bện đồ tang kiểu truyền thống. Thường bà cụ không mặc kimono nên hiếm khi trông thấy bà cụ trong bộ dạng này, nhưng chi tiết khiến tôi chú ý nhất lại chính là khuôn mặt bà cụ. Hồi trước, khi lần đầu tiên gặp bà, tôi đã ngỡ rằng khuôn mặt bà trông giống hệt nhân vật Popeye độc ác là vì bà đã uống phải một loại thuốc quái gở nào đó, và lúc này đây, tôi hoàn toàn tin đó là sự thật.

Cái mặt gầy của bà cụ trông như dài hơn. Nếu nhìn kỹ sẽ thấy, trên khuôn mặt chảy dài đó, hai má ở nửa dưới mặt phồng lên, các nếp nhăn cũng căng ra, có thể thấy rõ là bà cụ trông trẻ hơn. (Thôi đúng rồi, ra là bà uống thuốc cải lão hoàn đồng...) cảm giác về sự hoạt bát thường ngày, gần như là cái vẻ gian gian, không còn nữa. Đến cả giọng nói của bà cụ cũng khang khác, nghe cứ khàn khàn làm sao ấy.

“Ôi, tôi mệt quá. Đi thăm viếng tang ma làm gì. A, chờ chút, cái này...”

Bà cụ mở túi xách màu đen và lấy ra một chiếc chìa khóa rồi chìa về phía tôi. Tôi run run lại gần, cầm lấy chiếc chìa khóa. Mắt tôi cứ dán vào mặt bà cụ.

“Cháu thần thờ nhìn cái gì đấy? Mở cửa cho bà đi chứ!”

Bà vừa dứt lời, tôi liền hét lên.

“Bà... bà mọc răng!”

Bà cụ im lặng, có vẻ không được thoải mái cho lắm. Rồi bà cụ chầm rãi nói:

“Đấy là thứ để đeo vào miệng, dùng để diện khi ra ngoài.”

Nói đoạn bà cụ ngậm chặt miệng lại, lỗ mũi nở rộng ra hết cỡ.

Mình nhìn rõ hai cái hàm răng trắng đều ấy, bị cuốn vào suy nghĩ đó, tôi quên cả chớp mắt, đúng lúc ấy, một tiếng huýt lạ vang lên.

Cô Sasaki đưa hai tay lên che mắt, nhìn như vẻ đau khổ. Mẹ đứng đối diện cũng cúi xuống, hai vai run lên. Tôi tự hỏi không biết có phải hai người họ đang khóc không. Nhưng kỳ thực cả hai đang cười. Có điều gì đáng buồn cười thế nhỉ, tôi không hiểu gì nên quay sang nhìn bác Nishioka, đôi mắt bé tẹo của bác hấp háy liên hồi còn lông mày thì nhướng lên. Bà cụ vào nhà rồi đóng cửa đánh rầm một cái.

Sau bữa cơm chiều, mấy người lớn dắt tôi xuống thăm và xin lỗi bà cụ. Nhưng tôi chẳng hiểu gì cả, tại sao bà cụ lại khó chịu đến vậy. Điều duy nhất tôi biết chỉ là: “Ồ, hóa ra đó là răng giả.” Dù sao tôi cũng thở phào nhẹ nhõm vì bà cụ đã về nhà bình yên vô sự. Nhưng rõ ràng là không có răng giả trông mặt bà dễ coi hơn, tôi nghĩ. Và rồi tôi hậm hực, cảm thấy trong việc này hình như mọi người không công bằng với mình, sau đấy vì mệt quá nên tối đó, thật hiếm hoi, tôi ngủ mà không mơ mộng gì.

Bố có khỏe không ạ?

Hôm nay, con đi đến chỗ bác sĩ mắt để tìm bà cụ chủ nhà. Trên đường về, con bỗng thấy nhớ bố. Ngày trước, cái lần con và bạn Yuta và mẹ của bạn Yuta đi bách thú, bố đã tới nhà ga để đón con. Bố nắm tay con rồi vừa hút thuốc vừa kể chuyện chú thỏ trên mặt trăng cho con nghe. Có một người bị đói, thế là tất cả các con thú trong rừng đi tìm đồ ăn mang về. Nhưng chú thỏ yếu ớt nên không mang được gì về cả. Nó bèn lao vào ngọn lửa để biến mình thành đồ ăn. Bố bảo: “Chú thỏ sau khi chết được lên cung trăng đấy.”

Nghe bố kể chuyện chú thỏ xong, lúc nằm trong chăn con cứ nghĩ mãi. Và con đã khóc một ít. Con không thích câu chuyện buồn đó lắm. Tối hôm qua, con nghĩ, có lẽ bố đang ở trên mặt trăng cùng chú thỏ kia, thế là nước mắt con lại tuôn ra. Ở trên mặt trăng chỉ có bố và chú thỏ, thế thì buồn quá.

Bố ơi, nếu ngăn kéo của bà đầy chật, bà sẽ chết đấy. Vì thế, từ giờ con sẽ không viết thư hàng ngày nữa. Thay vào đó, khi viết, con sẽ viết bằng chữ nhỏ. Con sẽ gọt bút chì thật sắc, và sẽ viết được nhiều.

Thế nhé bố, con chào bố!

Hôm bà cụ đi dự lễ tang, ý nghĩ “bà cụ sắp chết rồi” khiến tôi sợ đینگ người, nhưng tôi vẫn viết thư cho bố. Buồn cười là thậm chí tôi còn viết hăng hơn. Ban đầu đó chỉ đơn giản là một trò chơi, chẳng biết từ lúc nào những lá thư ấy đã trở thành một phần không thể thiếu, giống như một thói quen vậy. Rồi một ngày nào đó có thể bà cụ sẽ chết, khi nghĩ như vậy tôi lại thấy việc viết thư dường như càng trở nên cấp bách hơn. Thế là dần dần, trong thư, tôi bắt đầu kể cho bố thêm nhiều chuyện.

Cũng có thể tôi đã vượt qua chuyện bố mất rồi nên không còn cảm thấy cay đắng khi nhớ về bố nữa. Nhưng nói đúng hơn, dường như tôi đang cố tìm câu trả lời cho những điều mình không thể tự tìm hiểu. Ngay cả bây giờ, khi đã trưởng thành, gặp bất kể việc gì không ổn, thì dù có là nhỏ nhặt, như cài lệch cúc áo chẳng hạn, nếu không làm lại từ đầu, tôi sẽ bị ám ảnh bởi cảm giác bất an, tựa tựa như vết thương lâu lâu lại há miệng một vậy. Về sau, mẹ cố gắng kiểm

tìm những điều mới mẻ trong cuộc sống, mẹ tái hôn, thế rồi tôi dần xa rời mẹ, nguyên nhân có lẽ vì bản tính của tôi.

Trong một lá thư gửi bố, tôi đã viết như thế này.

Bố có khỏe không? Móng chân của con rất giống móng chân của bố đấy. Con biết thế là vì ngày trước bố từng nói với con như vậy. Lúc đó con cũng nhìn móng chân của bố và thấy: “Đúng là giống thật!”

Hôm nay, lúc tắm xong, mẹ cắt móng chân cho con, con nhìn móng chân mình và có cảm giác thật lạ bố ạ. Móng chân con còn đây, vậy mà móng chân bố không còn nữa. Móng chân bố không còn nữa, vậy mà trước đây móng chân hai bố con mình lại có hình dáng giống hệt nhau. Trước đây có bố, có mẹ và con. Bây giờ không có bố nữa, chỉ còn mẹ và con thôi, tại sao lại thế? Nhưng nếu cứ nghĩ mãi nghĩ mãi thì đầu con sẽ quay như chong chóng mất.

Lúc cắt móng chân cho con, trán mẹ nhíu lại và mẹ tỏ ra chăm chú. Con đã nghĩ: “Chẳng biết hồi bố cắt móng chân cho mình, mặt bố trông như thế nào?” Nhưng con hoàn toàn không biết. Vì khi đó, bố chỉ toàn cúi xuống. Con thích bố cắt móng chân cho con hơn. Vì bố cắt rất chậm nên con không thấy bị nhột. Thế bố ạ, con chào bố!

Tháng Mười hai đã đi được một nửa chặng đường và kỳ nghỉ đông đang đến. Ngày cuối của học kỳ, tôi chạy từ trường về nhà dưới ánh nắng trong vắt của mùa đông.

Khi chạy lên cầu thang, tôi thấy một cậu con trai lạ hoắc đang đứng trước máy giặt của bác Nishioka. Cậu ta chắc là hơn tuổi tôi, trông cứ như một cây nấm kim châm đeo kính vậy. Lúc tôi bắt gặp, cậu ta đang nhét một đồng đồ giặt cao như núi vào máy.

Lập tức, ký ức về “sự kiện cái máy giặt” lần trước ủa về. Chắc chắn là dùng trộm rồi, tôi nghĩ, đoạn rụt rè mở khóa cửa và nhìn chằm chằm.

“Chào!”

Cậu ta lên tiếng. Đó là một giọng nói khàn nhưng rất sáng.

Không đáp lại, tôi cuống cuống mở cửa rồi vào phòng. Cầm nắm cơm do mẹ làm sẵn, tôi nhòm qua khe cửa. Cậu con trai kia đang rẩy bột giặt vào máy rất thành thạo. Tôi đi ngoài, tránh nhìn vào cậu ta, tôi khóa cửa lại rồi chạy ngay xuống cầu thang.

“Bà ơi, có thằng nào lạ lắm!”

Khi đeo kính, những con chữ bé tí tẹo trên báo chẳng thể gây khó dễ được cho bà cụ, và bà cụ coi việc đọc kỹ không sót tí gì một tờ báo là thú vui hàng

ngày. Hôm đó, bà cụ đang ngồi thu chân trong bàn sưởi, tay mở rộng tờ báo, nghe tôi nói bà nhú mày, trán hiện lên những nếp nhăn lớn:

“Thằng nào lạ?”

Bên trên chiếc kính vừa trượt xuống, hai mắt bà cụ nhìn tôi chăm chăm.

“Một đứa đeo kính. Nó dùng máy giặt nhà bác Nishioka bà ạ.”

“À,” bà thốt lên, rồi vừa gập tờ báo lại vừa nói:

“Con bác Nishioka đấy.”

“Bác Nishioka có con hờ bà?”

“Có chứ.”

“Nhưng mà... thường thì nó ở với mẹ.”

Bà cụ nhòm dậy, quỳ gối và xếp lại xấp báo cho ngay ngắn, gây ra những tiếng cộp cộp bên trên bàn sưởi. Chẳng thể hỏi han gì thêm trong bầu không khí này, tôi đành im lặng.

Ăn trưa xong, tôi ra sân phơi đồ, đang cho lũ mèo ăn nốt một ít cá thu khô còn lại từ tối qua, chợt nghe có tiếng bước chân đi xuống cầu thang. Tiếng bước chân tiếp tục đi qua khu vườn rồi vòng tới cửa trước nhà bà cụ, lại là cái cậu bạn này.

“Bà có nhà không?”

Tôi gật đầu, thế là cậu ta đi về phía khu vườn. Từ chỗ cửa quét rác, cậu ta nói với bà cụ như người lớn:

“Cháu mời bà dùng món này ạ.”

Rồi chìa ra cái hộp bên trên có in dòng chữ “Thạch quả sơn trà Nhật Bản.”

“Bà cảm ơn”

Bà cụ khẽ cúi đầu theo đúng kiểu của người già, rất trang trọng.

“À, con bé kia là Chiaki, hàng xóm của cháu đấy. Nó học lớp Một.”

Bà cụ quay về phía tôi, giới thiệu qua loa tên cậu ta là Osamu và đang học lớp bốn. Lớp Bốn mà bé tí tẹo.

“Anh ở đây vào kỳ nghỉ hè, mình là bạn nhé.”

Thay cho lời đồng ý, tôi nhìn về phía Osamu, miệng Osamu bụm lại cứ như đang nhin cười để khỏi lộ mấy cái răng cửa to tướng.

Osamu nói sẽ đi mua đồ để nấu cà ri, thế là tôi quyết định đi cùng. Chúng tôi đi bộ trên con đường mòn chạy dọc bờ sông, vừa đi vừa đá những viên đá cuội nhỏ. Vóc người nhỏ thó, dáng đi còng lưng và cái đầu khế gập gà gập gù của Osamu rất giống bác Nishioka.

“Anh làm cà ri ngon phết đấy nhé.”

“Gì cơ, anh tự làm được á?”

“Được chứ. Cả bò hàm xốt kem này, trứng rán này...”

Siêu quá, tôi trầm trồ nhưng rồi lại nghĩ, chắc học sinh lớp Bốn ai cũng thế.

“Mẹ anh dạy anh cách nấu ạ?”

“Ừ, nhưng chủ yếu là anh học từ sách với ti vi. Mẹ anh dạy học ở một trường tư thục nên bận lắm.”

“Mẹ em ấy, mẹ em làm ở chỗ tổ chức đám cưới. Ngày nào cũng nhìn cô dâu nhé, nhiều lắm!”

“Thật á?”

“Anh thích cô dâu không?”

Osamu suy nghĩ một lát rồi đáp: “Không thích lắm.”

“Tại sao?”

“Có gì đó ghê ghê ấy. Vì người họ cứ cứng đờ ra.”

Lúc ở siêu thị trong khu mua sắm, Osamu mua đồ với vẻ rất thành thạo, rồi chúng tôi cũng đi bộ về trên con đường dọc bờ sông. Cảm giác ngưng ngừng trước người lạ mặt mọi khi chợt tan biến, tôi huyên thuyên với Osamu đủ thứ chuyện trên đời, nào là chuyện bà cụ, nào là chuyện cô Sasaki quảng đồ ăn cho lũ mèo hoang... Osamu vừa nghe vừa cười khúc khích, những lúc tôi ngập ngừng không biết nói gì, anh ấy lại hỏi chêm vào những câu gợi chuyện.

“Khi nào xong cà ri em đến ăn nhé!”

Osamu mời tôi lúc ở lối đi của khu căn hộ cho thuê. Tôi muốn nói: “Vâng, em sẽ đến! nhưng lại thôi. Không xin phép mẹ trước mà đã đồng ý là hư, tôi nghĩ.”

“Thế tối nay đi nhà thờ nhé!”

“Nhà thờ á?”

“Thánh lễ Misa đêm Giáng sinh mà.”

Không phải tôi không biết đó là đêm Giáng Sinh. Nhưng khi thấy những người bạn đồ ông già Noel đi phát tờ rơi quảng cáo đại hạ giá, tôi đâm ra bối rối. Vì trong lòng tôi, ông già Noel chính là bố.

Bố mất có nghĩa là từ năm nay trở đi sẽ không ăn mừng Giáng sinh nữa, tôi cứ đinh ninh như vậy, nhưng hôm đó mẹ mua về cho tôi một cái bánh kem có dâu tây ở trên. Tôi cắt hai miếng đặt lên đĩa rồi sang gõ cửa căn hộ bên cạnh. Trong phòng, bác Nishioka và anh Osamu ngồi đối diện nhau trước cái bàn gấp be bé đang cùng ăn cà ri.

Bác Nishioka nói cảm ơn lúc nhận bánh rồi hỏi tôi:

“Chiaki đã hỏi mẹ chưa? Cháu có được đến nhà thờ không?”

“Mẹ cháu cũng đi cùng được không bác?”

“Dĩ nhiên là được rồi, đi chứ đi chứ.”

Osamu nhìn tôi, tay vẫn cầm thìa cà ri và mỉm cười. Cà ri ngon thật là ngon, tôi nghĩ.

“Thế Chiaki về ngủ một chút đi. Sẽ phải thức đến khuya đấy cháu ạ.”

Bác Nishioka bảo vậy nhưng tôi nằm thế nào cũng không ngủ được vì trong lòng cứ háo hức mãi về chuyện ra ngoài lúc nửa đêm. “Mẹ ơi, vừa nãy nhé, bác Nishioka với anh Osamu ăn cà ri đấy.”

“Thế à.”

“Trông như cắm trại ấy mẹ ạ.”

“Cắm trại á?”

“Vâng, hai người họ im lặng ngồi ăn, mà chỉ ăn mỗi cà ri thôi.”

“Chiaki!”

“Dạ?”

“Không được nhìn chằm chằm lúc người khác đang ăn!”

“Vâng, con biết rồi. Mẹ ơi, thật đấy, trông giống như cắm trại ấy.”

“Ừ ừ.”

Lúc đó, tôi muốn nói rằng tôi rất thích cảnh anh Osamu và bác Nishioka ngồi ăn nhưng ngoài việc so sánh “giống như cắm trại” ấy tôi chẳng tìm được cách nói nào hay hơn. Tôi mới chỉ được thấy cảnh cắm trại đôi lần trên phim truyền hình mà thôi. Giữa bóng đêm, ngọn lửa liu riu cháy, vài người lặng lẽ ngồi dùng một món ăn nhẹ còn âm ấm, tiếng chim đêm, bầu trời đầy sao sáng... Chợt tôi nhớ ra, khi đó tôi chẳng hề nghe thấy giọng kể chuyện cười từ cát xét của bác Nishioka.

Khuya hôm đó, chúng tôi rời trang viên Cây Dương. Bầu trời đêm quang đãng, những ngôi sao trên cao tỏa sáng lung linh trông như mắt của những loài sinh vật sống. Mẹ mặc cho tôi áo len dày, áo khoác và quàng khăn quanh cổ, đội cả mũ len nữa, trông tôi chẳng khác nào một con thú bông căng phồng sắp bục cả ra.

“Bác Nishioka theo đạo à?”

Nghe mẹ hỏi vậy, bác Nishioka bối rối trả lời. “À không, tôi thì không.”

“Thằng bé nhà tôi đã nhận phép rửa tội. Mẹ nó theo đạo.”

Nói đoạn bác đặt lòng bàn tay của mình lên đầu Osamu.

“Cả tôi hồi ấy cũng bị đòi phải theo đạo. Trước khi kết hôn ấy. Nhưng chính ra tôi không theo lại hóa hay.”

“ao thế ạ?”

Bác Nishioka hẳn là rất ngạc nhiên khi mẹ thật thà hỏi: “Sao thế ạ?”

“Bởi vì, thì đây, chẳng phải thế sao? Đạo Thiên Chúa không cho ly... ly hôn mà.”

“À...”

“Miệng thì bắt người khác phải trở thành con chiên ngoan đạo, nhưng bản thân thì chẳng mấy chốc đã từ bỏ...”

Bác Nishioka như đang tự nói một mình, bác cười không ra tiếng rồi lại nói nhanh lú như mọi khi: “Thôi, đó là chuyện xưa lắm rồi.”

Nhà thờ ở trên đỉnh đồi đối diện khu mua sắm, muốn đến được đó phải đi qua con đường men theo bờ sông tới chỗ trạm cứu hỏa và đoạn đi lên khá dốc. Đứng từ trên đó nhìn lại sẽ thấy rất rõ những quảng sáng đèn nê ông quanh nhà ga hắt xuống dòng sông rộng lớn và đen đặc. Một con tàu điện nhỏ ních đầy người băng qua cây cầu bắc ngang dòng sông. Tôi kéo tay mẹ đang mơ hồ nhìn theo bóng con tàu.

Đó là một khu dân cư sang trọng hơn so với khu chúng tôi đang sống, những tòa nhà sau cánh cổng uy nghiêm đứng im lìm dưới bầu trời đêm. Cây sồi già vươn dài những cánh tay trùm khắp cả khu vườn nhà thờ, nơi nơi như chìm trong bóng tối, những khi cánh cổng gỗ dày mở ra, âm nhạc và ánh sáng ùa tới, cả mẹ và tôi đều há miệng ngơ ngàng.

Không khí bên trong nhà thờ ấm áp, mọi người đang đứng hát đồng thanh. Anh Osamu nhúng tay vào một thứ trông như cái chậu bằng đá trắng, làm dấu chữ thập trước ngực rồi nhìn tôi hiệu bảo làm theo. Đầu ngón tay tôi chạm vào nước lạnh toát. Osamu cầm tay và chỉ cho tôi cách làm dấu chữ thập.

Căn phòng đầy ắp âm thanh: những khúc hát, tiếng đàn organ, và những lời nói có tiết tấu thanh thản lạ kỳ mà đức cha xướng lên. Với trần nhà cao, nhà thờ chẳng khác gì một chiếc hộp bánh bị lèn chặt tiếng vang. Trong chốc lát, rồi như mù mịt cả người, cứ lặp đi lặp lại các động tác giống mọi người, hết đứng lên lại quỳ gối và ngồi xuống, rồi chẳng biếng từ lúc nào hai mắt đóng dính vào dấu chữ thập ngay trước mặt.

“Ai kia hả anh?”

Tôi thầm hỏi Osamu.

“Đó là Chúa Jesus

Hơi thở của Osamu có mùi kem đánh răng.

“Sao ông ấy không mặc gì?”

Osamu chỉ khẽ nghiêng đầu.

“Ông ấy chết rồi hả anh?”

“Ừ, cũng gần như vậy.”

“Sao lại chết?”

“Để cứu loài người.”

Đúng lúc ấy, tiếng đàn organ vang lên và mọi người lại bắt đầu hát. Với vẻ mặt rất mực trang nghiêm, Osamu hát bằng giọng cao nhưng hơi khàn giống như khi nói chuyện. Bác Nishioka nhìn chăm chú vào quyển thánh ca có bìa da màu đen, miệng khẽ mấp má. Tôi ngược lên nhìn mẹ, mắt mẹ ươn ướt như người say.

Tôi thấy thương cái người được gọi là Chúa Jesus, thân hình ông ấy gầy gò và khuôn mặt trông đau khổ làm sao. Bị mọi người nhìn vào trong bộ dạng không mặc gì như thế thì làm sao mà thoải mái cho được. Thế rồi bỗng nhiên, tôi lại nhớ tới câu chuyện về chú thỏ mà bố đã kể. Chú thỏ ấy tình nguyện chết để cứu một vị thần đóng giả làm một người đói khát, còn anh Osamu bảo cái người tên là Chúa Jesus kia đã chết để cứu cả loài người. Phải chăng bất kỳ ai đó chết đi cũng là vì người khác, vì điều gì đó...? Vậy bố tôi chết vì điều gì? Vì một người đói khát ư? Vì loài người ư? Vì mẹ? Hay vì tôi?

Chương 06

Vừa lúc ấy, câu chuyện của đức cha bắt đầu và đột nhiên tôi thấy buồn ngủ. Khi mẹ lay người đánh thức tôi dậy, trong nhà thờ đã gần như không còn ai. Người phụ nữ chơi organ khi nãy đang thu dọn bản nhạc. Nhà thờ chỉ ít phút trước thôi chẳng khác nào hộp bánh lung linh ánh sáng và dồn chặt âm thanh giờ đây chỉ còn như một một trường bình thường ở bất kỳ đâu.

Không khí bên ngoài lạnh buốt như chọc vào mắt tôi. Ở chỗ cánh cổng còn đang mở, tôi ngoái đầu nhìn lại Chúa Jesus trên cây thập giá một lần nữa.

“Cháu để ta lại đây mà về ư?”

Người đó nói.

“Lần sau cháu lại tới

Tôi khẽ lẩm bẩm rồi bước ra ngoài.



Có nhiều hôm, bác Nishioka phải đi làm từ sớm tối nên từ chiều anh Osamu đã đi chợ để nấu cơm sớm. Tôi vẫn thường tha thẩn quanh Osamu, có lúc xách hộ anh vài thứ khi đi chợ, lúc thì giúp anh rửa rau... Tại căn bếp nhỏ trong căn hộ, Osamu bận tạp dề, tay phải cầm muối, tay trái nhắc lọ xì dầu trong tủ bếp ra, dáng vẻ anh khi đó y hệt vợ của bác Nishioka. Và cũng giống như đồng chăn mền lúc vừa ngủ dậy, trông chẳng khác gì một con cá sấu. Dù nhìn thế nào thì hình ảnh anh Osamu luôn tay luôn chân trong căn bếp ấy cũng y hệt “bác gái bên nhà hàng xóm” vậy. Được ở cùng với “bác gái” trong căn bếp đó, tôi thấy thật vui là yên ổn.

Điều này dường như có liên quan tới chuyện tôi không cảm nhận được sự bình yên nơi bóng dáng của mẹ mỗi khi mẹ làm bếp. Tôi biết nếu nói điều này thật bất công với mẹ, người ngày ngày vẫn làm cơm cho tôi ăn, nhưng có lẽ tôi thấy ngạt thở. Trong tôi đầy áp nỗi lo: liệu mẹ có làm việc quá sức, liệu mẹ có quá vất vả, liệu một lúc nào đó mẹ có giống như bố, sẽ bỏ tôi lại hay không? Tôi học cách sử dụng máy giặt và gấp quần áo, tôi nhận nhiệm vụ đi mua sữa mỗi ngày, tôi cố gắng để trở thành học sinh lớp Một mẫu mực, nhưng dù cố gắng thế nào, mỗi lần nhìn thấy lưng mẹ đứng quay mặt về phía bồn rửa bát, tôi lại sợ hãi nghĩ rằng rồi đây tôi sẽ bị bỏ lại một mình. Hồi tưởng về mẹ khi ấy, tôi có cảm giác mẹ như bị bọc kín trong một nỗi bất an, có lẽ nói vậy là hợp lí hơn cả.

Nhưng Osamu thì khác, anh ấy luôn vui vẻ và không đứng bết theo cái kiểu ủ dột như mẹ tôi. Một hôm, trên đường đi mua đồ về, tôi nói với Osamu: “Giá mà anh ở đây mãi nhỉ.”

“Ừ, hay là thế nhỉ.”

Không hề lưỡng lự rằng mình sẽ nhận được một câu trả lời đáng mừng thế và giản đơn đến thế, tôi lấy làm hân hoan.

“Thật nhé, thật nhé!”

“Ừ, dù gì anh cũng nấu ăn ngon hơn bố...”

“Đúng rồi, đúng rồi.”

“Đăng nào, sau khi sinh em bé, mẹ anh cũng sẽ vất vả lắm.”

“Em bé, mẹ anh sinh em bé ạ?”

“Ừ. Dự kiến là ngày mừng ba Tết đấy.”

“Ồ.”

“Vì mẹ anh hơi yếu nên giờ vẫn đang nằm viện.”

Chắc vì thế mà anh ấy đến đây, tôi hiểu ra.

“Đến Tết, anh có thể đi thăm mẹ.”

“Xa lắm!”

“Nhưng để mẹ anh ở một mình như thế, tủi thân lắm.”

“Còn có bố nữa.”

“Dạ?”

“Bố mới của anh. Không phải bố ở đây đâu.”

Tôi thất vọng thốt lên một tiếng “ồ”. Trong giây lát, tôi im lặng bước đi, từ từ sắp xếp lại mọi thứ trong đầu.

“Bố mới của anh có ác không?”

“Không đâu,” Osamu khẽ lắc đầu. Câu trả lời của Osamu khiến tôi khá yên tâm như thể nó là chuyện của mình; tôi hỏi vậy là do bị ảnh hưởng bởi những bà mẹ kẻ độc ác trong truyện tranh và truyện cổ tích. Tuy nhiên tôi vẫn thấy có điều gì đó không chắc chắn.

“Anh thích khu nhà đó.”

Đột nhiên Osamu nói, đôi mắt hẹp dài cổ mở thật to sau cặp kính.

“Bà cụ chủ nhà rất giống bà của anh. Hồi còn nhỏ, anh đã từng đến chỗ bà anh. Nhưng rất lâu rồi anh không gặp bà nữa.”

“Tại sao thế ạ?”

Tôi bỗng thấy thật khó có thể tin rằng bà của anh Osamu lại có khuôn mặt đáng sợ như bà cụ chủ nhà này.

“Vì bà anh cũng hay gọi anh là “Osamu”. Kiểu như “Osamu, dào hãy còn lạnh đấy” chẳng hạn. Bnh rất hiền.”

Osamu nhìn trân trân vào khoảng đất cách mũi chân chừng ba mét về phía trước, sau đó dùng ngón trỏ gõ cọc cọc vào mấy cái răng cửa to cộ.

“Anh Osamu này. Những người mà anh biết, đã có ai chết chưa?”

“Không có. Sao thế?”

“Không ạ. Không có gì.”

Tự nhiên tôi muốn kể cho Osamu nghe về những lá thư tôi viết cho bố, về cái ngăn kéo tủ của bà cụ. Nhưng quanh anh ấy chưa có ai chết cả nên tôi nghĩ cứ giữ bí mật với bà thì hơn. Vừa thấy thất vọng lại vừa nhẹ nhõm, tôi đá chân lên cao, chiếc giày thể thao đã bắt đầu trở nên hơi chật.



Bố khỏe không ạ? Hôm nay, anh Osamu bảo: “Anh sẽ hái cho em quả qua lâu.” Anh Osamu cố gắng trèo lên cây dương. Nhưng dưới thấp không có cành nào cả nên mãi mà anh ấy không trèo được. Đúng lúc ấy bà cụ hỏi: “Hai đứa đang làm gì thế?” Anh Osamu trả lời: “Cháu muốn hái quả qua lâu nhưng không trèo lên cây được.” Bà cụ vào nhà kho lấy cái kéo làm vườn ra cho bọn con. Nó rất nặng và có tay cầm dài ơ là dài. Bà bảo: “Khi thầy bà còn sống, ông ấy đã mua cây kéo này ở cửa hàng cây cảnh.” Anh Osamu trèo lên cái thùng muối dưa lật úp. Anh ấy hô một tiếng rồi đưa cây kéo lên. Cánh tay anh Osamu rung rung. Cuối cùng, quả qua lâu bị cắt rơi xuống, và con tóm kịp lấy nó. Anh Osamu nói lớn: “Nice catch!”^[4] Con rất vui. Nhưng sau đó, vì cái kéo quá nặng nên anh Osamu bị ngã nhào.

Quả qua lâu rất nhẵn bố ạ. Con tưởng nó mềm giống như cà chua nhưng hóa ra không phải. Con hỏi: “Ăn được không hả bà?” thì bà cụ nói: “Bà không biết, sao cháu không thử đi?” Con định ăn thì anh Osamu bảo: “Chiaki, đừng có ăn!” nên con không ăn nữa. Bà lại bảo: “Nó định ăn thật đấy, cái con bé này,” con bực lắm bố ạ.

Con rủ: “Quả qua lâu này thật đẹp, mình mang tới nhà thờ tặng cái người ở trên cây thập giá đi anh đi,” Anh Osamu đồng ý: “Ừ, hay đấy.” Lúc đó không có ai, nhà thờ hơi đáng sợ bố ạ. Anh Osamu bảo: “Con người sau khi chết sẽ tới xứ sở của các vị thần, Chiaki cũng tới đó. Anh cũng thế.” Anh ấy còn bảo, các vị thay những người chần cừ, còn con người là những con cừu. Con đã tưởng tượng bố biến thành cừu. Nhưng con chẳng tin chút nào. Con không thích bố

cứ tha thẩn trên mặt trăng với thỏ, kể cả cừu cũng thế. Con nghĩ, nếu bố mà biến thành cừu thì làm sao con biết được con cừu nào là bố.

Ông Jesus chỉ có một mình, ông ấy không mặc gì và trông ông ấy có vẻ buồn chán bố ạ. Con đặt quả qua lâu dưới cây thập giá. Rồi con chạy ra ngoài. Ra ngoài xong, con nghĩ, ông Jesus và bố hơi giống nhau. Con thấy ông ấy có khi còn giống bố hơn cả bức ảnh trên bàn thờ nhà mình nữa. Nhưng nghĩ lại thì điều đó thật kì cục làm sao.

Anh Osamu bảo: “Lần sau, chúng mình mang hoa tới nhé!” Con thích ý nghĩ lại được tới đó. Nhưng con thích những quả qua lâu hơn là hoa. Con nghĩ, nếu là bố, chắc bố cũng thích những quả qua lâu hơn. Thế bố nhé, con chào bố!

7.

Cuối năm, phố phường ngập tràn tiếng nhạc, người và xe cộ hối hả ngược xuôi trong bầu không khí rộn ràng tấp nập. Những ngày này, bà cụ, anh Osamu và tôi lại sống trầm lặng, như bị cái ồn ào náo nhiệt xung quanh tôi bỏ lại hoàn toàn.

Mỗi lần tới nhà thờ, tôi và anh Osamu lại say sưa đặt dưới chân cây thập giá những chiếc lá đẹp màu, quả thông, cả bức tranh máy bay mà Osamu vẽ, rồi cái cúc áo trông như viên kẹo tròn tròn lấy từ bộ vest mẹ tôi từng mặc, ngoài ra còn biết bao nhiêu thứ đồ lễ khác nữa. Tùy thời điểm mà bức tượng Chúa bằng gỗ mang những sắc thái khác nhau, cũng có khi tôi thấy ông ta giống như người đang bận tâm về một chuyện xúi quẩy nào đó hơn là đang đau khổ, chẳng hạn như bị rơi ví hay giẫm phải đồng phân chó. Bị cuốn hút kì lạ bởi những biểu hiện cảm xúc khác nhau mỗi lần ngắm nhìn bức tượng, có những ngày, tôi rủ Osamu leo lên con dốc dài dẫn đến nhà thờ tới hai, ba lần. Lần nào tôi rủ: “Đi đi anh!” Osamu cũng đồng ý: “Ừ, đi!” nên tôi rất vui, có lẽ càng ngày tôi càng thích thú với trò chơi này.

Bà cụ chẳng có vẻ gì là sốt sắng với việc chuẩn bị tết nhất. Nếu hỏi hằng ngày bà cụ làm gì, câu trả lời sẽ là: bà dành cả ngày để dọn dẹp phân mèo. Thường thì lúc đi vệ sinh, lũ mèo sẽ tìm vào tận góc ngách nào đó và sau khi xong chúng sẽ lấp đất lên cẩn thận. Nhưng chắc những con mèo tới đây thuộc loại nặng mộng, cứ ị phân lăn lóc ngay giữa vườn và để mặc như thế mà chẳng lấp đất che đi. Với một người ưa sạch sẽ như bà cụ, không đời nào bà lại chịu để yên như vậy. Lần nào bà cụ cũng đi lòng vòng khắp vườn, tay đeo găng lao động, cầm theo túi giấy và xẻng, mắt sáng lên và cánh mũi phập phồng. Khi tôi và anh Osamu định đi ra ngoài, bà cụ gọi giật lại: “Hai đứa nhìn này!” rồi he hé

cái túi giấy để những gì bên trong lộ ra. Chúng tôi nhăn mặt vì mùi khó chịu, còn bà cụ lại thích thú trước thái độ lạ lùng đó. Anh Osamu và tôi đưa mắt nhìn nhau, thế rồi bà cụ chúi mái đầu bạc phơ vào túi giấy và tự gật đầu một mình: “Ừ, có mùi. Mũi ta vẫn ngửi được.” Mũi của bà cụ đã gần như không ngửi thấy gì nữa rồi.

Năm đó, vì nhà đang có tang nên chúng tôi không viết thiệp chúc mừng ai cả. Đêm giao thừa và mừng một Tết, mẹ con tôi đến ở nhà bác anh cả của mẹ. Trước đó không lâu, bà ngoại cũng đến đó sống cùng với bác gái và hai chị họ của tôi.

Hiếm khi mẹ tới thăm nhà bác cả. Không phải vì quan hệ giữa mẹ và bác cả không tốt, mà nói thế nào nhỉ, chắc họ không được hợp nhau cho lắm. Thế nhưng vì bác ấy kiên quyết rằng ít nhất vào dịp tết nhất mẹ con tôi cũng nên tới thăm bà ngoại, hơn nữa khoảng cách ba giờ đồng hồ tàu điện chưa kể phải đổi tàu liên tục là quá xa để có thể đi và về trong một ngày, nên chúng tôi quyết định nghỉ đêm ở đây. Bác cả trách hai mẹ con tôi lâu lắm rồi có chưa đến thăm bà ngoại. Tim của bà ngoại có chuyển biến xấu, phải nhập viện nên lễ tang của bố tôi bà không đến dự được.

Mẹ với bác cả vừa xem chương trình âm nhạc cuối năm vừa nhâm nhi bia và trao đổi với nhau vài câu nhạt tẻch. Hai chị họ đang học cấp II của tôi đứng trước ti vi và bắt chước các ca sĩ, hết hát hò lại nhảy nhót âm ỉ, còn tôi thì vừa ngồi mơ màng bên bàn sưởi vừa nghĩ vẩn vơ, anh Osamu thế nào nhỉ?

Bác gái chăm bà ngoại tôi như chăm con nít vậy.

“Nào, mẹ ơi, mẹ ăn dưa vàng nhé.”

Giọng nói của bác ngọt như mía lùi. Bà ngoại vẫn có thể tự làm được nhiều việc, nhưng bác gái vẫn cắt sẵn dưa ra thành từng miếng nhỏ vừa miệng. Được chăm sóc chu đáo, bà ngoại nom thật đáng thương, nhỏ thú lọt thỏm trong cái áo len lông thỏ mềm mại rất hợp với nước da trắng, trên khuôn mặt nở một nụ cười mơ hồ. Bác gái càng ngọt ngào bao nhiêu, bà ngoại càng giống trẻ nhỏ bấy nhiêu. Nhìn bà ngoại như vậy, chẳng hiểu sao tôi lại nhớ tới hình ảnh bà cụ ở trang viên Cây Dương, trông rất oách trong chiếc tạp dề nhưng lại đứng bếp với vẻ lười nhác, lần nào cũng nấu đi nấu lại món canh tương dở tệ rồi húp sị s.

“Mẹ ơi!”

Sau khi chui vào trong chăn, tôi gọi mẹ. Bình thường tôi vốn khó ngủ, nhưng đúng là phải thừa nhận lớp hồ của cái vỏ chăn này quá dày.

“Mai mấy giờ mình về hả mẹ?”

Mẹ trở mình quay về phía tôi.

“Con muốn về ư?”

“Không phải thế nhưng mà...”

“Không phải thế, nhưng con muốn về chứ gì?”

“Vâng ạ.”

“Mẹ cũng thế.”

“Thật ạ?”

Mẹ gật đầu. Hình như lâu rồi tôi và mẹ mới nói chuyện với nhau như thế này, tôi thấy trong lòng vui vui.

“Bà ngoại già quá rồi nhỉ?”

Mẹ nói một mình. “Rồi thì, mọi người đều sẽ đi xa,” mẹ khẽ lẩm bẩm điều đó rồi quay lưng về phía tôi, bật khóc run run.

Tôi ra khỏi chăn mình, chui vào chăn bên cạnh, nằm sát lại như dán vào lưng mẹ. Từ sau khi vào mẫu giáo, hiếm khi tôi được ngủ cùng mẹ thế này, nhưng hôm đó là một ngoại lệ. Hơi ấm từ người mẹ từ từ truyền sang tôi, và rồi ở khóe mắt đang nhắm chặt cả tôi, khuôn mặt bố bất ngờ hiện lên rõ nét. Bố nhắm mắt, dường như đang suy nghĩ điều gì. Đúng rồi, bố vẫn thường nhắm mắt như thế, vừa hút thuốc lá, thả lỏng vẫn còn nghe nhạc, vừa suy nghĩ đắm chiêu. Tôi muốn biết bố đang nghĩ gì. Nhưng lần nào tôi tới gần, bố liền mở mắt ra ngay rồi bế bồng tôi lên. Điều đó khiến tôi vô cùng hạnh phúc nhưng cũng vì vậy mà chẳng bao giờ tôi bước vào được suy nghĩ riêng của bố...

“Mẹ xin lỗi.”

Mẹ vừa lau mắt khóc như trẻ con vừa quay về phía tôi. “Con bất ngờ phải không?”

Tôi lắc đầu. “Mẹ ơi,

“Sao, con?”

“Con đang viết thư đấy. Cho bố.”

Mẹ sững lại một giây. “Thế à, con đang viết thư cho bố à?”

“Con nhờ được người gửi hộ, thật đấy!”

Nếu mẹ hỏi, ai gửi hộ con, chắc tôi sẽ kể hết cho mẹ toàn bộ sự thật. Nhưng trong một thoáng, mẹ không nói gì, chỉ trân trân nhìn những đầu ngón tay tôi nằm gọn trong lòng bàn tay mẹ.

“Con viết những gì?”

“Ừm.”

“Bí mật à?”

“Con viết cả về những bí mật nữa. Ví dụ như chuyện anh Osamu sau này chẳng hạn.”

Mẹ khẽ cười.

“Mẹ ơi, bố chưa bao giờ nổi cáu, mẹ nhỉ?”

“Đúng rồi.”

Nhưng trong giọng nói của mẹ có điều gì đó mơ hồ.

“Viết thư cho bố, con thấy có cả giác kỳ lạ lắm.”

“Lạ thế nào hả con?”

“Con tự hỏi, bố đã chết rồi sao. Sự thực là bố đã chết rồi. Nhưng con chẳng thấy sợ gì cả mẹ ạ.”

“Trước đây con sợ à?”

“Vâng.”

Giây lát, cả hai mẹ con cùng chìm vào im lặng.

“Mẹ ơi, mẹ sẽ viết chứ?”

“Một lúc nào đó nhé!”

“Nếu viết, mẹ bảo con nhé. Để con nhờ người gửi đi hộ cho.”

Tôi vội nhắm mắt lại. Mong sẽ kịp ngủ trước khi mẹ nhắc, “Giờ thì về với cái chân của con đi nào.” Nhưng hình như mẹ không định nói điều đó. Mẹ cứ chĩa mũi vào mớ tóc mái hỉ nhì vừa cắt của tôi và cứ để như vậy thật lâu. Trong khi cố vờ ngủ, tôi đã thiếp đi luôn.



Mùng một Tết. Mẹ và tôi định sẽ đi dạo cùng bà ngoại. Hàng ngày, đi dạo sau bữa sáng đã trở thành thói quen thường nhật của bà, và bà không hề có định phá vỡ thói quen ấy dù là trong ngày Tết. Bác gái, người luôn đi dạo cùng bà, từ sáng đã mệt lử do uống chút rượu nặng. Bác đã cố gọi vợ dậy nhưng vô ích, “Mau dậy còn dắt mẹ ra ngoài chứ,” cứ như thể bảo bác gái đi chăm cún con vậy. Hai cô chị họ của tôi đã ra ngoài đi lễ cầu năm với bạn bè.

Chúng tôi thong thả ra công viên gần nhà theo nhịp bước chân chậm rãi của bà. Phố xá được gói ghém trong cái tĩnh lặng đặc trưng của Tết, còn bầu không khí như căng ra dưới ánh nắng trong vắt. Bà ngoại không nói gì cả. “Mẹ có lạnh không?” “Đây có phải là con đường mọi khi không mẹ nhỉ?” Mẹ có hỏi gì đi nữa, bà cũng chỉ gật gật hoặc lắc đầu mà thôi. Tôi ngờ rằng bà ngoại chẳng biết gì về hai mẹ con tôi. Suốt từ hôm qua, chưa một lần bà gọi tên tôi và mẹ.

Trong công viên, chúng tôi ngồi xuống một chiếc ghế băng dưới nắng. Ngay bãi cát trước mặt, có một con mèo đang bới bới cát để giải quyết nỗi buồn.

“Mẹ xem kìa. Có con mèo kìa, mèo.”

Mẹ chỉ cho bà ngoại. Bị ảnh hưởng của bác gái, giọng mẹ nghe như đang trò chuyện với con nít vậy. Nhưng lập tức, bà ngoại làm mẹ con tôi sững người.

“Này con, thôi cái kiểu đó đi cho mẹ nhờ.”

Bà ngoại nói xong thở phò phò cả ra đằng mũi, bà vẫn còn mệt.

“Thôi cái gì cơ ạ?”

Mẹ tôi chớp mắt liên tục.

“Nghe cái giọng chảy nước của con, mẹ đến đoán thọ mất.”

Tôi và mẹ cùng há miệng. Bà ngoại ít nhất trước trông còn đáng thương đến thế giờ đã đi đâu mất rồi?

“Con bao nhiêu tuổi rồi?”

Mẹ còn đang ngỡ ngác thì bà ngoại liền hỏi lại: “Này con gái. Con bao nhiêu tuổi rồi?”

“Ba bảy ạ.”

Bà ngoại gật đầu rồi mò tìm trong túi ni lông đặt trên đầu gối, lấy ra một phong bì dày đưa cho mẹ.

“Cái gì thế ạ?” Mẹ hé mắt nhìn vào trong rồi lên tiếng. “Đây chẳng phải là tiền sao?”

“Mẹ cứ nghĩ mãi, chẳng biết sau khi mẹ chết đi rồi thì nó có đến được tay con hay không...”

“Nhưng còn các anh con thì sao ạ?”

“Đó là chuyện mẹ sẽ tự lo, được chứ?”

Giọng bà ngoại dần trở nên rõ ràng.

“Con có tiền không? Không có xu nào còn gì?”

“Dạ vâng, nhưng...cảm ơn mẹ đã giúp con.”

Bên trong phong bì, ngoài tiền ra còn có một chiếc nhẫn vàng.

“Mẹ mua nó từ trước khi sinh con. Hơi bốn mươi năm rồi đấy.”

Mẹ bèn đeo thử, chiếc nhẫn còn vừa khít với ngón giữa.

“Mẹ mang thai con năm bốn hai tuổi nhỉ. Ngưỡng mộ thật!”

Mẹ nói, mắt ngắm nghía mãi cái bàn tay đeo nhẫn, bà ngoại không trả lời. Thay vì thế, bà chăm chú nhìn mẹ với một sự lưu tâm sâu sắc, gần như là dò xét.

“Này, có phải con cảm giác như bây giờ mình đã có tuổi rồi phải không?”

Mẹ khẽ cười rồi trả lời bằng quơ: “Vâng ạ.”

“Mẹ biết, thời đại bây giờ khác rồi, nhưng mẹ cũng từng giống như con. Cũng có phần chán chường, buồn bã. Bố con điều hành công ty rất tốt nên mọi chuyện đều thuận buồm xuôi gió. Ngày đó, con còn chưa sinh ra, có một người đàn bà...”

“Đàn bà...với bố ạ?”

“Ừ.”

“Không thể nào. Chẳng phải cứ hễ trên ti vi chiếu gì đó lãng mạn là bố đều tắt đi đấy hay sao?”

“Nhưng mà có đấy con ạ. Chuyện đó đã xảy ra, và mẹ nghĩ cuộc đời mình thế là hết. Rồi bằng mọi cách, mẹ cố gắng tự vực mình dậy, lần đầu tiên mẹ bí mật mua đồ mà không cho bố con biết. Mẹ thấy thoải mái lắm. Là chiếc nhẫn này đây.”

Mẹ nhìn chiếc nhẫn. Tôi chẳng hiểu gì về nội dung câu chuyện nhưng lại bị khuôn mặt bà thu hút. Cả mắt, miệng và lỗ mũi của bà trông đều phồng lên để phải đến gấp đôi lúc ở nhà.

“Từ đó về sau, dần dần từng chút một, nhiều chuyện trở nên tốt đẹp hơn, và rồi con ra đời. Đó là cái nhẫn mang lại điềm lành.”

Bà ngoại nói vậy với mẹ rồi quay sang nháy mắt với tôi, khi ấy đang đóng tai lên nghe chuyện người lớn. “Cháu có thấy đẹp không? Mai này cháu lớn lên, mẹ cháu sẽ tặng lại nó cho cháu.”

Mẹ chìa bàn tay đeo nhẫn về phía tôi. Trên bề mặt nhẫn bóng của chiếc nhẫn vàng, khuôn mặt tôi ánh lên dài thượt.

“Có lẽ con cảm thấy thật khó khăn nhưng...” bà ngoại ho khế, “quan trọng hơn cả là rồi đây sẽ thế nào. Con hãy làm sao để sau này không phải hối hận rằng ‘Ôi, ngày đó mình vẫn còn trẻ, vậy mà...’ ”

Đáp lại lời bà, “Điều đó con hiểu,” - mẹ khế gật đầu như muốn nói.

“Con ổn cả mà mẹ.”

“Thật ư? Hôm qua, lúc con xuất hiện trong bộ vest cũ nát đó, mẹ thấy rùng cả mình.”

“A ha ha,” mẹ bật cười, Chắc mọi người chê bộ vest kẻ ca rô mà mẹ đang mặc, điều đó hoàn toàn nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi. Đó là bộ đồ mà tôi yêu thích.

“Bộ này ạ, con chủ định mặc nó đấy. Con đang để tang mà. Anh Hiroyuki chắc là đang cầu nài nhiều lắm hả mẹ?”

“Thằng bé đó là một đứa cứng nhắc. Nó bảo thủ và độc đoán.”

Mặt bà ngoại nhăn lại.

“Cực chẳng đã, mẹ đành phải đóng vai người có tuổi. Nếu không giả làm một bà già lẩn thẩn thì thật khó sống.”

Mẹ định xen vào, song bà lắc đầu cho mẹ thấy.

“Mọi người đều biết cả. Rằng thực ra mẹ là một bà già lắm điều. Bác cắt tóc, bác sĩ Naganuma, ông Tashiro ở bưu điện, và Yoshizawa ở Hội Người cao tuổi, cả ông Tamiya nữa. Nhưng cũng vì thế nên trước Toshiko, mọi người đều

giữ bí mật giúp mẹ, về việc mẹ đóng kịch thế này. Đó đều là những người thực sự tốt.”

“Nào, đến lúc phải đi rồi,” bà ngoại là người đứng lên trước tiên. Tới tận bây giờ, tôi vẫn nhớ như in khuôn mặt bà ngoại khi vừa đi qua cổng nhà bác cả: mắt bà trũng xuống còn miệng thì mím chặt lại, có một sự thay đổi ghê gớm vừa diễn ra cứ như thể bà vừa đeo thêm một chiếc mặt nạ vậy. Liên sau đó là bữa trà chiều. Như một chú chim non, bà ngoại ăn những miếng thạch đậu xanh được bác gái cắt nhỏ.

Chương 07

Bố có khỏe không ạ? Hôm nay, con với anh Osamu, cả bố anh Osamu nữa, ra bờ sông thả diều đấy. Bố anh Osamu chạy mãi, và con diều bay lên cao ơ là cao. Gió bờ sông lạnh lắm. Nhưng con và anh Osamu cứ nóng rục lên vì chạy nhiều quá.

Bố anh Osamu đã cắt tóc ngắn rồi. Chỗ hói trên trán bác ấy bây giờ rõ mồn một. Nhưng con thấy bác ấy như thế trông trẻ hơn ngày trước nhiều.

Anh Osamu nói anh ấy muốn sống ở đây cùng với bố của anh ấy. Bác ấy đồng ý rồi. Nhưng anh Osamu bảo: “Anh không ở lại đây ngay được, phải về bên nhà mẹ một lần đã. Nhưng đến kỳ nghỉ xuân anh sẽ chuyển tới.” Con vui lắm bố ạ, con đã nắm tay anh ấy và dung dăng thật mạnh. Chúng con không buông tay ra, cứ thế chạy lượn vòng vòng trên bờ sông.

Thả diều xong bọn con tới nhà thờ. Hồi ở nhà bác Hiroyuki, lúc đi dạo cùng bà ngoại tới công viên, con nhặt được một cái cài áo rất đẹp. Con đã tặng cái cài áo đó cho ông Jesus. Móc cài bị vỡ nhưng bên trên có gắn một viên đá lấp lánh ánh đỏ, đẹp vô cùng. Con hồi hộp lắm, vì con nghĩ ông Jesus sẽ vui. Nhưng ông ấy trông cứ như đang suy nghĩ cái gì ấy bố ạ. Con hỏi: “Ông đang nghĩ gì thế?” Nhưng ông Jesus không trả lời con. Trên đường về con bảo với anh Osamu: “Em ghét cái ông Jesus kia, anh ạ!” thế mà anh ấy nổi giận: “Sao em lại nói một điều như thế hả?” Con bảo: “Em không biết. Vì ông ấy chết rồi.” Anh Osamu lại bảo: “Không bao giờ có việc Ngài chết cả.” Rồi con đánh anh ấy. Osamu không đánh con, nhưng anh ấy không thèm nói chuyện với con nữa.

Đến tối, con tới gặp anh Osamu và nói: “Em xin lỗi!” thì anh ấy bảo: “Anh không giận em đâu.” Thế là con nghĩ: “May quá, không sao rồi.”

Sau đó, ở chỗ cầu thang, con với anh Osamu chơi oẳn tù tì. Con thích chơi trên cầu thang vào buổi tối bố ạ. Đèn vẫn bật nên chỉ có chỗ đó là sáng thôi còn chung quanh tối om. Bọn con đang chơi thì cô Sasaki về mang theo một túi du lịch to đùng. Con nghe nói là cô Sasaki vừa đi Hawaii. Quà cô ấy cho con và anh Osamu là kẹo sô cô la. Con với anh Osamu ăn dè từng tí một. Ngon ơ là ngon! Thế, con chào bố nhé!

Vì hôm sau là ngày nhập học, anh Osamu xách theo một túi du lịch cỡ nhỏ về bên nhà mẹ. Tôi muốn đi tiễn anh ấy cùng bác Nishioka nhưng bác bảo sau đó sẽ đi làm luôn nên tôi đành chào tạm biệt anh ở cổng khu căn hộ cho thuê.

Sang xuân, Osamu lại về. Anh ấy sẽ đến sống cùng bác Nishioka, rồi hàng ngày sẽ lại chơi đùa cùng tôi. Ngoài ra, tôi không nghĩ thêm gì khác nữa.

Thế rồi, vào cái ngày mà dự báo thời tiết đưa tin về đợt không khí lạnh nhất của mùa đông năm ấy, ở trường về đến nhà, tôi nhận được thư của anh Osamu trong thùng thư.

Chiaki, em khỏe không? Anh vẫn khỏe. Nhưng lá thư này không được vui cho lắm. Ban đầu anh đã định không viết, nhưng rốt cuộc anh vẫn viết vì muốn nói rõ với Chiaki.

Cuối cùng mẹ anh cũng ra viện. Nhưng em bé thì mất rồi. Em bé đã được sinh ra, nhưng phổi em ấy hoạt động không bình thường nên em ấy mất ngay sau đó.

Ngày nào mẹ anh cũng khóc. Bố anh (là bố ở đây ấy) cũng rất chán. Nhưng vì còn công việc nên bố không ở bên được.

Hàng ngày, anh nấu cháo cho mẹ. Mẹ anh ăn chẳng được mấy. Lúc anh cho mẹ ăn, mẹ chỉ nói “Cảm ơn con” rồi ăn một chút, sau đó thì lại khóc. Dạo này, mẹ anh hay nói chuyện về hồi mẹ còn bé. Mẹ nói suốt một, hai tiếng đồng hồ rồi sau đó, khi đã mệt lả rồi mẹ liền ngủ thiếp đi.

Chiaki này, anh đã hứa với Chiaki là đến mùa xuân anh sẽ tới đó, nhưng anh không giữ lời được rồi. Thời gian này anh không thể rời xa mẹ anh được. Em bé đã mất rồi, nếu đến cả anh cũng không ở đây nữa thì mẹ anh sẽ đau khổ vô cùng. Xin lỗi em! Bố anh (bố ở trang viên Cây Dương ấy) cũng bảo: “Con hãy ở bên cạnh mẹ!” Bố nói: “Bố quen ở một mình rồi nên không sao đâu.” Nhưng bố cũng có những lúc cô đơn nên anh cũng hơi lo. Nhờ Chiaki chăm sóc bố giúp anh nhé.

Anh sẽ lại viết thư. Anh rất muốn một lúc nào đó lại được cùng Chiaki đi nhà thờ. Không giữ được lời hứa với em, anh thật sự xin lỗi.

Endo Osamu

Tôi chạy đến chỗ bà cụ, chìa lá thư ra ngay lúc bà còn đang bận ủi đồ.

“Mẹ anh Osamu chẳng bảo là vì sắp có em bé nên sẽ không cần anh ấy nữa còn gì? Thế mà giờ mất em bé rồi thì lại thay đổi. Chơi gian! Anh Osamu thật đáng thương.”

Nước mắt, nước mũi, nước miếng của tôi thấm ướt cái tạp dề đầy mùi xà phòng và mùi thuốc sắc của bà cụ. Tôi không nhớ mình cứ như vậy trong bao lâu. Rốt cuộc, khi tôi ngẩng mặt lên khỏi đầu gối bà cụ, bà cụ bèn cho tôi ăn thạch hạt dẻ. Khi cái miếng mềm mềm ngon ngọt ấy trôi qua cổ họng đắm nước mắt nước mũi của tôi, bỗng nhiên tôi thấy đói.

Bà cụ không cười, chỉ lẳng lặng dùng dao gọt hoa quả để xắt thạch, xắt đến đâu ăn hết đến đấy. Thường ngày, tôi vẫn kính ngạc trước tính hảo ngọt của bà cụ, vậy mà hôm đó tôi cũng chẳng hề kém cạnh. Tôi biết món thạch hạt dẻ này là “của để dành” mà bà cụ đặt làm đặc biệt của một chỗ thân quen. Vậy mà chỉ trong chớp mắt, bà và tôi đã ăn hết sạch một miếng thạch, miếng thứ hai cũng gần như hết veo. Suốt khoảng thời gian đó, hai bà cháu chẳng nói gì.

Chẳng mấy chốc, tôi bắt đầu cứ như say đồ ngọt, bà cụ tôi rồi gật đầu: “Ổn rồi.” Tôi không biết cái gì “ổn rồi”, nhưng khi bà cụ nói vậy, tôi lại thấy cơn giận bùng lên. “Bà ơi, cháu sẽ viết trả lời anh Osamu. Cháu sẽ viết là anh nhất định phải đến chơi cùng em đấy.”

“Ôi, thằng bé đó. Cháu này, chả có đứa nào tuyệt vời được như thằng Osamu đâu.”

Rốt cuộc, trong khoảng thời gian tôi còn ở trang viên Cây Dương, không thấy Osamu tới đó lần nào nữa, kiểu liên lạc giữa trẻ con với nhau cũng không kéo dài được là bao. Nhưng đến tận bây giờ, thi thoảng, tôi vẫn nhớ đến những câu văn nghiêm chỉnh mà Osamu viết trong thư. Một lần, anh ấy gửi cho tôi một tấm ảnh. Đó là ảnh chụp khi đi tham quan, Osamu đứng cạnh một chú gấu con bị xích, trông hơi căng thẳng nhưng ngón tay vẫn giơ lên làm dấu chữ V, trên mặt nở một nụ cười gượng gạo. Tôi thích tấm ảnh đó, nó có cái gì rất riêng, rất Osamu.

8.

“Có vị nào ở đây là bác sĩ không ạ?”

Đang ngủ, chợt tôi nghe một giọng trầm trầm nhưng rất rõ đập vào tai. Phải mất vài giây tôi mới nhận ra đó là giọng của cô tiếp viên hàng không.

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay, vậy là bay được bốn mươi phút rồi. Có lẽ tôi đã ngủ quá say. Đêm qua, sau khi nói chuyện điện thoại với mẹ và được biết về sự ra đi của bà, tôi đã lần lượt hỏi tưởng lại rất nhiều chuyện cũ, vì vậy mà không thể ngủ được.

“Có, tôi là y tá đây...”

Lên tiếng rồi tôi mới thấy hối hận. Nói là y tá nhưng tôi đã bỏ việc rồi còn gì. Lỡ tôi không còn quen việc nữa...

“Chị có thể tới đây được không? Có một hành khách đau bụng dữ dội.”

Cô tiếp viên tiến lại gần từ phía lối đi, vừa nói vừa thu dọn khay đồ ăn ở lưng ghế trước mà tôi đang để mở, như không hề nhận thấy sự bối rối của tôi.

Khi đi tới hàng ghế phía trước được ngăn bằng rèm che, tôi thấy chiếc ghế rất lớn đã được ngả ra và một bé gái tầm mười lăm tuổi đang nằm trên đó. Nhìn cơ thể bé ỏ của cô bé cuộn tròn cứng đờ trong chăn vì đau đớn, sự bối rối trong tôi tan biến đi.

Không có ai đi cùng cô bé cả, cô tiếp viên hàng không cho tôi hay. Biết tôi là y tá, vẻ mặt cô bé giãn ra một chút.

“Em sao thế, nói cho chị biết được không?”

“Tự nhiên em đau bụng quá... rồi em bị nôn.”

“Em đau chỗ nào?”

Tôi cuống cuống chặn lại rồi hỏi, cô bé chỉ tay vào vùng bụng trên: “Ở đây ạ.” Tôi tháo thắt lưng quần bò của cô bé, rồi dùng lòng bàn tay dò tìm trên làn da lấm tấm mồ hôi.

“Chỗ này phải không?”

“Vâng...”

Tôi thử ấn hơi mạnh xuống phía dưới bên phải chỗ cô bé kêu đau.

“Á...”

“Em nôn ra những gì?”

“Trong nhà vệ sinh...”

“Em thấy có máu không?”

“Em nghĩ là không. Có màu trắng.”

Tôi hít một hơi thật sâu. Rồi tôi hỏi số điện thoại nhà cô bé, may sao mã vùng đó là mã vùng mà chuyến bay đến cuối này sẽ đáp tới.

“Nếu là thuốc giảm đau hay thuốc dạ dày thông thường thì chúng tôi có...”
Cô tiếp viên hàng không ái ngại nói. Tôi lắc đầu.

“Có lẽ là viêm ruột thừa. Cô có thể gọi trước cho sân bay yêu cầu xe cấp cứu đợi sẵn được không?”

Đôi mắt trang điểm kỹ của cô tiếp viên hàng không nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn nói: tôi tin chị, mong chị cũng tin ở tôi.

“Được, tôi sẽ liên lạc ngay. Ngoài ra còn cần gì nữa không?”

“Đây là số điện thoại nhà cô bé. À, nếu có cặp và cái chăn nữa, chị mang cho tôi nhé.”

“Tôi hiểu rồi.”

Dù đang rên rỉ vì đau đớn, cô bé vẫn ngược lên nhìn tôi vẻ bất an.

“Không sao đâu em. Khoảng ba mươi phút nữa máy bay hạ cánh rồi.”

Tôi ngồi xổm giữa lối đi và nắm lấy tay cô bé.

“Vậy có thể là đau ruột thừa hả chị?”

“Đúng vậy. Nhưng chưa kiểm tra cẩn thận thì chưa biết được.”

“Nếu là ruột thừa thì không sao... Vì mẹ em cũng từng mổ ruột thừa rồi. Nhưng nếu còn lại sẹo thì khó chịu lắm.”

“Không nhất thiết phải phẫu thuật đâu em ạ. Dù sao cũng phải đợi khám bác sĩ xong mới biết được.”

Cô bé khẽ gật đầu. Tôi cứ nắm tay cô như thế và trò chuyện để cô bé ít nhiều quên đi cơn đau. Cô bé cũng hỏn hển kể tôi nghe chuyện vừa đi thăm bố đang công tác xa nhà. Một mình đi thăm bố xa như thế đang lúc không phải kỳ nghỉ của trường, liệu có phải đã xảy ra chuyện gì không nhỉ? Trong đầu tôi chợt hiện lên suy nghĩ ấy trong lúc động viên cô bé.

Lần đầu tiên tôi nảy ra ý muốn trở thành y tá cũng là khi trạc tuổi cô bé này. Đó là lần tôi tới thăm bà ngoại, khi ấy bà đã không còn đi lại được nữa, thoát gặp lần đầu tôi đã vô cùng ngưỡng mộ một cô y tá. Đến tận bây giờ, tôi vẫn còn nhớ rõ dáng người mảnh dẻ trong tấm áo choàng trắng tinh của cô y tá. Trước đó, tôi hoàn toàn không thể hình dung nổi khi thành người lớn mình sẽ như thế nào, nhưng rồi, chính cô y tá ấy đã mang lại cho tôi thứ gọi là mơ ước cho tương lai. Thái độ điềm tĩnh và tận tụy, động tác chính xác, sức sống mãnh liệt tiềm ẩn trong lời lẽ khiêm nhường - tất cả những điều đó, chỉ những người thực sự tự tin mới có được. Và tôi - con bé mười lăm tuổi khi ấy - không khỏi say sưa suy nghĩ về chuyện đó. Ở lớp, thành tích của tôi luôn nhất, nhì. Nhưng dù có học bao nhiêu, thậm chí tập tọe trang điểm, hay thử leo lên sau mô tô của tụi học sinh cấp III, dù có làm những việc đại loại thế bao nhiêu lần chẳng nữa, tôi cũng sẽ không thể tìm được chính mình, tôi biết vậy, cho nên lần đó thực sự là một cuộc gặp gỡ mang tính quyết định.

Bây giờ dù có nghĩ đi nghĩ lại, tôi vẫn cho rằng cô ấy là người sinh ra để làm y tá. Một việc nặng nhọc như trở mình cho bà ngoại đang nằm liệt giường, cô ấy cũng làm rất tận tụy và cẩn thận hơn bất cứ ai. Hễ thấy cô ấy tới phòng bệnh, bà ngoại lại nheo nheo mắt ra chiều yên lòng. Rồi bà ngoại bắt đầu kể về ngày bà còn trẻ, những chuyện mà tôi là cháu ngoại cũng chưa một lần được nghe. Bà ngoại từng là nhân viên đánh máy, một nghề vốn rất phổ biến ngày xưa.

Nhưng, tôi quyết chí trở thành y tá cũng không hẳn hoàn toàn là vì cô y tá ấy. Từ hồi đó, tôi đã muốn nhanh chóng rời nhà. Bởi nếu không rời nhà thật nhanh, tôi sẽ chết ngạt vì thứ tình cảm quá ư phức tạp tôi dành cho mẹ. Mỗi lần kể về người bố quá cố của tôi, mẹ chỉ nhắc đi nhắc lại về những kỷ niệm an toàn và tử tế, nhưng tôi cảm nhận được đâu đó trong lòng mẹ hoàn toàn khép chặt. Một người mẹ như vậy, tôi thấy ghét, ghét không chịu được. Tôi nghĩ thế

rồi lại bật khóc ngay sau đó và nghĩ khác đi. Nếu là vì mẹ, tôi có thể vứt bỏ cả tính mạng của mình không sá gì. Mẹ tội nghiệp, mẹ đáng thương của tôi. Mẹ gặp những điều cay đắng, mẹ vất vả, mẹ gánh vác cả vai trò của một người cha, dù chuyện gì xảy ra mẹ cũng phải tự quyết định một mình. Thế rồi ít lâu sau, tôi lại không thể kiên nhẫn chịu đựng mẹ thêm được nữa. Khi ấy, mẹ đã mập lên nhiều do cuộc sống hoàn toàn yên ổn sau khi tái hôn. Một giọng nói ngờ vực cứ quay cuồng trong đầu tôi, “Mẹ có thực sự hạnh phúc? Hay phải chăng chỉ là mẹ đang giả vờ hạnh phúc?”

Lớn lên mình sẽ thành người thế nào, cho tới khi vào viện thăm bà, tôi vẫn chưa có chút ý tưởng gì về chuyện đó, nhưng ý nghĩ rời nhà sống độc lập đã dần ứ và nung nấu trong tôi từ lâu, khiến nghề y tá trở thành như một sự lựa chọn phù hợp dành cho tôi. Có lẽ vì vậy mà bây giờ tôi phải gánh chịu hình phạt. Phải chăng chính vì động cơ muốn thành y tá của tôi hồi mười lăm tuổi là không trong sạch nên giờ tôi đã phải bỏ việc tại bệnh viện và chìm dần trong cơn suy sụp.

Trong loa vọng ra thông báo máy bay đang chuẩn bị hạ cánh, bàn tay dầm mồ hôi của cô bé bất ngờ nắm chặt lấy tay tôi.

“Lát nữa thôi là đến nơi rồi.”

Tôi lại đặt tay lên lớp da mỏng trên bụng cô bé. Cơn đau tưởng như vừa truyền trực tiếp sang tôi, trong một khắc, tôi sống người.

Sức chịu đựng của cô bé thật lớn. Cô bé giỏi hơn tôi nghĩ, rất nhiều.

“Chị cứ để tay ở đấy nhé!”

Mắt vẫn nhắm nghiền, cô bé nói, giọng thều thào.

Phải rồi, tuy đã làm việc tận tụy hơn bất cứ ai, nhưng tôi chưa bao giờ là một y tá giỏi. Có những lúc, ngoài miệng tôi nói lời động viên những người trưởng thành hần hoi đang khóc lóc sợ hãi cứ như sắp mổ ruột thừa đến nơi, nhưng tận nơi đáy lòng tôi chẳng coi trọng họ chút nào. Nhưng lần này, không hiểu sao cơn đau mà cô bé phải chịu đựng lại có thể truyền sang tôi. Khi mà tôi đã quyết định sẽ không trở lại bệnh viện thêm một lần nào nữa, sao lại là lúc này.

Vừa tới sân bay, cô bé được đặt lên xe cứu thương và đưa đi, nhưng cả sau đó, cơn đau nóng rực vẫn còn lưu lại trong lòng bàn tay tôi. Đứng giữa sảnh đợi rộng thênh thang của sân bay mới hoàn thiện, trong giây lát, tôi lặng đi, vờ như đang xem bảng hướng dẫn, còn bàn tay siết chặt trong túi áo.

9.

Sau khi tôi nhận được thư của anh Osamu ít lâu, bác Nishioka gặp chuyện. Vào trước hôm lập xuân.

Ngày hôm ấy, bác Nishioka cùng bạn đi uống rượu. Người bạn của bác trước là đầu bếp, sau có một dạo chuyển sang lái taxi; chính trong khoảng thời gian này hai người quen nhau. Gần đây, chú ấy quay trở lại làm đầu bếp tại một nhà hàng. Nhưng rồi lại sinh thói trốn việc nên bị sa thải. Hôm đó, chú ấy ỉ ôi, than vãn với bác Nishioka, rằng tôi đã tự hứa từ giờ nhất định phải chăm chỉ lên, nhưng nay lại bị tống cổ thế này, nhân gian thật quá vô tình.

Vốn là người tốt bụng, lại thêm hơi men kích thích, bác Nishioka tới cửa hàng nơi đã sa thải bạn mình. “Tôi sẽ đi nói chuyện phải quấy giúp chú!” Ban đầu bác còn định tỏ ra nhũn nhặn, sẵn sàng dập đầu để cầu xin. Nhưng bà chủ cửa hàng đó lại tỏ vẻ khinh thường, hơn nữa còn rửa xả bác Nishioka những lời độc địa chua cay, thế là bác ấy nổi điên xông tới. Bình thường, bác Nishioka không phải người dễ nổi khùng vì điều nhỏ nhặt như vậy, nhưng hôm đó, có lẽ chuyện anh Osamu đã khiến lòng bác rối bời.

Hôm sau, đồn cảnh sát gọi về nhà bà cụ. Nghe nói ban đầu, bác Nishioka có liên lạc với công ty taxi nơi bác đang làm việc nhưng bị lừa đi. Hôm đó, cô Sasaki tình cờ nghỉ làm nên bà cụ nhờ cô đưa tới đồn cảnh sát. Bà cụ lấy bộ kimono sắc mùi long não rồi thay đồ, dẫn đo một lát xem có nên đeo răng giả hay không, rồi cuộc bà quyết định ra ngoài với hàm răng móm mém. Bà cụ dặn tôi: “Trông cẩn thận nhé!” rồi mới đi.

Bác Nishioka được thả về chóng vánh. Mặt bác tái mét, chân loạng choạng bước lên cầu thang như một hồn ma. “Say bí tử hai ngày rồi đấy!” Cô Sasaki nói với tôi, mắt vẫn nhìn lên theo lưng bác Nishioka, miệng chu lên.

Tôi biết được nội tình nhờ nghe lỏm bà cụ và cô Sasaki nói chuyện. Chẳng rõ là vì lòng nhiệt thành muốn giúp đỡ người khác hay bởi tính tò mò, cô Sasaki nhận ngay việc gọi điện liên lạc nhờ vả khắp nơi cho bà cụ. Nhìn bề ngoài thì chẳng ai biết, nhưng thực ra bà cụ bị nặng tai nên việc liên lạc điện thoại quả thực không hề dễ chịu đối với bà.

Mười bốn cái đĩa nhỏ, sáu cái đĩa lớn, ba lăm cốc thủy tinh, một bình gốm, một két bia, mười lăm chai whisky chưa khai, bốn khay đựng đồ ăn bằng thủy tinh, một bóng đèn... Bà cụ và cô Sasaki nhìn danh sách thiệt hại mà nhà hàng liệt kê rồi thở dài ra chiều thán phục lắm.

“Cái gã khùng dặt dẹo ấy, sức quái đâu ra mà làm được thế này nhỉ?”

“Chính gã đã làm đấy, hung hăng thật.”

Hai người họ nhỏ to: nhà hàng tính thế này chẳng phải giá trên trời sao, nhưng dù sao, người ta nhận bồi thường theo thỏa thuận thế này còn êm thấm chán, bằng không chỉ còn cách phải nhờ đến ông luật sư người quen cũ của bà cụ thôi. Dẫu vậy, bàn xong xuôi rồi hai người họ vẫn ngắm nghía mãi tờ danh sách.

Bà cụ còn tới cả công ty taxi nữa. Mặc công ty quay ra đối xử lạnh nhạt với bác Nishioka, nhưng ngày nào bà cụ cũng mang theo một hộp bánh ngọt, đến cầu xin công ty không sa thải bác ấy. Thực ra, giám đốc công ty ít nhiều cũng muốn lấy cớ để cắt giảm nhân sự, nhưng một người già cả bà cụ ngày ngày đội gió rét tới công ty trong bộ kimono cũ kỹ sặc mùi long não hẳn đã khiến ông mềm lòng.

Nghe tôi bập bõm kể xong chuyện, mẹ mang khoai lang hầm chanh xuống thăm bà cụ. Tối đó, tình cờ bác Nishioka cũng tới. Bác ngồi thu lu bên bàn sưởi, cái lưng thấp thoáng bên kia dây hành lang tối mù. Hai mẹ con tôi chỉ định đứng ở cửa trước đưa khoai biếu bà cụ rồi về ngay, nhưng vừa lúc ấy, cô Sasaki trên đường đi làm về bỗng lướt qua chỗ cái cửa kéo vẫn đang mở sẵn. Không biết bác Nishioka đang ở đó, cô Sasaki vừa bước trên nền đất nện ở sảnh trước vừa hỏi bà cụ.

“Hôm nay bà cũng đến công ty taxi đó ạ? Thế nào rồi bà, người ta có cho ông khùng đó đi làm tiếp không?”

Bác Nishioka từ trong nhà bước ra, đầu cúi gằm, miệng lúng túng.

“Làm mọi người phải lo lắng nhiều quá, thật là...”

“Ơ, bác ở đây à?”

“Vâng. Ơn trời, tôi vẫn được làm tiếp ở đó.”

“Tốt quá rồi còn gì?”

Cô Sasaki không cười, chỉ nói vậy rồi chạy biến lên cầu thang, để mặc mọi người còn đang ngơ ngác không hiểu chuyện gì. Lúc quay lại, mỗi bên tay cô là hai chai bia.

“Kỷ niệm chuyện vui, cả nhà uống mừng nào!”

Mọi người tụ tập ở phòng sinh hoạt của bà cụ mãi tới khuya. Đêm đó đã thành một buổi liên hoan, có món tsukudani và khoai lang hầm chanh. Trong suốt ba năm trời sống ở trang viên Cây Dương, đó là lần duy nhất tất cả mọi người quây quần ăn uống với nhau, ngoài ra không có lần thứ hai, cả trước đó lẫn sau này. Uống được nửa cốc bia, bà cụ nấc liên tục. Đường như khí huyết lưu thông mạnh, bà cụ khua tay sục sạo trong tủ tường lấy ra một túi bánh khô giấu kỹ từ lâu. Cô Sasaki và mẹ chúc bia cho nhau ngày càng hăng, luôn miệng:

“Nào, nào.” “Thôi, tôi chịu rồi.” Bác Nishioka ôm cây đàn Biwa cũ kỹ không biết moi đâu ra, ngồi gảy trong bộ dạng sầu thảm, rồi đột nhiên rên lên và bật khóc.

“Ồ kìa...” Cô Sasaki khẽ thở dài. Mẹ tôi trân trân nhìn bác Nishioka, bàn tay cầm cốc bia khựng lại.

“Tôi biết cậu khổ, nhưng...” Bà cụ nói được đến đây thì nấc lên, lời động viên chỉ đi được nửa đường thì dừng lại. Còn tôi cũng chẳng biết phải làm sao với miếng bánh khô nhét trong miệng.

Chương 08

Đầu vẫn cúi gằm, bác Nishioka rên lên những tiếng đứt đoạn, rồi đột nhiên, bác đứng phắt dậy. Mặt đỏ tía tai. Hai vai rung bần bật. Cô Sasaki, mẹ, tôi, cả đến bà cụ thường ngày còng là thế giờ đều thẳng lưng sững sờ.

“Bác Nishioka...” Mẹ nói, lo lắng nhìn sang bà cụ và cô Sasaki.

“Bác nên ngồi xuống đi. Vừa uống bia xong mà đứng lên như thế chóng say lắm

Chẳng rõ bác Nishioka có nghe được lời cô Sasaki nói hay không, chỉ thấy bác phăm phăm tiến về phía trước. Chân vấp phải tấm chăn phủ bàn sưởi, nửa thân trên trông như bù nhìn của bác liền lao đảo. Rốt cuộc bác Nishioka lấy lại được thăng bằng, loạng choạng bước tới bồn rửa trong bếp, mở vòi nước cho tuôn xối xả. Cứ tưởng bác ấy định rửa mặt, nhưng hóa ra, bác chỉ lấy cốc nước rồi quay lại.

“Bị nấc. Uống nước là hết.”

Bà cụ nghiêm cẩn đón lấy cốc nước mà bác Nishioka đưa. Nhưng dường như, vì căng thẳng quá nên cơn nấc của bà cũng hết hẳn từ trước rồi.

Tôi không biết sau đó cô Sasaki phải trở đi trở lại bao lần giữa phòng cô và phòng bà cụ để lấy bia. Cô Sasaki bấy giờ đã say ngất ngư ép bác Nishioka tấu hài tiết mục Trống hỏa diệm. Chỉ có một mình mẹ cười, nhưng bác Nishioka vẫn tỏ ra rất vui, sau mỗi hớp bia bác liền lặp đi lặp lại mỗi đoạn: “Ôi đại ngài, đúng là ông phỗng.” Nghe bà cụ hát Dạ khúc Tô Châu đều đều như kinh cầu, tôi chui vào bàn sưởi và thiếp đi lúc nào không hay.



Cuộc sống cứ thế trôi đi, trên các cành nhánh trơ trụi của cây dương bắt đầu lác đác xuất hiện những chiếc lá xanh bé xíu. Hương cỏ cây xộc vào mũi ngày một nồng đượm. Sau nhà kho, một cô mèo cái đã sinh hạ một đàn mèo nhỏ. Vì mèo mẹ rất dữ, chẳng thể nào lại gần được nên hằng ngày, tôi chỉ dám đặt đĩa sữa ở gần nhà kho.

Dạo đó, tôi bước vào thời kì nổi loạn. Hễ thấy tấm lưng của mẹ lúc đứng bếp, cơn tức giận điên cuồng trong tôi lại trào lên, tôi giận mẹ không mở lòng với tôi, giận mẹ không nói ra những điều nên nói. Tôi trách mẹ những chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng gì: như cốc lốc nói chúc ngủ ngon vào buổi tối, hay nghe tôi kể chuyện nhưng mắt cứ dán vào ti vi. Tự nhiên tôi thành một đứa hay sinh

sự. Nhưng tôi càng làm thế, cõi lòng mẹ càng trở nên khó tiếp cận, lương tâm tôi thì càng day dứt giày vò. Tôi gần như không viết thư cho bố nữa. Tôi bất lực với chính mình. Thậm chí tôi còn không biết có nên biết cơn giận thành lời nói hay không, và nói ra liệu có ích gì.

Bởi thế, tôi đã rất bất ngờ khi một hôm mẹ đột nhiên chìa cho tôi một phong thư. Trên bì thư đề tên bố.

“Thư cho bố con. Con bảo có người sẽ mang đi giúp mẹ đúng không?”

Tôi nhớ lại những gì đã nói với mẹ ở nhà bà ngoại trong đêm giao thừa.

“Vâng ạ.”

“Vậy con đưa thư này cho người đó giúp mẹ nhé?”

Tôi gật đầu, nhận lấy phong thư. Trên phong bì màu kem, chạm vào là nghe thấy tiếng sột soạt khe khẽ, những con chữ người lớn của mẹ viết thật rõ ràng. “Gửi ông Hoshino Shunzo - từ Tsukasa”. Lá thư khá nặng, trĩu trong lòng bàn tay tôi, và dĩ nhiên phong bì được dán kín.

Mẹ đã chấp nhận lời đề nghị của mình nghĩ thế tôi lại thấy vui. Hôm sau, vừa từ trường về tôi tới ngay chỗ bà cụ và đưa bà lá thư của mẹ được tôi cất cẩn thận trong cặp.

“Cháu không thất hứa là giữ bí mật đâu bà. Cháu không nhắc gì đến bà cả.”

“Ừ, được rồi,” bà cụ đáp rồi nhận thư. “Bù lại, hôm nay cháu nhỏ cỏ nhé?”

Chẳng biết mẹ nghĩ gì mà đưa tôi thư gửi bố nhỉ? Mẹ muốn nói chuyện với bố chăng, hay mẹ muốn đỡ dành cái đứa suốt ngày ca cẩm là tôi? Dầu sao, sau chuyện đó, cơn tức tối trong tôi cũng tạm thời lắng xuống, khó tin như chuyện đùa.

Đến kỳ nghỉ xuân, ngày nào tôi cũng chạy đuổi theo lũ mèo con trong vườn nhà bà cụ. Tôi và bà cụ rất chăm nhỏ cỏ. Mỗi chúng tôi ôm theo một cái bị cà thi xem bị của ai đầy cỏ trước. Trên nền đất đen đẫm sương giã của mùa đông, những ngọn cỏ non giờ đây đã bắt đầu mọc lên xanh tươi. Để chắc chắn, chốc chốc tôi lại hỏi bà cụ: “Cây này có nhỏ được không ạ?” Bà cụ lúc thì bảo “Đó là cây hoa păng xê,” rồi lại “Đó là cây bạc hà,” thành thử mãi mà tôi chẳng nhỏ được mấy. Nhưng chốc chốc, bà cụ lại lén bỏ vào bị của tôi vài nắm cỏ bà nhỏ được. Mùa xuân năm đó, giày của tôi đã lên cỡ 25cm, và để chuẩn bị cho kỳ học mới, mẹ mua cho tôi một chiếc váy màu xanh da trời thay cho chiếc váy màu đỏ giờ thành ra quá chật. Những bóng ma lơ cồng ngày nào giờ đã hoàn toàn biến mất, tôi hầu như không còn nhớ gì về những cái hố đen sì ấy nữa. Một ngày gió lớn đầu tháng Tư.

“Con đừng mở cửa ra, bụi vào nhà đấy.”

Nghe lời mẹ, tôi chỉ dám ngắm cây dương qua kính cửa sổ, những phiến lá non mới nhú vẫn kiên trì bám lấy thân cành trong gió thổi. Chốc chốc, gió quạt vào tấm cửa kính tôi đang mơ màng dán mũi vào, khiến tôi bưng tỉnh.

Những đám mây màu xám tro lừng lững trôi. Tình cờ nhìn xuống dưới, tôi thấy bà cụ đang đi ra vườn. Mái tóc bà cụ bạc phơ tung bay trước gió, hai bàn chân quấn lằn tất ló ra bên dưới cái váy hình ống đang cố bám chặt xuống đất để khỏi bị gió thổi bay. Trong một ngày giông thế này, bà cụ làm gì ở ngoài ấy cơ chứ?

Liền đó tôi có câu trả lời tức thì. Hóa ra chậu cây cao su ở chỗ phơi đồ bị gió lay đổ. Bà cụ bước tới đó, dáng liêu xiêu như người lội nước, dồn sức vào cái lưng còng rồi dựng chậu cây kia lên. Quay lưng về phía mái hiên, bà cụ bắt đầu kéo lê chậu cây từng chút một.

Bà cụ muốn mang chậu cây vào nhà, phải xuống giúp bà cụ mới được. Nghĩ vậy, tôi quay lưng lại cửa sổ, nhưng gió bất chợt giật mạnh hẳn lên, nghe thấy cả tiếng rít nữa. Tôi quay lại cúi nhìn, thấy lưng bà cụ cứng đờ ra. Bà cụ ngã nhào, tay vẫn ôm chậu cây cao su.

Thật không may, cả cô Sasaki lẫn bác Nishioka đều đi vắng. Tôi chạy ra vườn. Gió giật dữ dội, con chó ở góc đường tru tréo như lên cơn điên, chỉ có xung quanh bà là yên tĩnh đến khó chịu. Tôi vừa khóc vừa đập cổng nhà hàng xóm.



Ngày mẹ nghỉ làm, tôi theo mẹ vào viện thăm bà cụ chủ nhà. Đã ba hôm rồi kể từ khi bà cụ bị ngã. Lúc chúng tôi đến, bà cụ đang ngủ và phải thở ô xy. Hai con mắt thường ngày vẫn soi mói láo liên xung quanh giờ nhắm nghiền bên dưới cái trán rộng và dô, tấm chăn trắng phẳng lì xẹp lép. Cứ như thể đột nhiên bà cụ bị thu nhỏ đi vậy. Về yếu ớt ấy khiến tôi sững sờ. Nhưng cảm giác sững sờ lúc này rất khác so với khi tôi trông thấy bà cụ ngã, tựa như tôi đang bị thứ gì đó lạnh buốt và ẩm ướt nhấn chìm.

“Bà sẽ chết phải không mẹ?”

Trên đường từ bệnh viện trở về, tôi hỏi mẹ. “Bà không sao đâu con,” mẹ trả lời, nhưng vẻ lo lắng lộ rõ trên mặt. Trước mắt tôi lại hiện lên hình ảnh một lỗ cống há ngoác cái miệng đen ngòm chờ đợi. “Đồ đáng ghét, biến đi” tôi thì thào, nhưng đáp lại chỉ có những tiếng cười hằn học.

Buổi chiều, mẹ xuống mở khóa cửa phòng bà cụ. Vào ngày nghỉ, mẹ và cô Sasaki thay nhau mang áo quần vào cho bà cụ, vì thế hai người luân phiên giữ

chìa khóa nhà. Hôm đó, mẹ định ngày hôm sau trước khi đi làm sẽ ghé viện lần nữa để mang sẵn cho bà cụ ít đồ lót.

Nghe tiếng bước chân mẹ bước xuống cầu thang bên ngoài, tôi không khỏi nghĩ về cái ngăn kéo ấy. Liệu bộ dạng hiện thời của bà cụ, y như con búp bê gỗ bị hỏng, có phải là dấu hiệu cho thấy cái ngăn kéo đã đầy? Tuy nhiên, bây giờ vẫn còn có thể cứu được bà. Chỉ có lúc này, khi cửa nhà bà cụ không khóa, tôi mới có thể làm được gì đó có thể tránh cho bà khỏi bị cái hố đen sì kia nuốt chửng.

Tôi theo sau mẹ, lén lút xuống cầu thang. Thật may, cánh cửa kéo ở sảnh trước vẫn mở, còn mẹ đang ở trong phòng chứa đồ, đối diện phòng ngủ của bà, ngay trước phòng tắm. Tôi đánh liều đi rón rén qua cửa phòng chứa đồ rồi men tới phòng sinh hoạt riêng của bà. Có tiếng mẹ ngâm nga hát. May quá, vậy là mẹ không phát hiện ra tôi.

Tôi lấy ghế đầu trong bếp ra, đặt trước cái tủ quần áo to màu đen rồi trèo lên. Ở độ cao ấy, chỉ cần nhón lên, tôi có thể nhòm được vào trong ngăn kéo trên cùng. Lướt qua thôi, thật nhẹ, thế là xong. Chẳng phải bà cụ đã nói rồi sao, ai nhìn vào bên trong ngăn kéo ấy, người đó sẽ phải đi chuyển thư.

Đây đương nhiên không phải hành động quả cảm sẵn sàng chết thay cho bà cụ. Mà vì đâu đó trong đầu tôi lờn vờn một ý nghĩ liều lĩnh, rằng có lẽ chỉ cần mở ngăn kéo ra và nhìn vào bên trong, tôi có thể đánh bại nỗi sợ bị cái lỗ cống toang hoác kia nuốt chửng. Nhưng cũng còn một lí do thứ hai nữa. Tôi không chịu nổi ý nghĩ rằng bà cụ sẽ chết. Tôi muốn bà được sống.

Đứng chắc chắn trên ghế đầu, tôi cố hết sức kéo ngăn tủ ra. Tuy nặng nhưng nó trơn hơn tôi tưởng, thành thử tôi mở được mà không gây ra tiếng động nào. Một mùi dễ chịu như mùi nhang thoang thoảng dậy lên, bất giác, tôi nhắm mắt. Rướn người lên. Nào, mở mắt ra đi! Như vậy mình có thể ngăn được cái chết của bà cụ. Nào, mở mắt nhanh lên!

Thế nhưng, đầu ngón tay tôi cứ run lên bần bật còn hai mắt thì vẫn nhắm nghiền.

“Con đang làm gì thế?”

Chợt có tiếng nói vang lên, tôi quay lại và bắt gặp cái nhìn của mẹ. Mới chỉ vài phút ngăn ngủi thôi mà. Có lẽ do tôi đã quá căng thẳng nên quên băng đi rằng mẹ cũng đang ở trong nhà bà, tôi sống sờ.

“Con đang làm gì thế hả? Ai cho con tự mở tủ của bà?”

Mẹ đẩy một tay vào cái ngăn kéo, nó đóng kín lại cứ như bị nam châm hút. Từ trên ghế đầu, tôi bước phịch xuống. Thế là hết. Buổi tối, mẹ sẽ đưa chìa khóa

cho cô Sasaki. Vì tôi không mở mắt ngay nên cơ hội đã vượt xa mãi rồi.

Tối hôm ấy, tôi viết thư cho bố. Có đưa được lá thư đó cho bà cụ hay không đối với tôi không quan trọng nữa. Tôi chỉ nghĩ, nếu phải khẩn cầu ai đó cứu bà cụ thì chỉ có thể khẩn cầu bố mà thôi, chẳng thể là ai khác, kể cả Chúa Jesus. Thật kì lạ, khi viết lá thư ấy, hiện lên trong tôi không phải là hình ảnh bà cụ mà chính là bố tôi - dáng bố ngồi ăn cơm lặng lẽ, cách bố đóng cổng khi ra khỏi nhà và nói “Bố đi đây!” hay cách bố nói “Bố về rồi” lúc trở về, dáng tay bố cởi áo khoác ngoài ám mùi khói thuốc và không khí lạnh, rồi tiếng bố gọi “Chiaki ơi!” - vô số những hình ảnh, âm thanh như thế cứ hiện diện rồi lại tan biến đi.

Tôi nhét lá thư dưới gối rồi nằm xuống. Nhưng tôi không tài nào ngủ được. Tôi xấu hổ không để đầu cho hết và hối hận vì đã hèn nhát đến nỗi không thể mở mắt nhìn vào bên trong ngăn kéo.

Đến tận nửa đêm, khi ánh trăng đã nghiêng nghiêng chiếu qua cửa sổ, mắt tôi vẫn mở thao láo. Mẹ nằm ngủ yên lành bên cạnh. Dường như cả thế giới này chỉ còn mình tôi thức, cái gối tôi nằm vươn ướm và âm ấm từ lúc nào tôi cũng chẳng hay. Nếu có thể tua được thời gian, tôi sẽ chẳng ngại ngần gì mà không quay trở lại khoảnh khắc mở ngăn kéo tủ, và lần này chắc chắn tôi sẽ mở mắt ra... Dần vật mãi với ý nghĩ ấy, tôi tựa quây trở mình suốt.

Đúng lúc đó, điện thoại đổ chuông. Âm lượng điện thoại đã được chỉnh xuống mức khá nhỏ, như thể thực ra cũng không cần thiết vì mẹ đã quá mệt nên chẳng hề động đậy. Tôi đứng dậy, ra bếp nhắc máy. Không nghe tiếng trả lời. Chỉ có những âm thanh khô khốc như tiếng gió, hay như tiếng điện thoại gọi đến từ một nơi xa lắc.

“Bố ạ?”

Chẳng kịp suy nghĩ, tôi thốt lên. Có lẽ vì âm thanh vọng ở ống nghe ra giống thứ tạp âm trong những cuộc điện thoại bố gọi về khi sang Anh hồi rất lâu rồi. Những tiếng tu tu tút tút và tạp âm nối tiếp nhau, rồi bụp, tín hiệu tắt ngúm. Tôi cúp máy, đứng thẩn thờ như trời trồng một hồi lâu. Âm thanh ấy vẫn kêu liên tu bất tận trong tai tôi.

Rồi liền đó, một dự cảm an lành chợt dấy lên trong tôi. Chắc chắn bà cụ sẽ được cứu sống. Vì cú điện thoại khi nãy hẳn là của bố là dấu hiệu cho thấy bố nhận lời cầu khẩn của tôi trong thư. “Hãy cứu bà cụ chủ nhà!” Cuối cùng, “điều kỳ diệu” mà tôi mong ngóng đã xảy ra. Dù hoa quả trên bàn thờ có héo rữa, thì bố vẫn sẽ luôn dõi theo tôi từng bước.

Tôi nghĩ vậy và hoàn toàn không mảy may ngờ vực. Khi quay trở lại phòng ngủ, ánh trăng mà vừa mới đây tôi chỉ cảm thấy sáng lạnh tàn nhẫn giờ tuôn chảy mới dịu dàng, thân thiết làm sao, như một người bạn cùng sẻ chia những điều bí mật. Còn cây dương, thấu rõ hết mọi chuyện, là một nhân chứng đáng tin cậy. Trong lúc nhón chân quay lại giường, cảm giác ân hận cay đắng ban nãy đã tan biến, tôi nhẹ nhàng chìm vào giấc ngủ.



Có lẽ cú điện thoại đêm đó đơn giản là chỉ là gọi nhầm hay trêu chọc mà thôi. Về sau, tôi cứ nghĩ thế. Nhưng là thế thật cũng chẳng sao. Vì tôi hoàn toàn có thể tin rằng đó là cú điện thoại từ bố. Và bởi vì, tôi thấy thanh thân khi tìm được miếng ghép hình mà bấy lâu nay mình tìm kiếm, tôi có thể yêu tâm rằng mình không bao giờ quên đi bóng hình của bố.

Bà cụ thể hiện khả năng bình phục đáng kinh ngạc bất chấp tuổi tác của mình. Một tuần sau cú điện thoại ban đêm kia, bà đã có thể ngồi trên giường bệnh và ăn bánh đậu Đại Phúc tôi mua ở cửa hàng Nishigawa. Hầu như ngày nào, trên đường từ trường về, tôi đều ghé bệnh viện thăm bà cụ. Tôi muốn được nhìn cho thỏa, dù chỉ tí chút, “điều kỳ diệu” ở trước mắt mình.

Bà cụ ra viện trong kỳ nghỉ kéo dài của tháng Năm. Bà đi taxi của bác Nishioka về khu căn hộ sau nhiều ngày vắng nhà. Thoạt tiên bà cụ ngược nhìn cây dương với những chiếc lá xanh vẫy gió giữa bầu trời quang đãng, rồi hấp háy mắt như bị chói. “Phù! Phù!” Bà cụ thở hắt ra đằng mũi. Sau đó, bà vào nhà, làm lễ trước bàn thờ chồng và chậm rãi nhìn khắp căn phòng. Khi có bà cụ ở đây, từ bức tượng con rồng đến những cuốn sách cũ và cả tấm phướng màu vàng mà tôi thấy có vẻ gớm ghiếc bỗng dưng đều trở nên rất phù hợp với căn phòng.

Trong phòng sinh hoạt, chăn đệm được trải sẵn ở đúng vị trí mà tôi v ngủ đạo bị ốm. Có lẽ là mẹ hoặc cô Sasaki trải chăn đệm ở đó vì thấy phòng này vừa có ti vi lại rộng rãi hơn phòng ngủ. Mẹ dặn tôi: “Khi nào bà thay quần áo xong và đi nằm, con cũng lên nhà luôn nhé.” So với bị người lớn quấy quả, thì chuyện một đứa trẻ con là tôi ở đây với bà cụ phải hơn, hẳn đó là suy đoán của mẹ hoặc cô Sasaki.

Nhưng mãi không thấy bà cụ định đi nghỉ. Bà mở tủ bát trong bếp, bới lộc cộc trong ngăn kéo nhỏ bên hông bàn thờ, moi ra cái giũa móng tay cũ rích, rồi còn vỗ bôm bốp vào lưng ghế dựa, miệng lẩm bẩm gì không biết. Tôi theo dõi bà với một thoáng bất an trong lòng.

Bà cụ vươn tay trượt các ngón đánh “roạt” một cái trên móc chiếc tủ đen. Rồi bà quay lại, đột ngột nhìn thẳng vào mắt tôi khi đó đang ngồi chiếu, cái trán hơi nhợt nhạt do phải nằm viện của bà nương lên. Mặt tôi thoáng đỏ bừng. Ánh mắt bà cụ nhìn như thấu suốt tất cả. Nhưng rồi bà bất ngờ quay đi và bắt đầu thay quần áo. Nhìn thẳng vào người khác lúc họ đang thay đồ là rất xấu, tôi bèn cúi đầu xuống. Bà cụ lên tiếng:

“Cái ngăn kéo ấy vẫn chưa đầy đâu. Tiếc thật đấy, nhưng còn khướt bà mới chết.”

“Thật ạ?”

Tôi ngẩng đầu lên tức thì. “Thực!” Bà cụ đáp và nghiêm trang trong tư thế như vị thần đứng canh cổng đền, với cái quần cộc năm phân và áo lót ngắn tay màu da người. Tôi cứ tưởng bà cụ sẽ thay sang quần áo ngủ, nhưng nhoáng một cái đã lại thấy bà mặc cái váy ống ở nhà màu xám tro như mọi khi.

“Còn khướt là bao lâu hả bà?”

“Còn khướt à, là còn rất lâu thôi.”

“Đến khi cháu lớn ạ?”

“À, đó lại là một chuyện xa xôi khác.”

Bà cụ không nói gì thêm. Rồi bà chậm rãi cài lần lượt từng khuy chiếc áo khoác len không cổ màu nâu đỏ quen thuộc. Sau đó, hai bà cháu cùng ăn chè đậu đỏ ăn liền sẵn trong tủ bếp.

“Ôi, thoải mái quá! Được ở nhà làm những việc mình thích thế này dễ chịu thật! thích ngủ lúc nào thì ngủ, thích dậy lúc nào thì dậy, thích ăn cái gì thì ăn.”

Bà cụ vừa ăn chè vừa nhăn nhó bộ mặt chẳng chịt nếp nhăn sẵn. Nhưng tôi đang không có tí tâm trạng nào để hào hứng. Bà cụ nhìn chằm chằm khuôn mặt tiu ngịu của tôi một lúc, rồi cuộc bà khơi chuyện:

“Cháu không có nhòm trộm vào bên trong ngăn kéo đấy chứ?”

Tuy muốn nói “Không ạ”. nhưng tôi không nói dối được.

“Cháu định xem, nhưng mắt cháu không chịu mở ra.”

Nghe vậy, bà cụ bật cười. Bà cụ cười ngặt nghẽo đến sụm cả lưng, cứ như thể đó là một chuyện quá sức khôi hài. Tự nhiên tôi muốn biến mất khỏi nơi này, vì xấu hổ, và vì tức giận. Chẳng lẽ bà cụ không biết mình đã khiến người khác lo đến thế nào hay sao?

Nhưng bà cụ nói thế này.

“Chỉ nghĩ đến việc phải sống đến khi cháu thành người lớn cũng đủ khiến bà sờn tóc gáy. Nhưng mà được, thử cố gắng một lần xem sao?”

Gió tháng Năm thổi ùa vào phòng qua cửa sổ mở toang. Bà cụ nhắm mắt như đang lắng tai nghe tiếng reo vui của những chiếc lá dương.



Bố có khỏe không? Hôm nay, bà cụ chủ nhà đã ra viện và về nhà rồi. Bà cụ sờ nắn tất cả mọi thứ trong nhà và có vẻ rất vui. Bà cụ vẫn còn phải nghỉ ngơi, thế mà mãi bà chẳng ngủ, khổ lắm bố ạ. Mãi rồi bà cụ cũng đi ngủ. Khi ấy, bà cụ dạy con “câu thần chú giúp ngủ ngon” đấy. Thế này này:

“Được ngủ là sướng nhất đời

Chỉ những đồ ngọc mới thức làm việc.”

Bà cụ bảo, bà vượt qua được trận ốm lần này là nhờ trước khi ngủ đêm nào cũng niệm câu thần chú đó. Con cũng nói chuyện của bố nữa. Con kể rằng con đã cầu khẩn bố là “Ước gì bà cụ chủ nhà khỏi bệnh” rồi sau đó bố gọi điện thoại về cho con. Nghe vậy bà cụ bảo: “Thế thì phải cảm ơn bố cháu thật nhiều.”

Buổi chiều, con tới nhà thờ. Mới đây, con nhặt được một cá bột lửa màu vàng, không bắt được lửa nữa nhưng vì nó rất đẹp nên con đem đến tặng ông Jesus. Sau một thời gian không gặp, con chẳng còn thấy ông Jesus giống bố nữa. Con nói với ông ấy: “Ông làm sao thế, ông không thích ạ?” Vẻ mặt ông Jesus trông cứ như người ngồi trên ô tô và bị say xe ấy.

Đạo này con rất nhớ bố. Thế mà ngày trước, con chẳng nhớ gì cả, lạ thật đấy. Bố không ở trên mặt trăng với con thỏ, cũng không biến thành cừu, bố nhỉ? Bố đang ở đâu đó, im lặng hút thuốc và đọc sách hoặc làm việc như hồi xưa, đúng không?

Con cũng muốn gọi cho bố nhưng không biết số điện thoại, thế là những lúc ấy, con lại gọi đến số dự báo thời tiết. Nghe dự báo thời tiết cũng vui lắm bố ạ. Đôi lúc con nghĩ thế này. “Chắc giá cước điện thoại ở chỗ bố cao lắm nên phải gọi điện về đây khó vô cùng. Nếu không phải dịp đặc biệt như vừa rồi thì bố không thể nào gọi điện thoại được.”

Hôm qua, đang trong giờ học, bạn Hashiguchi thấy trong người khó chịu. Con liền đưa bạn ấy xuống phòng y tế. Vì con là cán bộ y tế của lớp mà. Chỉ có con và bạn Hashiguchi đi trên hành lang thôi. Con lo lắm. Đúng lúc đó, có tiếng nhạc vọng ra từ phòng nhạc. Là một bài hát cũ, chắc chắn bố cũng từng nghe rồi. Con bỗng thấy hết lo lắng. Con bảo Hashiguchi: “Được rồi, bạn mà nôn ra được thì tốt.” Hashiguchi tỏ vẻ hơi ngạc nhiên. Thế rồi, bạn ấy nói: “Cảm ơn bạn, Hoshino.” Con nghe Hashiguchi bảo bạn ấy ăn bánh rán vào bữa sáng. Mẹ bạn ấy đã dặn: “Bánh rán rất ngậy nên hãy để đến bữa xế” thế mà Hashiguchi vẫn ăn. Nên giờ bạn ấy mới thấy khó chịu trong người. Hashiguchi làm thế là vì

sợ lúc bạn ấy ở trường em trai bạn ấy sẽ ăn mất cái bánh. Hashiguchi bảo: “Biết vậy tớ để dành rồi ăn cùng em tớ thì hơn.” Con nghĩ mình sẵn sàng làm thân với Hashiguchi. Thật tuyệt khi được làm cán bộ y tế của lớp, con đã nghĩ thế.

Chương 09

Bố ơi, con sẽ ngừng viết thư cho bố một thời gian. Nếu viết tiếp, thế nào con cũng muốn đưa hết cho bà cụ giữ hộ. Mà như vậy, thư con viết sẽ chiếm quá nhiều chỗ trong ngăn kéo tủ. Bà cụ còn phải giữ hộ thư cho nhiều người nữa, con làm như vậy là không ngoan. Và lại, vì bố vẫn luôn dõi theo con nên con sẽ ổn cả thôi.

Con quyết định từ giờ vẫn sẽ viết thư, nhưng là ở trong tim cơ. Con sẽ viết thật nhiều, thật nhiều, nhiều hơn cả từ trước tới giờ bố ạ. Nếu như vậy mà bố vẫn thấy buồn thì hãy gọi điện lại cho con bố nhé. Kể cả tối khuya cũng

Con chào bố.

10.

Rẽ vào góc đường có trạm cứu hỏa và bắt đầu rảo bước trên con đường ven sông, trong giây lát tôi bị ảo giác xâm chiếm, tưởng như chưa phút giây nào tôi rời xa mảnh đất này. Mùi hương năm xưa vẫn dậy lên trong không khí. Tuy trước nhà ga, một trung tâm thương mại lớn đã mọc lên, khu phố mua sắm thay đổi khá nhiều nhưng cửa hàng Nishigawa vẫn bán bánh đậu Đại Phúc mà bà cụ thích ăn. Vì thế nên lúc này, tôi đang đi với một túi bánh Đại Phúc trong tay.

Dòng sông tỏa sáng lung linh dưới nắng thu trong trẻo, bóng tôi soi rõ trên mặt nước, cái dáng vóc mà mỗi khi nhìn thấy mẹ lại nhún vai ca cẩm: “Con gầy quá!” Những cây thủy sinh dưới đáy sông dập dờn lay động như say ngủ. Hồi trước, mặt con sông nhỏ này luôn nổi lênh phênh bọt xà phòng giặt, bây giờ xem ra nước sông có vẻ đã sạch hơn trước nhiều.

Cũng vào một ngày mùa thu như thế này, bà cụ tiết lộ với tôi về những lá thư gửi sang thế giới bên kia. Bây giờ nghĩ lại, tôi cảm thấy cái kiểu đó quả là đúng phong cách của bà cụ. Còn cách nào phù hợp hơn để khích lệ tinh thần một đứa trẻ sáu, bảy tuổi đây? Không thể phủ nhận vai trò của những lá thư ấy, nhờ chúng mà tôi có thể thoát khỏi chuỗi tháng ngày bất an kia, có thể tin rằng cú điện thoại không lời trong đêm tôi mất ngủ là của bố. Hơn nữa, suốt một thời gian dài, bà cụ đã giữ hộ tôi những lá thư ấy, số lượng không ít chút nào.

Nếu có thể, hôm nay tôi muốn nói với bà cụ. “Nhờ bà cháu mới được hạnh phúc như thế này.” Nhưng nghĩ tới đó, một cảm giác khó chịu xâm chiếm tôi, có gì như co thắt trong lồng ngực, tôi dừng bước.

Tôi đã làm gì với chính mình? Tôi yêu một người đàn ông quá kiệm lời, có quá nhiều thứ trong tâm trí anh tôi không biết. Anh là kỹ thuật viên xét nghiệm, làm việc cùng tôi ở bệnh viện cũ. Anh giống một đứa trẻ lặng lẽ đã quen thui thủi chơi một mình. Một thời gian, anh dần quen lui tới căn hộ của tôi. Trừ phi tôi hỏi thẳng kiểu “Lần sau bao giờ anh đến?” còn lại anh chỉ biết gật đầu với mọi câu nói của tôi.

Thật điên rồ khi yêu một kẻ mà ta không biết họ nghĩ gì. Nhưng tôi lại dễ chịu khi ở bên một người tự giam mình trong lớp vỏ chắc chắn như anh. Tôi không thấy thoải mái khi phải giao tiếp với những người khéo ăn nói, giỏi ba hoa. Ở họ có gì đó khiến tôi vừa sợ vừa ngưỡng mộ.

Lý do khiến tôi thành ra như vậy rất có thể liên quan tới những ấn tượng về bố trong ký ức. Nỗi buồn do bất lực không bước được vào thế giới lặng yên của bố, và hơi ấm xa xăm có thể xoa dịu nỗi trống trải mà tôi từng nhận được ở bố cứ vẩn vít quện vào nhau trong lòng tôi. Phải chăng tôi sẽ không thể cảm nhận được sự dịu dàng, ấm áp nếu không có nỗi buồn lặng lẽ giống như khi ở bên bố?

Thời gian gần đây, mỗi khi nghĩ về bố, một thứ tình cảm phảng phất như oán trách cứ dấy lên. Lẽ ra trước đây bố nên trò chuyện với tôi nhiều hơn. Nếu được như vậy tôi đã không đến mức thiếu thốn và thêm khát lời nói để rồi cuộc lại đâm ra sợ hãi chúng. Tuy nói thế không phải là phỏng đoán vô căn cứ, nhưng cũng là một lời buộc tội ngớ ngẩn. Cố gắng diễn giải đời mình bằng cách gán lỗi cho một người đã chết gần hai mươi năm, làm vậy có khác gì khẳng định rằng điều duy nhất tôi nhận được khi sinh ra trên đời này chỉ là một-người-cha-kiệm-lời-chết-trẻ.

Phải rồi, thật quá nực cười khi quy mọi chuyện là tại bố. Việc chỉ có vậy, quên đi được thì tốt hơn, chẳng qua tại mình mù quáng mà thôi - nhưng dù có tự nhủ bao nhiêu lần đi nữa, một cơn mơ vẫn cứ ám vào tôi trong giấc ngủ: Tôi gào khóc lúc bị đưa vào phòng mổ. “Tôi rất tiếc, nhưng không giữ đứa bé này được nữa.” Bác sĩ nhìn tôi, tiêm thuốc gây mê, lặp đi lặp lại: “Mộôt...Haai...Baa...” rồi khuôn mặt của bác sĩ biến thành khuôn mặt người đàn ông đó, “Chuyện kết hôn để khi khác đi, sẩy thai có khi cũng là cái số.” Anh chỉ nói vậy. Thà cứ kiệm lời, thà cứ lẳng lặng rời bỏ tôi còn hơn bắt tôi phải nghe những lời ấy.

Tôi quyết định nghỉ việc vì không chịu nổi cảm giác nặng nề khi phải làm cùng chỗ với người đó, nhưng thực ra nếu lý do duy nhất là vậy, tôi chỉ cần chuyển bệnh viện là xong. Nhưng không đơn giản thế. Tôi trở nên hèn nhát,

mất hết tự tin khi làm nghề y tá. Tôi chỉ muốn cuống cuồng bỏ chạy, rời thật xa cái nỗi ám ảnh khủng khiếp là thấy chính mình thành bệnh nhân trên bàn mổ.

Bọc thuốc mang theo đang nằm gọn trong cái túi du lịch nhỏ tôi xách bên tay phải. “Hay là mình nốc sạch thuốc,” ý nghĩ đó tiếp tục ám ảnh tôi. Lý do tôi chưa thực hiện được, hiển nhiên là vì hèn nhát. Song thật kỳ lạ, chính ý nghĩ rằng, “vẫn còn một con đường cuối cùng, là nốc sạch cả đồng thuốc ngủ,” lại khiến tôi muốn trì hoãn, thêm một ngày nữa, rồi lại thêm một ngày nữa. Đạo gần đây, tôi chọn uống thuốc như là tương lai duy nhất của mình, cứ như thể đó là phương đặc biệt giúp tôi tận hưởng cuộc sống, đã trải qua như thế cũng mấy tuần rồi. Giá như tôi có thể gọi đó là tương lai.

Quá đủ rồi, phải dừng cái trò vờ vĩnh này. Tôi thấy lo lắng và sốt ruột, như một người bị bỏ lại bơ vơ ở quầy bán vé cho chuyến tàu đi xa đông nghẹt trên một đất nước xa lạ. Phải nhanh chóng quyết định ga đến, phải nhanh lên... Nhưng đến đâu thì tốt nhỉ?

Khi tôi ngẩng đầu lên, cây dương vẫn sừng sững nơi đó. Tắm mình trong nắng chiều, những chiếc lá vàng kim reo xào xạc. Không phải quá khứ, không phải tương lai, không phải trong những giấc mơ hay chuyện vờ nào đó, cây dương tồn tại thật vô cùng tận, đầu óc tôi thoáng bỗng rỗng không. Cây dương chẳng bao giờ bận tâm chuyện nó không có nơi nào để đến. Đơn giản, nó luôn ở nơi nó vẫn đứng. Và cả tôi, bây giờ tôi cũng đang đứng đây.

Tôi hít một hơi thật sâu rồi bước tiếp. Mắt không rời cây dương vẫn vẫy tay chào, y như ngày tôi tới đây lần đầu tiên.

*

“Chiaki, là cháu à? Vào đi!”

Đang mặc đồ tang, nhưng cô Sasaki đón tôi rộn ràng tới mức chẳng hề có cảm giác ai đó vừa qua đời.

“Lâu lắm mới gặp, cô Sasaki.”

“Đúng là lâu thật đấy. Cháu đã lớn thế này rồi cơ à? Nhưng cô vẫn nhận ra ngay.”

Tuy đã bước sang tuổi năm mươi nhưng cô Sasaki vẫn để kiểu tóc ngắn trên vai giống như ngày nào, đuôi mắt hơi có nếp nhăn nhưng làn da không trang điểm của cô nhìn còn khá tươi tắn.

“Ở đây chẳng thay đổi gì cả, nhỉ?”

“Vâng, đúng thế thật.”

Cả cánh cổng, khu vườn, cả cảm giác âm u nơi sảnh trước và mùi hương, mọi thứ vẫn như ngày xưa. Tôi chỉ kinh ngạc vì đồng giày dép mấp mé tràn ra

khỏi sảnh, hình như bên trong đang rất đông người.

Ông cụ râu bạc trông có vẻ nhút nhát, người mà bà cụ gọi là “thầy tôi”, hồi trẻ đã bỏ rơi vợ con để chạy theo bà. Khi đó, một giáo viên tiểu học. Hai người không có con và bị họ hàng từ mặt, cắt đứt quan hệ. Chuyện này tôi biết ra từ lần bà cụ ngã bệnh đó, vì thế tôi cứ định ninh đám tang này sẽ rất lặng lẽ.

Tôi còn đang ngơ ngác đứng ở đầu sảnh trước thì cô Sasaki giục:

“Nào cháu, vào mau đi. Đều là bạn cả mà.”

Bạn là sao? Tôi bước vào, trong bụng không khỏi thắc mắc. Trong nhà, chật cứng những người là người. Ngay từ sảnh đã thấy đàn ông đàn bà ngồi trò chuyện đầy trong các phòng bếp, phòng sinh hoạt, cả trong căn phòng kiểu Nhật trước bà cụ vẫn ngủ nữa. Hầu hết đều già hơn tôi. Không ai có bộ mặt nghiêm nghị hay tỏ ra tất tưởi lo toan như thường thấy trong hoàn cảnh này. Cũng không ai than vãn hay khóc lóc. Các ô cửa sổ mở toang, toàn bộ khung cảnh tắm đẫm trong ánh sáng màu vàng kim lọt xuống qua tán lá dương đã nhuộm vàng. Mọi người ngồi đó, uống trà trong làn ánh sáng, nét mặt bình thản.

Trong phòng sinh hoạt, đối diện với tủ quần áo màu đen, trước cái giá sách đóng cố định trên tường, một bàn thờ nhỏ mới lập, quan tài của bà cụ được để ở đó. Tôi cúng cho bà cụ vàng hương và một gói bánh đậu Đại Phúc, vừa định ghé mắt qua ô kính trên nắp quan tài để nhìn mặt bà cụ, thì một người đàn ông bước tới mở hẳn cái nắp ra. Một mùi quen thuộc phảng phất bay ra. Chính là thứ mùi tôi đã ngửi thấy khi mở cái ngăn kéo hồi nào.

“Ồ...” Tôi ngỡ ngàng.

“Cháu ngạc nhiên à, thật khó tin nhỉ?”

Người đàn ông vừa mở nắp quan tài giúp tôi mỉm cười. Ông trạc sáu mươi, mái tóc bạc trắng chải hất ra sau để lộ khuôn mặt tròn lịch thiệp.

“Vâng, cháu không nghĩ nhiều thư đến thế, quả là rất bất ngờ.”

Bà cụ nằm trong quan tài, diện bộ kimono tím nhạt rất đẹp, hàng trăm lá thư rải kín xung quanh. Người đàn ông khẽ huơ lòng bàn tay phía trên chân bà cụ.

“Thư của tôi để đây này.”

“Vậy ra...” tôi bối rối, không nói được hết câu, “cả bác nữa à?”

“Ừ, đúng thế.”

Người đàn ông ngượng nghịu gật đầu như một cậu bé hơi yếu đuối, khuôn mặt đầy đặn khiến tôi liên tưởng tới trăng tròn.

“Thật không phải, bác quên chưa tự giới thiệu. Bác là Yamane ở Công ty Tang lễ Yamashira.”

*

Tôi thực sự bất ngờ vì vẫn đinh ninh rằng chuyện đưa thư sang thế giới bên kia chỉ là trò đùa bà cụ bịa ra để an ủi một đứa trẻ con như tôi mà thôi.

Khuôn mặt bà cụ lúc này nhỏ đi rất nhiều, nhưng vàng trán vẫn rộng y như trong ký ức của tôi. Mắt bà nhắm, miệng mím chặt hình chữ V ngược, khóe mép hơi nhếch lên nom như thoáng mỉm cười. Bà cụ đang ngủ, khuôn mặt giống thủy thủ Popeye gian ác khi còn nhỏ. Tôi nhìn bà chăm chú, đột nhiên nước mắt trào ra. Mặc dù chúng tôi đã đi hoàn toàn có thể tự đến thăm bà bất cứ lúc nào kia mà...

“À, cái này là của cháu, Chiaki.”

Cô Sasaki đặt bộp lên đầu gối tôi một xấp thư khá dày. Những chữ viết của chính tôi ngày bé đập vào mắt: “Gửi: Bố - Từ: Chiaki.” Hầu hết đều là phong bao màu nâu xỉn thô kệch, bên trên cả xấp thư có một tờ phụ lục in hoa thủy tiên tôi cắt từ tạp chí. Dấu vết tôi tẩy xóa rồi viết lại tên mình cho đúng vẫn còn.

Đầu hơi choáng váng, tôi toan để xấp thư xuống chân bà cụ thì bác Yamane nhẹ nhàng cầm lên và đặt giúp tôi xuống dưới ngực bà một chút. Rồi bác lẳng lặng đóng nắp quan tài bằng một thao tác vô cùng điệu nghệ.

“Lần đầu tiên bác gặp bà cụ...”

Bác Yamane nhấp tách trà cô Sasaki đưa, bắt đầu kể chuyện.

“...là ở một đám tang. Người chết là học sinh của chồng bà cụ. Một trí thức nghèo, và gia đình khá chật vật với chi phí tang ma, bà cụ liền gọi bác ra và nói về những lá thư. Bà cụ bảo khi nào chết bà sẽ giúp bác chuyển thư cho người ở thế giới bên kia và đề nghị bác giảm giá dịch vụ. Nghe thật vô lý.”

“Lúc ấy, bà cụ có kể cho bác nghe chuyện người anh họ đã mất của bà không?” tôi xen

“Không, chuyện khác. Chuyện về người chị gái đã chết của bà ấy. Một câu chuyện cảm động.”

Thấy tôi có vẻ không hiểu, bác Yamane cười khẽ rồi kể tiếp.

“Đầu tiên, bác nghĩ bà già này nhiều sự quá. Sau khi đứa con trai duy nhất của bác bị tai nạn chết, bác đâm ra chai lì trước những nỗi đau phải chứng kiến trong công việc này. Đã từng bất hạnh, bác cứ ngỡ mình có thể bình thản tiếp xúc với nỗi đau của người khác, nhưng không phải vậy, chuyện này thật đáng sợ. Có lần bác còn cau mày nói với một đồng nghiệp rằng người chết cũng chẳng khác gì lũ vịt trời. Thật xấu hổ, nhưng đúng là bác đã nói vậy.”

Thế là bác viết thư. Không hiểu sao bác bị ý tưởng của bà cụ cuốn hút, chẳng những giảm chi phí tang lễ, bác thậm chí còn không lấy tiền. Đêm hôm đó, bác viết rất nhiều. Bác đã viết ra mọi điều bác muốn nói với con trai, về cảm giác tội lỗi, về nỗi đau đớn, cả về rất nhiều dự định bác muốn cùng con thực hiện - nếu có điều gì khiến bác thấy cay đắng thì đó chính là cảm giác dường như bác lại thấy tương lai. Bác đã viết, viết ra toàn bộ, viết cả về cái tương lai giả định mà dù đã bao lần bác cố gắng gạt đi nó vẫn cứ hiện ra - là nếu con trai bác còn sống, cả về nỗi tức giận không ghìm nổi trong lòng mình. Viết đến đó bác dừng lại, cầm một bì thư dày nặng tới đây, đưa cho bà cụ. Ba ngày rông sau đó bác không viết gì, cảm giác đau đớn trở về, vậy là bác lại viết thư thâu đêm rồi lại đem thư tới...Chuyện này lặp đi lặp lại suốt một thời gian. Cho đến một hôm, bác nghe có tiếng nói “được rồi đấy, ổn rồi, không còn phải chịu đau đớn nữa đâu.”

Bác Yamane cúi đầu, môi mím chặt thành một đường kẻ.

“Hôm nay đến đây đều là những người được bà cụ nhận giữ hộ thư. Mọi người, đều được bà cụ giúp đỡ.”

Như bị bác Yamane thôi miên, tôi ngoảnh nhìn quanh. Đám người trò chuyện rì rầm này, có phải bà cụ đã gặp gỡ với từng người, từng người trong số họ? Ở ven đường, trong phòng chờ của bác sĩ khoa mắt, phía trước cửa hàng bánh kẹo truyền thống, trên tàu điện, ở lễ tang của một người nào đó, trên ghế công viên, trên tầng thượng khu bách hóa tổng hợp, trên cầu...với một người đang khóc, một người bộ dạng thần thờ, người vẽ mặt đánh lại căng thẳng, những người âu lo, những người không còn để lọt nỗi vào tai cả tiếng khóc thét của con trẻ, những người sợ hãi, lẽ nào bà cụ đã nói chuyện với từng người một trong số những kẻ

Một cơn gió thổi bất ngờ làm đung đưa những nhánh dương. Các phiến lá đã nhuộm vàng phấp phới dịch chuyển, và dòng ánh sáng màu vàng kim trên cao đổ xuống chợt rung rinh.

“Khi nãy, cháu bảo bà ấy kể chuyện người anh họ quá cố à?”

Giọng bác Yamane nghe thoáng nửa như một tiếng thở dài lại có chút gì như đùa. Tôi gật đầu.

“Còn với bác bà cụ lại kể chuyện chị gái ạ?”

“Đúng thế. Với mỗi người bà ấy kể một câu chuyện khác nhau.”

“Tất cả mọi người ư?”

“Ừ. Với ai cũng thế, bà ấy luôn kể một câu chuyện xảy ra với mình, nhưng mỗi câu chuyện đều về những người thân khác nhau. Người chết có khi là cha

bà ấy, có khi là một cô bé cùng tuổi, có khi lại là đứa em trai mới ba tuổi đã biết đọc...”

“Vậy sao?”

“Bác đến đây từ hôm qua, đã nghe rất nhiều chuyện, chẳng chuyện nào giống chuyện nào. Giả sử, chỉ là giả sử thôi nhé, liệu có phải vì bà ấy đã trải qua quá nhiều đau khổ nên mới không thể kể chuyện thật không nhỉ?”

Liệu có phải thế không? Tôi còn chưa kịp nghĩ gì, bác Yamane đang cúi xuống đã ngẩng đầu lên bảo:

“Nhưng biết đâu bà ấy rồi việc cũng nên. Ai chứ bà ấy thì bác nghi lắm, không chừng là vì bà ấy thích bịa đặt và thích làm người khác chú ý ấy chứ. Cháu thấy sao, có đúng bà cụ là người kiểu đó không?”

Tôi mừng tượng cảnh bà cụ cười nhăn ra. “Cái nhà tang lễ ngu ngốc này nói nhảm đấy.”

“Vâng ạ, cháu cũng nghĩ thế. Bà cụ thì có thể lắm.”

Nghe thế, bác Yamane thở phào như trút được gánh nặng, bác nhoẻn cười, đôi mắt nheo nheo.

Trời càng tối, người đến viếng thăm càng đông. Cô Sasaki và tôi bận túi bụi, nào là gọi điện thoại đến quán sushi, quán rượu để đặt món, nào là thổi cơm để làm cơm nắm và pha trà. Nhưng, c và tôi, đều không so được với những bà đứng tuổi ban nãy vẫn còn thông thả uống trà, toàn những người kinh nghiệm đầy mình cả. Họ nhanh nhẹn đeo mớ tạp dề kiểu Nhật lên người, tất cả đều trắng tinh như là được giặt sạch chỉ để dành cho đúng dịp này, ngoài ra có một số cái màu đen viền ren đen chuyên dùng cho tang lễ. Họ làm việc vô cùng khéo léo, gọn gàng và ăn ý như một nhóm bạn đã kết thân với nhau hàng chục năm trời. Cô Sasaki rất kinh ngạc. “Đúng là không ai sánh được!” Cô thốt lên rồi đưa tôi cái túi xách tay lớn màu đen của bà cụ và giao nhiệm vụ quản tiền. Sau đó cô tắt bật đạp xe đạp xuôi ngược vô số lần giữa siêu thị với trang viên Cây Dương, cố mua đầy đủ các thứ còn thiếu theo lệnh của các bậc đại tiền bối đáng kính: dưa muối, rong biển, hoa quả, trà, giấy vệ sinh...

Khi lễ đọc kinh qua đêm sắp kết thúc, trong nhà đã quá chật, bác Yamane mang những chiếc bàn gấp chuẩn bị từ trước ra kê ngoài vườn. Cái bếp dầu đặt ở chỗ phơi đồ cháy đỏ rực, trên bàn bày la liệt sushi, gà rán, dưa muối, cơm nắm kẹp giảm bông... Cô Sasaki và tôi quán xuyến cả bếp và vườn, hết ra rồi lại vào phục vụ rượu, người hâm nóng rượu giúp chúng tôi là ông cụ “đã sống ở khu này những bốn mươi năm”. Ông nhỏ thó, chỉ cao đến tầm vai tôi, chẳng biết vì uống nhiều rượu hay vì ám hơi nước mà da cứ bóng nhẫy lên. Ông nhìn những

chai rượu đang ngâm trong nồi hấp âu yếm như nhìn những đứa cháu đang tắm trong bồn vậy. Nghe nói ông có thâm niên nhiều năm làm việc hâm rượu tại một cửa hàng truyền thống cao cấp, căn cứ vào số lượng người, đoàn khách loại nào, món ăn ra sao mà ông có thể tính toán chính xác thời điểm để rượu không bị nóng quá và khách không phải chờ. Mặc dù có vẻ chưa vừa lòng vì tôi mời rượu quá vụng, nhưng mọi người vẫn luôn miệng vui vẻ khen ngợi: “Ngon quá, rượu này đúng là tuyệt hảo.”

Dưới bầu trời sao, những vị khách đã ấm người lần lượt từng tốp ba người, năm người ra về cả. Còn khoảng mười người có tuổi ở lại sau cùng giúp chúng tôi dọn dẹp. Họ định sẽ ở cạnh bà cụ cả đêm. Nhưng trong số họ có những người đã ở đây từ hôm qua, nên cô Sasaki và tôi lên tầng hai trải khắp các phòng trống những tấm chăn họa tiết khá sặc sỡ mà cửa hàng cho thuê chăn đệm mang tới. Bây giờ chỉ còn một mình cô Sasaki sống trên tầng hai thôi.

Đứng trước căn hộ mẹ và tôi sống ngày xưa, tôi có cảm giác bất ngờ nhiều hơn là xúc động. Chúng tôi đã sống ở một nơi chật chội lẹp xẹp thế này sao? Tuy nhiên, mở cánh cửa chớp xộc xệch ra, tôi thấy cây dương vẫn đứng đó, dáng như đang ghé qua khung cửa nhìn tôi. Vậy là tôi bắt đầu thấy hiện lên những hồi ức cũ. Là dáng tôi ngồi kê cái mông nhỏ trên bệ cửa sổ; là bóng mẹ đang ghi chép trên bàn trong bếp.

“Khoảng hai năm trước, phòng này bị bỏ trống, nó cũ rồi và chẳng ai thuê nếu không sửa chữa. Năm ngoái, phòng bên cạnh - phải rồi, phòng mà bác Nishioka từng sống ấy, cháu nhớ không, khi phòng đó trống, bà cụ không muốn cho thuê mới nữa. Không chừng bà cụ biết trước rồi.”

Vừa kể chuyện cho tôi nghe, cô Sasaki vừa vát vả loay hoay không biết làm sao để trải tấm ga giường hồ quá dày cứng ngắt.

“Nơi này, bà cụ đã quyết định là sẽ dành để cho quyên góp từ thiện đấy. Cho cái hiệp hội gì đó nhỉ...hội gì của những người nghiên cứu văn học Trung Quốc ấy, ngày xưa ông nhà bà cụ đã được họ giúp đỡ nhiều. Vì vậy, khi biết người ta quyết định lập một quỹ phần thưởng mang tên ông nhà, bà cụ phấn khởi lắm.”

Rồi cô Sasaki lẩm bẩm như nói một mình, bàn tay cử động càng lưỡng lự hơn: “Chẳng kiếm đâu được chỗ nào sống thoải mái như chỗ này. Cô nghĩ tốt hơn hết cô nên về quê thôi...”

Nửa đêm, khi việc đã vãn hẳn, cô Sasaki và tôi pha trà nóng cùng ăn bánh đậu Đại Phúc. Những vị khách ở lại có lẽ đã quá mệt, hầu hết chẳng buồn thay đồ, cứ mặc nguyên quần áo ngủ ngon lành trong chăn. Bên quan tài là hai ông

cụ vừa hồi nãy còn thềm thì trò chuyện giờ đã gà gật. Cô Sasaki và tôi ngồi đối diện nhau bên bàn trong bếp. Tất cả chỉ có ngàn ấy người.

“Ôi, nhiều việc quá! Chiaki mà không đến thì cô không biết phải xoay xử thế nào nữa.”

Ăn xong cái bánh Đại Phúc, cô Sasaki uống một hơi cạn tách trà rồi châm thuốc hút, “Lo lễ tang ngày mai chắc vất vả lắm đấy.”

“Chính cô đã báo cho tất cả mọi người đến đấy ạ?”

“Cô chỉ gọi điện thoại thôi mà cũng vất vả lắm rồi,” cô Sasaki lắc đầu cười.

“Không phải bà cụ nhờ cô gọi, nhưng hồi còn sống bà cụ đã giúp đỡ cô rất nhiều, nên cô nghĩ, sao mình không làm việc này cho đến nơi đến chốn được chứ. Bà cụ ghi chép rất chi tiết trong một cuốn sổ địa chỉ. Về những người bà giữ hộ thư.”

Chương 10

“Thế cơ ạ?”

“Cẩn thận lắm. Lại còn chi tiết ngày nhận, còn có cả ghi chú như ‘cá hồi muối, một khoanh’ hay ‘chăn len’ nữa. Có lẽ đó là những món đồ bà cụ đã nhận. Bà cụ chắc chắn quá thể.”

“Cô Sasaki cũng...” hơi bối rối một chút, rồi tôi cũng cố hỏi rõ, “cô cũng nhờ bà giữ hộ thư ạ?”

Không, cô Sasaki lắc đầu rồi dụi điếu thuốc lá xuống cái gạt tàn. Cách cô dập điếu thuốc hã còn quá nửa mà không làm nó bị gãy gập vẫn y như ngày xưa.

“Cô nghe chuyện đó đâu khoảng nửa năm trước thì phải. Cô bất ngờ lắm, vì cũng thực khó tin. Bà cụ bảo: ‘Sau khi tôi chết, cô mặc cho tôi bộ kimono này nhé, sau đó lấy toàn bộ thư từ trong cái ngăn kéo ở đây bỏ vào quan tài giúp tôi’. Rồi bà cụ tặng cô một chuỗi vòng cổ bằng ngọc bích rất to. Cô bảo không cần đâu nhưng bà cụ nói: ‘Gớm, có tặng cô cái gì đó thì cô mới giúp tôi việc lúc cần chứ’. Ghê gớm quá thể, cái bà cụ ấy”.

Rồi cô Sasaki kể tỉ mỉ hơn về thời gian trước khi bà cụ mất. Tới tận phút cuối bà cụ vẫn còn khá khỏe và tự làm hết mọi việc, nhưng dần dà bà chỉ toàn ăn ô mai với đậu ninh nhừ; khoảng hai, ba năm gần đây mắt bà cụ lòa hẳn không thể đọc được tờ báo yêu thích nữa. Bà cụ thường nói: “Bản một tí thôi là tiêu đời. Dấu hiệu của sự ra đi đấy!” nên dù cho có phiền não cỡ nào bà cũng phải tắm ba ngày một lần. Cả những khi đau yếu như bị cảm gió, bà cụ vẫn kỳ cọ người thật sạch bằng nước nóng. Điều này khiến tôi buồn vô kể. Cũng có thể chỉ vì bà cụ quá vương vấn thế gian này, nhưng đúng là bà cụ đã cố gắng sống thật lâu, vậy mà đến cả một lần về thăm bà tôi cũng không, làm sao tôi có thể tha thứ cho mình được.

Khi mẹ quyết định tái hôn và rời trang viên Cây Dương, tôi lên mười. Trong lòng tôi không hề muốn rời đi nhưng chẳng thể nói được với ai. Vài ngày trước khi chúng tôi chuyển nhà, bà cụ bảo:

“Này, cái con mèo béo ú mà cháu hay cho uống sữa đó. Cái đồ tham ăn, phì nộn ấy nhìn tưởng gấu lắm thế mà lúc cắn nhau thì chả ra sao. Chỉ biết gầm gừ khàn cả tiếng thôi. Có được cái tích sự gì đâu. Nhưng vì cháu thích nó, nên dù

cháu có đi đâu đi nữa, nó vẫn là mèo của cháu đấy. Chừng nào cháu vẫn còn mê con mèo gian manh đó”.

“Bức ảnh đó trông ngộ đúng không?”

Cô Sasaki nói. Tôi ngẩng đầu lên, thấy cô đang nhìn ảnh bà cụ trên bàn thờ.

“Tấm ảnh đó bà cụ cũng tự chuẩn bị đấy. Bà cụ diện kimono rồi tự ra tiệm chụp ảnh. Mà lại chẳng bao giờ đeo răng giả vào”.

“Nhưng khi ra ngoài bà cụ thích chững diện cơ mà”.

Tôi tiếp lời cô, rồi cả hai bật cười. Tôi và cô Sasaki liếc cái quan tài, cố nín cười. Hai ông cụ đang ngủ gật. Trong tấm ảnh, trông bà cụ như tức giận hằm hằm.

“Này, giờ cháu làm gì? Cô thì vẫn thế, vẫn chuyên làm đồ hóa trang bằng bông với áo váy công chúa, chỉ có vậy thôi”.

Bị cô Sasaki hỏi, tôi đành kể mình đã trở thành y tá nhưng đang thất nghiệp.

“Cháu bỏ nghề à?”

“À, đại khái thế”, tôi nói qua quýt. Cô Sasaki chăm điếu thuốc mới.

“Mẹ cháu, có vẻ vẫn khỏe nhỉ?”

“Vâng”.

“Giọng mẹ cháu qua điện thoại nghe chẳng khác xưa chút nào. Vẫn cách nói chuyện đầm đạm đó. Mẹ cháu tái hôn rồi phải không?”

“Mẹ cháu tái hôn ngay sau đợt chuyển đi cô ạ. Bố dựng cháu kinh doanh một công ty xây dựng...”

Đến đây, tôi im lặng một lát. Cứ nghĩ về dựng và các anh chị con của dựng, tôi lại có cảm giác bức rứt. Họ đều là người tốt, họ làm nhiều điều cho tôi, vậy mà tôi không bao giờ nghĩ mình không thuộc về cái gia đình đó.

Đang gà gật như người chèo thuyền, chợt một ông cụ va đầu vào kính cửa sổ nghe “cốc” một tiếng khô khốc. Cô Sasaki đứng dậy, sang phòng bên cạnh lấy chăn. Cô đưa một tấm cho ông cụ đang cười bối rối. “Trời lạnh rồi bác nhỉ?” nói rồi cô cẩn thận phủ một tấm chăn nữa lên vai ông cụ đang ngủ say, mặt gục xuống ngực. Sau đó cô mở ngăn kéo tủ bếp sau lưng tôi, lấy dưới đồng khăn mới lèn chặt ra một lá thư.

“Cái này, mẹ nói để cho Chiaki đọc”.

Tôi nhìn chăm chăm. Những con chữ quen thuộc. Lá duy nhất mẹ viết cho bố mà chính tay tôi đưa cho bà cụ hồi trước.

“Hôm qua, nói chuyện với mẹ cháu xong cô cúp máy, một lát sau mẹ cháu đã gọi lại

“Mẹ cho phép cháu đọc lá thư này ạ?”

“Ừ”.

Vậy là mẹ biết tôi gửi lá thư này chỗ bà cụ. Mẹ cho tôi đọc nó có nghĩa là gì vậy nhỉ? Tại sao lại vào thời điểm này?

Tôi lặng đi. Cô Sasaki vỗ vai tôi.

“Cháu đọc xong rồi mai nói với bác Yamane, nhờ bác ấy để vào trong quan tài bà cụ là được mà, nhỉ?”

“Cô đi nghỉ, khoảng hai tiếng nữa quay lại nhé”, cô Sasaki nói rồi lên tầng. Tôi thần thờ cầm phong thư màu kem trên tay một lúc. Mẹ đã viết những gì trong này, nên chuẩn bị tinh thần nào để mở đọc nó đây, tôi cảm thấy hoang mang, mông lung quá. Lúc nào mẹ cũng như vậy. Đúng lúc cứ tưởng mẹ băng đi không để tâm, thì bất thành linh mẹ sẽ tự ý làm một việc gì đó chẳng ai ngờ được.

Mắt vẫn dán vào phong thư, sự kiên nhẫn trong tôi vơi dần, tôi liền mở ngăn kéo nằm ngay trên cái ngăn mà khi nãy cô Sasaki vừa lấy thư ra.

Đúng như tôi nghĩ, mọi thứ vẫn hệt như xưa. Ruy băng và dây dợ các loại nằm gọn một góc, trong cái hộp kẹo dẹt có một chiếc kéo để cạnh lọ hồ dán, thước dây, cuộn băng dính... Lòng dần lắng lại, tôi cầm cây kéo cùn ấy lên và mở thư.

11.

Vậy là đã nửa năm trôi qua kể từ ngày anh mất. Em bỏ lại căn nhà của chúng ta, chuyển tới chỗ khác và đã tìm được việc làm. Mới chỉ nửa năm thôi mà có quá nhiều chuyện xảy ra, giờ nhìn lại, em thấy như mình vừa ngủ một giấc rất dài. Anh cũng biết đấy, em là người vô tâm và lơ đãng, nhưng không hiểu sao gần đây em thậm chí còn đãng trí hơn nhiều so với ngày trước. Chiaki nhờ em khâu lại chỗ rách trên bộ quần áo thể dục của nó mà em cũng quên mất. Vậy là con bé phải mặc bộ đồ rách suốt hai tuần liền, tội nghiệp con quá.

Em đã trở nên như vậy, là vì lúc nào em cũng tự ép mình trong trạng thái căng thẳng, chính em cũng biết điều đó. Nhưng cứ hễ cho phép bản thân lơ lỏng một chút, em lại hối hận và đau đớn hết mức, đến nỗi chân tay cũng đờ ra. Rồi em lại bắt đầu vòng luẩn quẩn tự trách mắng và nguyên rủa bản thân. Rằng có lẽ em đã không đủ dịu dàng, và rằng mọi chuyện hẳn đã khác đi nếu ngày đó em gọi anh lại...

Thậm chí em đã nghĩ, nếu có thể, em muốn xóa hẳn anh khỏi kí ức của em. Nhưng em càng làm theo cách đó, Chiaki càng tỏ ra bất ổn, dù có cố gắng thế nào em cũng không làm nổi...

Có lẽ em hơi quẫn quá mất rồi. Chiaki lén em viết thư cho anh. Khi biết chuyện của con bé mang những lá thư ấy đến chỗ bà cụ chủ nhà, em đã phàn nàn bà cụ. Mong bà đừng xúi giục làm rối loạn tâm lý trẻ con nữa. Em thật là vô lối quá.

Trước cơn phẫn nộ đùng đùng của em, bà cụ lẳng lặng mời em vào nhà rồi đưa em đọc những lá thư mà Chiaki viết. Trong thư, con bé cố gắng bằng mọi cách để mang anh, người cha đã mất của nó, trở về một lần nữa. Nó đã ép cái tâm hồn nhỏ bé trong cơ thể nhỏ bé của nó quá mức có thể. Sự dũng cảm ấy của con khiến em không cầm được nước mắt, đến nỗi em quên rằng em đang ở trước mặt bà cụ. Nhưng có một điều quan trọng hơn, với trách nhiệm làm mẹ, em không thể làm ngơ.

Chiaki thực sự giống anh. Đọc thư của con, em cảm nhận rõ điều đó. Con bé không vô tâm như em, kiểu chỉ cầu mong mọi thứ luôn được cân bằng. Chắc chắn một ngày nào đó Chiaki sẽ phát hiện ra em nói dối con về cái chết của anh, nghĩ đến đây bất giác em rùng mình.

Có lẽ càng lớn lên con sẽ càng giống anh hơn. Giống như anh, ít nói nhưng nhạy cảm trước nỗi đau của người khác, chính vì thế con bé sẽ ưa cô đơn, nhưng hẳn nó chẳng thể nào không sống vì người khác. Con mình sẽ trở thành một người như thế. Dần dần, những xung đột nội tâm trong con bé chắc chắn sẽ đầy ắp lên. Và càng giống anh bao nhiêu, con sẽ càng cần anh bấy nhiêu. Nhưng tất cả những điều đó chỉ có ý nghĩa khi con còn sống thôi.

Em định cứ tiếp tục nói với con rằng anh qua đời vì tai nạn giao thông. Có lẽ giấu một đứa trẻ chuyện bố nó tự tử là điều khá hiển nhiên, nhưng em nghĩ, với Chiaki, bí mật ấy cần phải được giữ giấu kín lâu hơn nữa. Nếu con bé biết về cái chết của anh, rằng cơ thể anh còn nguyên vẹn như một kì tích dù anh đã rơi xuống từ trên độ cao như thế, chắc hẳn một ngày nào đó, con bé sẽ không thể cưỡng lại cái cảm giác thôi thúc làm theo hành động đó của anh. Bởi, Chiaki có tâm hồn giống anh biết

E rằng sẽ có người bảo em làm vậy chỉ vô ích thôi. Bởi Chiaki biết sự thật hay không cũng có gì khác đâu, sự thôi thúc trong trái tim con bé đã có từ bẩm sinh rồi, giống như thủy triều lên xuống bởi lực hút của mặt trăng vậy. Cũng có thể có người sẽ nói như họ đã hiểu hết, rằng giấu giếm như thế là sai. Rằng em hãy tâm sự hết, tuôn hết những điều chất chứa trong lòng, nói ra cả những gì không

vừa ý, khuyên bảo con bé không bao giờ được nảy sinh ý định tự tử, rằng thật tốt biết bao nếu có thể ràng buộc được con... nhưng rõ ràng là không thể. Chừng đó là quá nhiều với con bé. Chẳng có dấu hiệu nào cho thấy rằng, con bé sẽ an toàn nếu em khuyên bảo nó đủ nhiều, và vì vậy mà ít nhất, điều em có thể làm được là tiếp tục giữ kín bí mật này. Chỉ vậy thôi. Có lẽ con bé sẽ giận em, và nổi loạn nữa. Em rất lo.

Bây giờ, khi viết về những kỉ niệm, em vẫn quá chừng đau xót. Em chất đầy áp trong lòng lời oán trách dành cho anh, như choàng lên mình tấm áo giáp để tự vệ trước những đau đớn, tấm áo giáp mà tới giờ em vẫn chưa thể bỏ ra. Anh khư khư nỗi đau của riêng mình, không nói năng gì và tự ý ra đi. Anh giả bộ ra ngoài lang thang, cũng như mọi khi, như anh vẫn thường làm những lúc đòi hỏi phải có quyết định trong các việc khó xử, anh để lại thư cho người tình cũ rồi tự tử... Hẳn anh biết rất rõ, điều này khiến em đau đớn đến đâu, vậy mà...

Bà cụ chủ nhà bảo, nếu muốn em cứ viết thư cho anh rồi mang đến. Những lá thư, dù gửi đi theo cách nào, qua đường bưu điện, hay trong cái chai trôi dạt trên biển, đều có thể giải tỏa tâm tư của người viết. Nghe như chuyện lừa để dỗ trẻ con, nhưng thật lạ lùng, khi bà cụ nói với em, em cảm thấy những gì trước đây bóp nghẹt tim em bỗng nhiên được nói lỏng. Lá thư này em định chờ Chiaki mang hộ đến chỗ bà cụ. Nhưng lý do duy nhất, là bởi em biết làm vậy chắc chắn Chiaki sẽ vui mà thôi.

Có lẽ từ đây về sau em sẽ chăm viết thư cho anh hơn. Em phải viết, hàng chục, hàng trăm lá nữa. Những lá thư ấy, em sẽ giữ chúng cho riêng mình. Tại sao anh chết, em sẽ viết nhiều về điều đó, em sẽ hiếm khi đọc lại những điều viết ra và sẽ tiếp tục sống, ôm trong lòng câu hỏi không lời đáp kia, đó là cách riêng để em giữ anh. Dù sao, em cũng không thể xóa sạch những gì gắn em với anh. Nếu đã chạy trốn mà vẫn không thể quên, thì em còn cách nào khác được.

Một ngày nào đó, khi em thấy Chiaki đã thực sự lớn khôn, đã làm chủ được cuộc sống của mình, em sẽ cho con bé biết sự thật. Bây giờ, không biết liệu em có thể kể hết mọi chuyện, về những niềm vui và nỗi buồn mà em đã trải qua?

Chừng nào ngày đó chưa tới, xin anh hãy bảo vệ Chiaki. Tuy vẫn chưa thể chấp nhận điều anh đã làm nhưng em sẵn sàng tha thứ cho anh, vì đã được gặp anh, yêu anh và được ban tặng Chiaki, cô con gái có tâm hồn giống hệt anh.

Tsukasa

Tôi lặng đi, bất động chìm vào suy tư. Bố đã chọn cái chết cho mình, thì đành vậy. Dù sao cũng đã trôi qua một khoảng thời gian dài. Và người cho

tôi khoảng thời gian trọn vẹn đó... chính là mẹ.

Đúng như mẹ đã dự đoán, ở tuổi thiếu niên, sự ngưỡng mộ tôi dành cho “người bố không còn ở đó” đột ngột trở nên ám ảnh đến bất thường. Hồi cấp II, mẹ quở trách tôi hết lời vì có một đạo thành tích của tôi thụt lùi, tôi đã cãi mẹ: “Sao mẹ không nhìn lại cuộc sống của mẹ ấy? Mẹ không thấy bố thật đáng thương sao?” Đó là lần duy nhất tôi thốt ra những lời kiêu đó.

Bây giờ, tôi vẫn còn nhớ như in tình cảnh lúc ấy. Mẹ không nổi cáu, không bật khóc. Và đương nhiên, cũng không tiết lộ sự thật. Buồn rầu, mẹ chỉ chậm rãi nói, bằng cái giọng thấu hiểu đến kỳ lạ: “Con rất giống bố con đấy.”

Sau đó, nhiều lần tôi hỏi mẹ: “Con giống bố ở điểm nào?” Câu trả lời của mẹ tuy không tránh né, nhưng rất mờ lung, đại loại là “khó tính”, hay “nội tâm, thực khó để biết hai bố con đang nghĩ gì”, và dù tôi có vạ hỏi thêm mẹ cũng sẽ không nói gì khác. Cũng có khi tốt hơn hết không nên chạm tới những gì mình không biết, không cố đào bới mổ xẻ làm gì, nhưng tôi không làm được thế. Tôi cứ cố suy diễn theo chủ quan của mình rồi tự nhủ: “Vì mình giống bố cho nên mẹ ghét mình”.

Ý nghĩ đó không chỉ khiến tôi có cảm giác đang gánh vác một sứ mệnh ngọt ngào, rằng chỉ tôi mới có thể an ủi bố, đồng thời nó cũng giúp tôi dễ chấp nhận mọi chuyện hơn. Dượng tôi là típ người sôi nổi, ưa hoạt động, cả ngoại hình lẫn tính cách đều hoàn toàn khác bố. Bởi vậy nếu tôi vì “giống bố” nên bị mẹ lạnh nhạt thì tôi có thể yên tâm rằng không có bất cứ điều gì giả tạo trong hạnh phúc của mẹ khi tái hôn với dượng. Trong gia đình mới, mẹ lại trở về là một người điềm nhiên, bình thản như xưa. Nhưng trên hết, liệu có phải căn nguyên của việc tôi nổi loạn vì không thể chấp nhận sự lựa chọn của mẹ - bất chấp thiện chí từ phía dượng - có liên quan đến bí mật mẹ vẫn giấu kín đó. Tận sâu trong lòng tôi ương ngạnh khư khư bám giữ một lời nguyện cầu. Cùng với nỗi nhớ thương dành cho người bố đã mất, tôi cũng mong mẹ luôn hạnh phúc, thứ hạnh phúc không gợn chút mây mờ, hoàn hảo đến mức sáng chói. Ước mong ấy mạnh mẽ và quyết liệt tới mức đôi khi làm tôi đau đớn.

“Con rất giống bố đấy”.

Khi thốt ra điều đó, chính mẹ cũng rất đau lòng. Không được để mắt tôi, có lẽ tất cả nỗi đau mà trái tim mẹ nên chịu đều là vì thế. Vậy là, trong lòng mẹ cũng có một ước mong vô cùng mãnh liệt.

Nếu hôm nay, mẹ không cho tôi xem lá thư này, e rằng cả đời mẹ không bao giờ có cơ hội nói ra sự thật nữa. Có lẽ mẹ biết tôi đang phải trải qua thời kỳ

khó khăn nên mới quyết định như vậy. Hay... phải chăng mẹ thực sự tin rằng, tôi đã trở thành người lớn, chín chắn và đang sống vững vàng?

Tôi lấy ngón tay quệt hai má ướt đầm cho đến khi khô hẳn. Đang lau nước mắt, tôi bất giác bật cười. Nếu đúng là mẹ nghĩ tôi thực sự đã trưởng thành, thì đó quả là một phán đoán sai lầm. Thực sự sai lầm, mẹ ơi.

Tôi bỏ thư vào bao, ngón tay lần theo nét chữ rất nữ tính của mẹ. “Cám ơn mẹ!” tôi thì thầm.

12.

Ngày hôm sau. Hình như đâu đó có hội thao, từ sáng sớm đã mấy lần nghe tiếng pháo nổ giữa trời quang, cứ như chúng được bắn lên vì bà cụ. Trong lễ tang, nhiều người có vẻ là cựu sinh viên của chông bà cụ cũng tới dự, tất cả đổ ra vườn nghe đọc kinh. “Thời tiết đẹp nhỉ!” “Vâng, đẹp thật!” “Không thể tin nổi, tới tận hôm qua trời vẫn còn mưa dầm dề” “Khó tin thật” “Khớp gối tôi yếu rồi, nếu thời tiết không đẹp thế này thì tôi không ra khỏi nhà nổi”. “Tôi cũng vậy. Chà, chắc hẳn bà cụ đã dàn xếp với thần linh mới được thế này”. Những mẫu hội thoại kiểu đó rầm rì truyền đến tai tôi.

Tôi đứng cạnh cây dương nghe kinh cầu. Giữa tán lá thưa ẩn hiện thấp thoáng ba trái qua lâu nhàn nhạt, cả một cái tổ chim nữa. Tôi nhặt một cái lá rụng, định nhét vào túi nhưng rồi lại thôi. Nếu khu căn hộ cho thuê này không còn cây dương sẽ ra sao, tôi tự hỏi, nhưng bất kể thế nào, tôi sẽ không bao giờ quên nó, như vậy là đủ.

Sắp xếp giờ đưa tang, bất ngờ xuất hiện một chiếc xe buýt to, bóng loáng, thành xe vẽ hoa anh đào lác đác. Chiếc buýt đỗ xích trên con đường ven bờ sông.

“Xin mời lên xe nhanh lên nào. Xe buýt đang chặn đường đấy, làm ơn nhanh lên!”

Bác tài đeo găng tay trắng và mặc tang phục chỉnh tề, vừa lớn giọng nhắc nhở vừa nhanh nhẹn giúp các ông bà cụ lên xe.

“Bác Nishioka!”

“A...”

“Cháu là Chiaki, Hoshino Chiaki đây bác”.

“Chi... Chiaki đấy ư?”

Bác Nishioka hơi mập ra, mái tóc chải hất ra sau đã nhiều màu trắng hơn, nhưng cái vẻ hơi nhút nhát và giọng nam cao the thé không hề thay đổi so với ngày xưa.

“Ôi, cháu đã lớn thế này rồi cơ à, thành người lớn rồi đây”.

Tôi không ngờ có thể gặp bác Nishioka ở đây. Vì bác rời trang viên Cây dương trước cả mẹ con tôi. Hẳn là có nguyên nhân, nhưng tôi cũng chỉ đoán thôi. Ba tháng trước khi chuyển nhà, có lần bác Nishioka gọi cô Sasaki đang trên cầu thang của khu căn hộ đi xuống: “Cô, cô có muốn đi xem buổi biểu diễn thường kỳ của Shi... Shichou không?” nhưng bị từ chối thẳng thừng: “Tôi không thích tấu hài...” Lúc đó tôi đang ở dưới tầng, chui trong ngôi nhà đồ chơi yêu thích dựng từ hộp bìa các tông, nghe rõ cả tiếng thở dài rất lớn của Nishioka.

Bác Nishioka nói liến thoắng, đôi lông mày thì rung rung, vẫn hệt như hồi nào. Nghe nói mười năm trước, bác cùng với một người bạn mở công ty Dịch vụ lái xe.

“Không, không, không phải xe của bọn bác đâu. Cả cái xe hoành tráng thế này, nếu là của mình thì oách quá. Đây là xe đi mượn đấy. Vì cô Sasaki dặn là phải chọn loại xe to nhất. Lại không được chọn cái xập xệ nữa”.

Bàn tay đeo găng trắng của Nishioka vỗ binh binh vào thành xe buýt.

Cô Sasaki đóng hai cánh cổng sắt, tiếng kêu kèn kẹt, rồi chạy lại phía chúng tôi.

“Tán gẫu sau đi! Tôi sẽ đi cùng xe với bà cụ, mọi người đi xe sau nhé!”

Không đợi nghe trả lời, cô Sasaki leo ngay lên xe chờ linh cữu.

“Ôi, cô ấy làm bác bất ngờ quá!” bác Nishioka nhìn theo xe chờ linh cữu vừa đi qua, lẩm bẩm vẻ thích thú.

“Mười năm... à không, mười sáu năm rồi bác với cô ấy chỉ gửi thiệp qua lại. Rồi đột nhiên cô ấy điện thoại cho bác, vì việc này.”

Vẫn dõi theo hướng chiếc xe chờ linh cữu, bác Nishioka nheo mắt. Chợt, bác hạ thấp giọng để những người già đang lần lượt lên xe không nghe thấy.

“Chiaki, những người này có quan hệ với bà cụ như thế nào? Họ hàng à? Hay bạn bè?”

“À... bạn bè ạ.”

“Tất cả ư?”

“Vâng, tất cả.”

Bác Nishioka gật gù. “Bà cụ đúng là không đơn giản chút nào.”

Chạy về hướng nhà hỏa táng nằm trên đồi, chiếc xe buýt tấp mình trong nắng mùa thu. Ghế ngồi rất êm và có thể ngửa ra phía sau.

“Ôi, thoải mái thật, dễ chịu như trên thiên đường ấy.”

Tiếng bà cụ ngồi cùng bác Yamane reo lên. Cứ như là chuẩn bị đi dã ngoại vậy.

“Anh Osamu khỏe không bác?”

Từ hàng ghế trên cùng, tôi nhòai người về phía trước bắt chuyện với bác Nishioka.

“Khỏe khỏe. Nhưng nó bị nghiện.”

“Nghiện ư?”

“Ừ, nghiện leo núi.”

“Anh ấy leo núi hả bác?”

Cậu bé Osamu gò ngày nào giờ đã trở thành một vận động viên leo núi, nhất thời tôi chưa thể hình dung ra điều này.

“Ừ, và nhiếp ảnh. Kiếm tiền kiểu gì chứ như vậy thì nguy hiểm quá. Bác bảo nó đừng đi một mình, nhưng nó qua cái tuổi biết nghe lời bố mẹ rồi.”

Mất một lúc, tôi mãi mê nghĩ về Osamu. Về chuyện anh một mình leo núi, một mình nhóm lửa chuẩn bị bữa ăn, một mình làm việc giữa mây gió, dưới ánh nắng và trập trùng là những ngọn núi mà tôi chưa được chiêm ngưỡng bao giờ.

“Lần tới, bác cho cháu xem ảnh anh ấy chụp nhé!”

“Cháu nói thật chứ? Thằng bé chắc mừng lắm đấy! Bác... bác sẽ bảo nó liên lạc với cháu.”

Chỉ nhìn thấy lưng bác Nishioka, nhưng tôi biết bác đang mỉm cười. Tôi thu người sâu hơn vào ghế. Trên bầu trời xanh ngắt, một dải mây hình thành sau đuôi máy bay chạy dài mãi về phía trời xa tít tắp. Tôi dự tính, sau khi về nhà, có lẽ tôi nên cùng mẹ làm một chuyến du lịch ngắn ngày. Sau đó, tôi sẽ tìm một bệnh viện tốt để quay trở lại làm việc. Chắc chắn, những ngày tươi đẹp sẽ lại tới. Bởi vì: tôi còn sống.

Chợt một giọng nói vẳng vào tai tôi:

“Nhưng trước hết, cháu phải quét lá rụng cho bà đã. Còn phải xin lỗi hàng xóm vì đã để lá rụng nhiều thế này...”

Tôi sực tỉnh, nhìn lên trời thấy dải mây dài sau đuôi máy bay vẫn còn đó. Ở ghế bên cạnh, một bà cụ nhuộm tóc tím khe khẽ xuýt xoa. Tiếng xe buýt chạy êm ru, không xóc chút nào.

Tôi sẽ quét lá rụng, đốt cỏ khô, rồi sau đó nướng thật nhiều khoai. Bọc khoai trong giấy báo ướt và giấy bạc. Bà cụ sẽ không phàn nàn gì chứ?

“Sắp đến nơi rồi!”

Bác Nishioka bấm còi xe thật nhịp nhàng. Chẳng mấy chốc, dải mây sau đuôi máy bay đã tan, nhưng tôi vẫn mãi mê nhìn bầu trời cao thăm thẳm.

Hết



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

CHÚ THÍCH

[1] Một nhân vật hoạt hình nổi tiếng, chàng thủy thủ yếu đuối Popeye thường bị nhân vật Bluto bắt nạt. Anh trở nên khỏe mạnh phi thường nhờ ăn rau chân vịt và đánh bại Bluto trước sự ngưỡng mộ của cô bạn gái Olive.

[2] Bỉ ngạn (Higan) là lễ hội kéo dài bảy ngày vào khoảng các ngày xuân phân và thu phân. Vào dịp lễ này, tín đồ Phật giáo đến viếng mộ người thân ở trong phạm vi các nhà chùa.

[3] Một loại cửa kéo nhỏ thường thấy trong căn phòng kiểu truyền thống của Nhật, được làm chạm sần để có thể quét rác từ trong phòng ra ngoài.

[4] Tiếng Anh: cú bắt đẹp!